

GIỚI THIỆU SÁCH GIA-CƠ

LỜI MỞ ĐẦU

- A. Đây là quyển sách Tân Ước được Soren Kierkegaard yêu thích bởi vì nó nhấn mạnh đến nếp sống thực hành hằng ngày của Cơ Đốc Giáo.
- B. Nhưng nó lại là quyển sách trong Tân Ước mà Martin Luther không mấy thiện cảm, bởi vì có vẻ như nó đối nghịch với giáo lý “sự xưng công bình bởi đức tin” mà Phao-lô nhấn mạnh trong thư Rô-ma và Ga-la-ti.
- C. Sách này có thể loại rất khác biệt với những sách khác trong Tân Ước
 - 1. Nó giống như một loại sách Châm-ngôn cho Giao Ước mới (thể loại văn chương khôn ngoan) do một vị tiên tri sốt sắng viết.
 - 2. Nó được viết không lâu sau khi Đức Chúa Giê-xu chết nên còn mang đậm chất Do thái và thực hành.

TÁC GIẢ

- A. Tác giả theo truyền thống là Gia-cơ (tên trong tiếng Do Thái là “Gia-cốp”), em kế của Đức Chúa Giê-xu (một trong bốn người em của Chúa, xem Ma-thi-ơ 13:55; Mác 6:3; Công-vụ 1:14; 12:17; Ga-la-ti 1:19). Ông là lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem (khoảng năm 48-62 sau Chúa, xem Công-vụ 15:13-21; Ga-la-ti 2:9).
 - 1. Ông được gọi là “Gia-cơ Công Chính” và sau đó có bị gán biệt danh là “đầu gối lạc đà” bởi vì ông thường xuyên quỳ gối cầu nguyện (theo Hegesippus, Eusebius trích dẫn).
 - 2. Gia-cơ không phải là tín đồ cho đến sau khi Chúa phục sinh (xem Mác 3:21; Giăng 7:5). Đức Chúa Giê-su đã hiện ra với ông cách cá nhân sau khi Ngài phục sinh (xem I Cô-rinh-tô 15:7).
 - 3. Ông có mặt với các sứ đồ trên phòng cao (xem Công-vụ 1:14) và chắc cũng có mặt khi Đức Thánh Linh giáng lâm trong Lễ Ngũ Tuần.
 - 4. Ông có gia đình (xem I Cô-rinh-tô 9:5).
 - 5. Phao-lô xem Gia-cơ như là cột trụ của Hội thánh (có thể là Sứ đồ, xem Ga-la-ti 1:19) nhưng không thuộc trong số mười hai Sứ đồ (xem Ga-la-ti 2:9; Công-vụ 12:17; 15:13ff).
 - 6. Trong quyển *Antiquities of the Jews*, 20:9:1, Josephus cho biết Gia-cơ bị ném đá năm 62 sau Chúa theo lệnh của phe Sa-đu-xê trong Tòa công luận; nhưng theo truyền thuyết khác (Clement of Alexandria hoặc Hegesippus, những tác giả trong thế kỷ thứ hai) thì Gia-cơ bị xô xuống từ vách đền thờ.
 - 7. Trong nhiều thế hệ nối tiếp sau khi Đức Chúa Giê-su chết, có một thân nhân của Đức Chúa Giê-xu được cử làm lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem.
- B. Trong quyển *Studies in the Epistle of James*, A. T. Robertson xác nhận quyền tác giả của Gia-cơ:

“Có nhiều bằng chứng cho thấy thư tín này được viết bởi tác giả của bài diễn thuyết trong Công-vụ 15:13-21—Các điểm tương tự trong tư tưởng sâu sắc cùng với văn phong tinh tế đến độ như là bắt chước hay là sao chép. Sự giống nhau như vậy cũng xuất hiện giữa Thư Gia-cơ và Thư An-ti-ôt, dường như cũng do Gia-cơ viết (Công-vụ 15:23-29). Bên cạnh đó, còn có những đoạn kể hồi tưởng rõ ràng về Bài giảng Trên Núi mà có thể chính Gia-cơ đã nghe trực tiếp hay ít nhất là được kể lại những điểm cốt yếu. Trong bức thư có những hình ảnh sống động càng làm nổi bật lên tính chất đặc thù trong cách giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu” (trang 2). A. T. Robertson tiếp nối quan điểm của J. B. Mayor trong tác phẩm *The Epistle of St. James*, trang iii-iv.

- C. Có hai người khác cũng có tên Gia-cơ trong vòng các môn đồ được kể trong Tân Ước. Tuy nhiên, Gia-cơ, anh của Giăng, bị Hê-rốt A-c-ríp-ba I sát hại rất sớm khoảng năm 44 sau Chúa (xem Công-vụ 12:1-2). Gia-cơ còn lại, là “nhỏ” hay là “trẻ hơn” (xem Mác 15:40), thì không bao giờ được nhắc đến bên ngoài danh sách kể tên các sứ đồ. Tác giả của thư tín này thì rõ ràng được biết đến nhiều hơn.
- D. Có ba giả thuyết về mối liên hệ giữa Gia-cơ và Đức Chúa Giê-xu:
1. Jerome nói rằng Gia-cơ là anh em họ với Đức Chúa Giê-xu (con của Ma-ri vợ Cơ-lê-ô-ba). Jerome suy diễn điều này dựa vào việc so sánh giữa Ma-thi-ơ 27:56 với Giăng 19:25.
 2. Truyền thống của Công giáo La mã cho rằng Gia-cơ là em kế từ cuộc hôn nhân trước đó của Giô-sép (xem nhận xét của Origen về Ma-thi-ơ 13:55 và Epiphanius trong quyển *Heresies*, trang 78).
 3. Tertullian (năm 160-220 sau Chúa), Helvidius (năm 366-384 sau Chúa) cùng với đa số Tin Lành Cải Chánh tin rằng Gia-cơ thực sự là người em kế của Đức Chúa Giê-xu, con của Giô-sép và Ma-ri (xem Mác 6:3; I Cô-rinh-tô 9:5).
 4. Quan điểm 1 và 2 được phát triển để bảo vệ cho giáo lý của Công giáo La mã về sự đồng trinh trọn đời của Ma-ri.

THỜI ĐIỂM

- A. Nếu thừa nhận quyền tác giả như trên thì có thể dẫn đến một trong hai thời điểm thích hợp sau:
1. Thời điểm sớm, trước Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem (Công-vụ 15) vào khoảng năm 49 sau Chúa (nếu thời điểm này chính xác thì Gia-cơ là sách Tân Ước được lưu hành sớm nhất).
 2. Thời điểm trễ, trước khi Gia-cơ qua đời vào khoảng năm 62 sau Chúa.
- B. Thời điểm sớm có các điểm thuyết phục:
1. Việc dùng chữ “nhà hội” trong 2:2
 2. Không đề cập đến tổ chức Hội thánh
 3. Việc dùng chữ “trưởng lão” theo cách hiểu của người Do thái trong 5:14
 4. Không nhắc đến sự tranh cãi quanh đề tài truyền giảng cho người ngoại bang (xem Công-vụ 15)
 5. Gia-cơ dường như viết cho những cộng đồng tín hữu Do Thái bên ngoài Giê-ru-sa-lem và có thể là bên ngoài xứ Pa-léc-tin (xem 1:1)
- C. Thời điểm trễ có các điểm thuyết phục:
1. Có thể sự phản hồi của Gia-cơ trong 2:14-20 liên hệ đến thư Rô-ma của Phao-lô (xem 4:1ff), thì hành một đường hướng ngược lại để hiệu chỉnh cách thức áp dụng sai bậy của các tà giáo (xem II Phi-e-rơ 3:15-16). Nếu điểm này chính xác, thì đề tựa thích hợp cho sách Gia-cơ sẽ là “sự chỉnh sửa quân bình.”
 2. Thư dường như thừa nhận các giáo lý căn bản của Cơ Đốc Giáo bởi vì chúng hoàn toàn không được nhắc đến trong thư.

NGƯỜI NHẬN THƯ

- A. Chi tiết đề cập đến “muoi hai chi phái tản lạc khắp thế giới” (1:1) là gợi ý chính. Kèm theo đó, việc gộp thư vào nhóm “các thư tín chung” (các thư gửi đến cho nhiều Hội thánh) bày tỏ tính chất được phổ biến rộng rãi của nó. Hiển nhiên, nếu gửi cho Hội thánh chung chung thì không cụ thể bằng đề cập đến một nhóm cá nhân cụ thể nhưng bị tản lạc: đó có thể là các Cơ-Đốc Nhân Do thái ở bên ngoài xứ Pa-léc-tin.
- B. Có thể giải thích cụm từ trong 1:1 theo ba cách
1. Người Do thái—Sự giải thích này dường như không chắc chắn bởi vì chữ “anh em” được dùng nhiều lần. Mặc dù có việc thiếu đề cập đến những lễ thật Phúc âm chính yếu về Đức Chúa Giê-xu, nhưng sách Gia-cơ có đề cập cụ thể về đức tin trong Đấng Christ (xem 2:1). Có vài chi phái

trong số mười hai chi phái nguyên thủy không hồi hương sau thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn. Nhưng chi tiết này cũng chỉ là hình bóng được dùng cách biểu tượng cho những tín hữu (xem Khải-huyền 7:4-8).

2. Các Cơ-Độc Nhân người Do thái—Có thể cách giải thích này thích hợp nhất bởi vì tính chất Do thái đặc thù của thư và vị trí lãnh đạo trong Hội thánh Giê-ru-sa-lem của Gia-cơ.
3. Hội thánh như là dân Y-sơ-ra-ên thuộc linh—Đây là sự giải thích có thể chấp nhận, bởi vì cách dùng cụm từ “người Do thái ly hương” trong I Phi-e-rơ 1:1 kết hợp với sự ám chỉ đến Hội thánh như là dân Y-sơ-ra-ên thuộc linh của Phao-lô (bao gồm tín hữu người Do thái và người ngoại bang) xem Rô-ma 2:28-29; 4:16ff; Ga-la-ti 3:29; 6:16; I Phi-e-rơ 2:5,9.

LÝ DO

Có hai giả thuyết chính:

- A. Cố gắng áp dụng Giao ước Mới cụ thể cho các Cơ-Độc Nhân Do thái thế kỷ thứ nhất sống trong môi trường ngoại giáo.
- B. Một số người tin rằng có những người Do thái giàu có bắt bớ các Cơ-Độc Nhân người Do thái. Cũng có thể các Cơ-Độc Nhân đầu tiên phải chịu sự ngược đãi bài Do Thái của ngoại giáo. Hiển nhiên, đây là thời kỳ của sự bắt bớ và thiếu thốn vật chất (xem 1:2-4,12; 2:6-7; 5:4-11,13-14).

THỂ LOẠI VĂN CHƯƠNG

- A. Lá thư hay bài giảng này bày tỏ kiến thức về thể loại văn chương khôn ngoan, gồm cả trong Kinh Thánh (Gióp-Nhã Ca) và sách không được kinh điển thuộc giao đoạn giữa hai giao ước (sách Ecclesiasticus khoảng năm 180 trước Chúa). Lá thư nhấn mạnh đến cách sống thực hành—đức tin hành động (xem 1:3-4).
- B. Trong nhiều phương diện, thư này có văn phong rất giống với các giáo sư dạy khôn ngoan người Do thái cũng như các giáo sư lưu động dạy đạo đức Hy Lạp và La Mã (như các giáo sư Stoic). Ví dụ như:
 1. Cấu trúc lỏng lẻo (nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác)
 2. Nhiều mệnh lệnh (có đến 54 mệnh lệnh)
 3. Lời chỉ trích mạnh (thể hiện trong hình thức giả định có người chống đối nêu nghi vấn, xem 2:18; 4:13). Hình thức này cũng được thấy trong sách Ma-la-chi, Rô-ma, và I Giăng.
- C. Dù chỉ có một vài trích dẫn trực tiếp từ Cựu Ước (xem 1:11; 2:8,11,23; 4:6), nhưng sách này giống sách Khải Huyền ám chỉ gián tiếp đến Cựu Ước trong nhiều chỗ.
- D. Dàn ý của sách Gia-cơ gần như là dài hơn cả sách. Đặc điểm này thể hiện cách thức nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác của các học giả Do Thái Giáo để thu hút sự chú ý của thính giả. Các học giả Do Thái Giáo gọi cách thức này là “xâu ngọc thành chuỗi”.
- E. Thư Gia-cơ dường như là sự kết hợp của nhiều thể loại văn chương Cựu Ước: (1) hiền triết (của các giáo sư khôn ngoan) và (2) tiên tri (giống như A-mốt hay là Giê-rê-mi). Gia-cơ sử dụng các lễ thật Cựu Ước nhưng “bao phủ bên ngoài” cho chúng bằng những sự giảng dạy trong Bài Giảng Trên Núi của Đức Chúa Giê-xu (xem phần B. trong phần nội dung bên dưới).

NỘI DUNG

A. Gia-cơ sử dụng nhiều ám chỉ đến những lời phán của Đức Chúa Giê-xu trong các sách Phúc Âm Cộng Quan, nhiều hơn mọi sách Tân Ước khác (ví dụ 1:5,6,22; 2:5,8,13; 3:12,18; 4:10,12; 5:12). Có thể thư Gia-cơ có cả những trích dẫn từ Đức Chúa Giê-xu (xem 1:27; 2:13; 3:18; 4:11-12,17).

B. Gia-cơ hồi tưởng lại Bài Giảng Trên Núi.

Gia-cơ	Bài Giảng Trên Núi
1:2	Ma-thi-ơ 5:1-2
1:4	Ma-thi-ơ 5:48
1:5	Ma-thi-ơ 7:7 (21:26)
1:12	Ma-thi-ơ 5:3-11
1:20	Ma-thi-ơ 5:22
1:22-25	Ma-thi-ơ 7:24-27
2:5	Ma-thi-ơ 5:3 (25:34)
2:8	Ma-thi-ơ 5:43; 7:12
2:13	Ma-thi-ơ 5:7 (6:14-15; 18:32-35)
3:6	Ma-thi-ơ 5:22,29,30
3:12	Ma-thi-ơ 7:16
3:18	Ma-thi-ơ 5:9; 7:16-17
4:4	Ma-thi-ơ 6:24
4:11-12	Ma-thi-ơ 7:1
4:13	Ma-thi-ơ 6:34
5:2	Ma-thi-ơ 6:19-20
5:10-11	Ma-thi-ơ 5:12
5:12	Ma-thi-ơ 5:34-37

C. Thư Gia-cơ là thần học ứng dụng (đức tin không việc làm thì chết). Trong số 108 câu, thì có đến 54 câu là mệnh lệnh.

TIỀN TRÌNH KINH ĐIỂN

A. Thư Gia-cơ được tiếp nhận chậm trễ với nhiều khó khăn.

1. Gia-cơ không có trong danh sách kinh điển “Muratorian Fragment” ở Rô-ma có khoảng năm 200 sau Chúa.
2. Gia-cơ cũng không có trong danh sách kinh điển “danh sách Cheltenham” (còn được gọi là danh mục Karl Mommsen) ở Bắc Phi có khoảng năm 360 sau Chúa.
3. Nó cũng không được liệt kê trong bản dịch Tân Ước tiếng Latin Cổ.
4. Eusebius liệt kê nó vào trong số những sách còn nghi vấn (Hê-bơ-rơ, Gia-cơ, II Phi-e-rơ, II và III Giăng, Giu-đe, Khải Huyền) trong tác phẩm *Hist. Eccl* II:23:24-24; III:25:3.
5. Nó không được tiếp nhận trong Tây Giáo Hội cho đến tận thế kỷ thứ tư và không được Đông Giáo Hội xem là tài liệu đáng tin cho đến khi hiệu đính bản Peshitta là bản dịch Kinh Thánh tiếng Sy-ri vào thế kỷ thứ năm.
6. Nó bị Theodore of Mopsuetia (năm 392-428 sau Chúa) là lãnh đạo của trường phái giải nghĩa Kinh Thánh tại An-ti-ốt loại bỏ (ông loại bỏ tất cả các thư tín phổ quát).
7. Erasmus có nhiều nghi ngờ về nó, cũng như Martin Luther đã gọi nó là “thư tín rơm rác” bởi vì ông nhận thấy nó mâu thuẫn với “sự xưng công bình bằng đức tin” được nhấn mạnh trong sách Rô-ma và Ga-la-ti.

B. Bằng chứng về tính xác thực của thư Gia-cơ:

1. Gia-cơ được đề cập cách gián tiếp trong các tác phẩm của Clement of Rome (năm 95 sau Chúa) và sau đó trong thế kỷ thứ hai bởi Ignatius, Polycarp, Justin Martyr và Irenaeus.
2. Mặc dù không được kể là kinh điển nhưng Gia-cơ thông dụng, *Shepherd of Hermas* tác phẩm Cơ-Đốc-Giáo được viết vào khoảng năm 130 sau Chúa có nhắc đến nó.
3. Nó được trích dẫn trực tiếp bởi Origen (năm 185-245 sau Chúa) trong sách giải kinh Giảng của ông, xem XIX:23.
4. Trong tác phẩm *Hist. Eccl.* 2:23, Eusebius liệt kê Gia-cơ trong số “những sách nghi vấn”, nhưng có bổ túc rằng nó được tiếp nhận trong hầu hết các Hội Thánh.
5. Gia-cơ được bao gồm trong bản Kinh Thánh hiệu đính tiếng Sy-ri năm 412 sau Chúa (gọi là bản Peshitta).
6. Origen và John of Damascus ở miền Đông cùng với Jerome và Augustine ở miền Tây ủng hộ việc tiếp nhận sách này vào trong Kinh Thánh. Thư Gia-cơ được chính thức nhận vào kinh điển tại Giáo hội nghị tại Hippo, năm 393 sau Chúa, và Carthage, năm 397 sau Chúa và sau đó một lần nữa vào năm 419 sau Chúa.
7. Thư Gia-cơ được tiếp nhận bởi Chrysostom (năm 345-407 sau Chúa) và Theodoret (năm 393-457 sau Chúa), cả hai đều là lãnh đạo của trường phái giải nghĩa Kinh Thánh tại An-ti-ốt.

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN THỨ NHẤT (xem trang vi)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc toàn bộ sách này một lần. Viết ra chủ đề trọng tâm của cả sách theo lời riêng của bạn.

1. Chủ đề của toàn bộ sách
2. Thể loại văn chương

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN HAI (xem trang vi-viii)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc lại toàn bộ sách này lần thứ hai trong một lần đọc. Lập dàn ý các chủ đề chính và viết một câu đề diễn tả mỗi chủ đề.

1. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ tư
5. Vân vân...

GIA-CƠ 1:1-27

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời chào thăm	Lời chào đến Mười hai chi phái	Lời chào thăm	Lời chào thăm	Người nhận thư và các lời chào thăm
1:1	1:1	1:1	1:1	1:1
Đức tin và Khôn ngoan	Lợi ích từ những sự thử thách	On phước trong sự thử thách	Đức tin và Khôn ngoan	Thử thách là một đặc ân
1:2-8	1:2-8	1:2-4	1:2-8	1:2-4
		1:5-8		Lời cầu nguyện với tin chắc 1:5-8
Nghèo và Giàu	Quan điểm về Giàu và Nghèo		Nghèo và Giàu	Phần của kẻ giàu
1:9-11	1:9-11	1:9-11	1:9-11	1:9-11
Thử thách và cám dỗ	Kính mến Chúa trong thử thách		Thử thách và cám dỗ	Cám dỗ
1:12-15	1:12-18	1:12-16	1:12-15	1:12 1:13-15 Tiếp nhận Lời và thực hành
1:16-18		1:17-18	1:16-18	1:16-17 1:18
Nghe và làm theo Lời	Phẩm chất cần có trong sự thử thách	Sự thờ phượng thật	Nghe và Làm	Tôn giáo thật
1:19-21	1:19-20 Làm theo chứ không phải chỉ nghe mà thôi 1:21-27	1:19-21	1:19-21	1:19-21
1:22-25		1:22-25	1:22-25	1:22-25
1:26-27		1:26-27	1:26-27	1:26-27

*Mặc dù không được linh cảm nhưng việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi ý tưởng nguyên thủy của tác giả. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lễ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lễ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phần đoạn 1
2. Phần đoạn 2
3. Phần đoạn 3
4. Vần vần...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

DÀN Ý ĐỀ NGHỊ CHO CHƯƠNG 1

Có nhiều cách để lập dàn ý cho chương này. Một trong những cách đó là liệt kê những đặc tính của những tín hữu đã được cứu và trưởng thành so sánh với những tín hữu cũng đã được cứu nhưng còn yếu đuối:

TRƯỞNG THÀNH

1. Vui mừng giữa thử thách (1:2)
2. Cầu xin sự khôn ngoan để chịu thử thách (1:5)
3. Không nghi ngờ trong cầu nguyện (1:6)
4. Vinh hiển trong Đấng Christ (1:9)
5. Bền đỗ trong thử thách (1:12)
6. Mau nghe, chậm nói, chậm giận (1:19)
7. Bỏ đi mọi điều ô uế (1:21)
8. Tiếp nhận lời của Đức Chúa Trời (1:21)
làm theo lời của Đức Chúa Trời (1:22)
xem xét và ghi nhớ lời của Đức Chúa Trời (1:24-25)
9. Thận trọng trong lời nói (1:20)
10. Giúp đỡ người thiếu thốn (1:27)
11. Giữ mình thanh sạch khỏi thế gian (1:27)

YẾU ĐUỐI

- (không vui mừng)
- (không cầu xin)
- nghi ngờ
- vinh hiển nơi của cải
- gục ngã trước thử thách
- (ngược lại)
- (ngược lại)
- (ngược lại)
- (ngược lại)
- (ngược lại)
- (ngược lại)
- (ngược lại)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 1:1

¹ Gia-cơ, tôi tớ Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus Christ, đặt cho mười hai chi phái ở tan lạc, chúc bình an!

1:1 “Gia-cơ” Đây là tên trong tiếng Hy Lạp tương ứng với tên Gia-cốp trong tiếng Do Thái. Ông được biết trong vòng cả người Do Thái lẫn các Cơ-Đốc Nhân tại Giê-ru-sa-lem với biệt danh “Gia-cơ Công Chính.” Ông trở thành người lãnh đạo được kính trọng của Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 15). Một số bằng chứng theo truyền thống ám chỉ rằng điều đó là do mối liên hệ huyết thống của ông với Đức Chúa Giê-xu. Dường như đây là kiểu mẫu cho Hội Thánh này trong nhiều thế hệ. Một lý do khiến tôi (tác giả) tin rằng thư Gia-cơ không phải chỉ là một tác phẩm giả danh mượn tên của Gia-cơ bởi vì Gia-cơ không cụ thể xác nhận chính mình hay là mối liên hệ của ông với Đức Chúa Giê-xu. Sự khiêm nhường là đặc tính của các tác giả Tân Ước.

▣ **“tôi tớ”** Điều này bày tỏ (1) sự khiêm nhường hay là (2) một danh hiệu danh dự của Cựu Ước (giống như Môi-se, Đa-vít). Rõ ràng nó được dùng đối lập với chữ “Chúa” (xem Giu-đe câu 1).

▣ **“Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus Christ”** Cụm từ SỔ HỮU CÁCH này kết hợp Đức Chúa Trời và Đức Chúa Giê-xu ở một dạng tương đương trong ngữ pháp để xác nhận sự bình đẳng của Đức Chúa Giê-xu với Đức Chúa Trời (xem Tít 2:13; II Phi-e-rơ 1:1; Giăng 20:28). Nó cũng dùng để liên kết Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con vào trong cùng một hành động (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 3:11; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:16). Các tác giả Tân Ước thường sử dụng danh hiệu “Chúa” (trong tiếng Hy Lạp là *kurios*, là từ đồng nghĩa với chữ *adon* trong tiếng Do Thái, cả hai được dịch là “chủ”, “chúa”, “chồng”) để xác nhận thần tính của Giê-xu người Na-xa-rét. Đây cũng là chữ được dùng để dịch danh hiệu “Đức Giê-hô-va” từ tiếng Do Thái trong Cựu Ước sang tiếng Hy Lạp trong bản Septuagint (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14).



NASB “đến mười hai chi phái phân tán ở hải ngoại”

NKJV “đến mười hai chi phái rải ra ở hải ngoại”

NRSV “mười hai chi phái ở trong sự Tán Lạc”

TEV “đến tất cả dân sự Đức Chúa Trời tản lạc trên khắp thế giới”

NJB “mười hai chi phái của sự Tán Lạc”

Danh hiệu “mười hai chi phái” là một hình bóng bao gồm cho tất cả các tín hữu Do Thái. Họ là dân sự mới của Đức Chúa Trời, dân Y-sơ-ra-ên mới (xem Rô-ma 2:28,29; Ga-la-ti 6:16; I Phi-e-rơ 2:5,9). “Tan lạc” trong nghĩa đen là “người Do Thái ly hương” một thuật ngữ chỉ người Do Thái sống bên ngoài xứ Pa-léc-tin (xem Giăng 7:35). Tại đây nó ám chỉ đến những người tin Đấng Christ (xem I Phi-e-rơ 1:1 hoặc Ga-la-ti 3:29). Hầu hết trong các hội chúng Cơ-Đốc Nhân lúc ban đầu, phần đông là các tín hữu người Do Thái.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỐ MƯỜI HAI

Số mười hai luôn là biểu trưng cho các sự sắp xếp

1. Ngoài Kinh thánh:
 - a. Mười hai ký hiệu hoàng đạo (Zodiac)
 - b. Mười hai tháng trong một năm
2. Trong Cựu ước
 - a. Các con của Gia-cốp (chi phái Y-sơ-ra-ên)
 - b. Biểu hiện qua:
 - (1) Mười hai cột trụ bàn thờ (Xuất Ê-díp-tô ký 24:4)

- (2) Mười hai viên ngọc trên áo của thầy tế lễ thượng phẩm (tượng trưng cho các chi phái) (Xuất Ê-díp-tô ký 28:21)
- (3) Mười hai ổ bánh trong nơi thánh tại đền tạm (Lê-vi-ký 24:5)
- (4) Mười hai thám tử sai đi do thám Ca-na-an (Dân số ký 13) (một người đại diện cho một chi phái)
- (5) Mười hai cây gậy (tiêu chuẩn của mỗi chi phái) trong sự nổi loạn của Cô-rê (Dân số ký 17:2)
- (6) Mười hai hòn đá của Giô-suê (Giô-suê 4:3, 9, 20)
- (7) Mười hai quận hành chính trong hệ thống hành chính của Sa-lô-môn (I Các Vua 4:7)
- (8) Mười hai hòn đá nơi bàn thờ của Ê-li dâng cho Đức Giê-hô-va (I Các Vua 18:31)

3. Trong Tân ước:

- a. Mười hai sứ đồ được chọn
- b. Mười hai giỏ bánh (mỗi sứ đồ một giỏ) (Mathiơ 14:20)
- c. Mười hai ngôi cho các môn đồ thời Tân ước ngồi cai trị (chỉ 12 chi phái Y-sơ-ra-ên) (Ma-thi-ơ 19:28)
- d. Mười hai đạo thiên sứ giải cứu Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 26:53)
- e. Biểu tượng trong Khải huyền:
 - (1) 24 trường lão trên 24 ngai (4:4)
 - (2) 144,000 (12x12) (7:4; 14:1,3)
 - (3) 12 ngôi sao trên vương miện của người đàn bà (2:1)
 - (4) 12 cửa, 12 thiên sứ tượng trưng cho 12 chi phái (21:12)
 - (5) 12 viên đá tảng của thành Giê-ru-sa-lem mới và trên đó có tên 12 Sứ đồ (21:14)
 - (6) 12 ngàn êch-ta-đơ (21:16) (kích thước thành mới Giê-ru-sa-lem)
 - (7) Tường thành 144 cu-đê (21:17)
 - (8) 12 cửa bằng hột châu trong 21:21
 - (9) Cây trong Giê-ru-sa-lem mới có 12 loại trái (mỗi tháng một loại) (22:2)

▣ **“chúc bình an”** Đây là dạng thông thường của chữ Hy Lạp (*charein*), nhưng hiếm khi xuất hiện trong các thư tín Tân Ước. Chữ này có nghĩa đen là “vui mừng.” Gia-cơ sử dụng cách “chào mừng” này giống như trong Công-vụ 15:23. Phao-lô biến đổi nó chút ít từ “chào mừng” sang “ân điển” (*charis*).

BẢN NASB 1:2-4

² **Hỡi anh em, hãy coi sự thử thách trăm bề thoát đến cho anh em như là điều vui mừng trọn vẹn,** ³ **vì biết rằng sự thử thách đức tin anh em sanh ra sự nhịn nhục.** ⁴ **Nhưng sự nhịn nhục phải làm trọn việc nó, hầu cho chính mình anh em cũng trọn lành toàn vẹn, không thiếu thốn chút nào.**

1:2 “hãy coi” Đây là dạng MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE IMPERATIVE). Bản TEV dịch là “xem như chính mình.” Bản Tân Ước Williams dịch là “anh em phải xem như.” Gia-cơ đang kêu gọi những tín hữu thực hiện một quyết định cá nhân dứt khoát về việc họ sẽ đối diện với những hoàn cảnh trong đời sống họ như thế nào. Nhận biết Đấng Christ sẽ thay đổi tất cả mọi điều! Chữ này có nghĩa đen là “tính tổng kết lại!” Trong thế giới cổ đại, các dãy số được tính tổng cộng ở phía trên, chứ không phải ở dưới cùng như trong cách tính của chúng ta.

▣ **“điều vui mừng trọn vẹn”** “Trọn vẹn” được đặt ở vị trí đầu câu trong bản văn tiếng Hy Lạp để nhấn mạnh. Trong thư Gia-cơ thử thách không phải là sự vui mừng, nhưng các kết quả của chúng có thể vui mừng (xem Ma-thi-ơ 5:10-12; Lu-ca 6:22-23; Công-vụ 5:41; Rô-ma, 5:3; I Phi-e-rơ 1:6). Đức Chúa Giê-

xu đã chịu khổ nạn và chúng ta phải chia sẻ trải nghiệm của sự tăng trưởng này (xem Rô-ma 8:17; II Cô-rinh-tô 1:5,7; Phi-líp 1:29; 3:10; Hê-bơ-rơ 5:8-9; và đặc biệt I Phi-e-rơ 2:21; 3:14-17; 4:12-16).

▣ **“anh em”** Gia-cơ sử dụng chữ “anh em” (*adelphos/adelphoi*) để (1) giới thiệu một chủ đề mới (giống như Phao-lô) và (2) tạo sự hứng thú với những độc giả của ông và điều này cần thiết cho văn phong kiểu tiên tri phê bình mạnh mẽ của ông. Gia-cơ thường xuyên sử dụng thủ pháp văn chương này (xem 1:2,9,16,19; 2:1,5,14,15; 3:1,10,12; 4:11 [ba lần]; 5:7,10,12,19). Chữ Hy Lạp dựa theo hàm ý Do thái chỉ liên hệ huyết thống, bà con gần, đối tượng của giao ước. Chữ Hy Lạp này là sự kết hợp của chữ “tử cung” (*delphys*) và chữ “a” (từ cùng một tử cung). Dân sự của Đức Chúa Trời nhận thức được chính mình là con của Đức Chúa Trời. Điều này dẫn đến việc sử dụng nhiều hình bóng gia đình trong Tân Ước: (1) con - con cái; (2) sanh lại - sanh từ trên; (3) nhận làm con nuôi; và (4) anh em - các anh chị em.



NASB “khi anh em đối diện”

NKJV “khi anh em rơi vào”

NRSV “khi nào anh em đối diện”

TEV “khi...đến với anh em”

NJB “khi...đến với anh em”

Đây là dạng CẦU KHẨN CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE SUBJUNCTIVE) của từ ghép giữa “rơi” và “xung quanh.” Dạng CẦU KHẨN (SUBJUNCTIVE) thể hiện một hành động có thể có trong tương lai nhưng với một chút nghi ngờ nào đó. Những tín hữu này đang gặp một số khó khăn nhưng dường như không phải là tất cả đều bị. Những thử thách và nan đề là điều thông thường với các tín hữu trong thế giới sa ngã này (xem I Phi-e-rơ 4:12-16; Rô-ma 8:17; Phi-líp 1:29; II Ti-mô-thê 2:12).

▣ **“thử thách trăm bề”** Chữ này có nghĩa đen là “nhiều màu sắc” hay là “sắc màu cầu vồng” (xem I Phi-e-rơ 1:6). Trong I Phi-e-rơ 4:10, cùng chữ này được dùng để mô tả ân điển của Đức Chúa Trời. Trong mọi thử thách mà chúng ta đối diện đều có ân điển tương ứng từ Đức Chúa Trời! Trong Gia-cơ 1:3a, thử thách để tinh luyện đức tin, trong 1:3b chúng sinh ra sự kiên trì, và trong 1:4 chúng sinh ra sự trưởng thành. Các nan đề sẽ xảy đến! Nhưng cách mà các tín hữu đối diện với chúng như thế nào mới là quan trọng.

1:3 “sự thử thách” Chữ Hy Lạp *dokimos* được dùng cho việc thử kim loại để chứng tỏ độ tinh khiết của chúng (xem Châm-ngôn 27:21 trong bản Septuagint). Nó khai triển thêm thành ra nghĩa “thử nghiệm để (hướng đến) chấp nhận” (xem 1:12; I Phi-e-rơ 1:7). Đức Chúa Trời thử nghiệm con cái Ngài (xem Sáng-thể Ký 22:1; Xuất Ê-díp-tô Ký 16:4; 20:20; Phục-truyền Luật-lệ Ký 8:2,16; Các Quan Xét 2:22; 13:3; II Sử ký 32:31; Ma-thi-ơ 4:1; I Phi-e-rơ 4:12-16). Nhưng sự thử nghiệm luôn làm cho họ mạnh mẽ thêm, chứ không hề khiến họ yếu đuối hơn. Xem chủ đề đặc biệt trong 1:13.

▣ **“đức tin”** Tại đây chữ *pistis* được dùng theo nghĩa sự tin cậy cá nhân nơi Đức Chúa Trời qua Đấng Christ, chứ không phải theo nghĩa giáo lý Cơ Đốc Giáo như trong Giu-đe câu 3, 20. Chữ Hy Lạp *pistis* có thể được dịch sang Anh ngữ là “tin cậy”, “tin” hay là “đức tin.” Chữ này chuyển tải hai phương diện khác biệt trong mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời: (1) Chúng ta đặt sự tin cậy của chúng ta nơi sự đáng tin cậy trong lời hứa của Đức Chúa Trời cũng như những công tác mà Đức Chúa Giê-su hoàn tất. (2) Chúng ta tin nhận sứ điệp về Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, Đấng Christ, sự cứu rỗi, v.v. Do đó, nó có thể ám chỉ đến sứ điệp trong Phúc âm hay là sự tin cậy nơi Phúc âm của chúng ta. Phúc âm như là một con người để chào đón, một sứ điệp để tin nhận và một cuộc đời để sống.

▣ **“sanh ra”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH (biến thể) THÌ HIỆN TẠI [PRESENT MIDDLE (deponent) INDICATIVE]. Lưu ý rằng đây là một tiến trình liên tục được nhấn mạnh, chứ không phải là một kết quả tức thì. Một chuỗi những bước tăng trưởng tương tự được trình bày trong Rô-ma 5:3-4; Cô-

lô-se 1:11-12; I Phi-e-rơ 1:6-7. Sự cứu rỗi là một món quà và là một tiến trình! Xem chủ đề đặc biệt: các chữ “thử nghiệm” trong tiếng Hy Lạp trong 1:13.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP VÀ NHỮNG CHỮ CÓ NGHĨA TƯƠNG TỰ

Có hai từ Hy Lạp mang ý nghĩa thử nghiệm có mục đích với một người nào đó.

A. *Dokimazo, dokimion, dokimasia*

Đây là thuật ngữ của những nhà luyện kim dùng lửa để thử nghiệm tính xác thực của một vật (nghĩa bóng là một người). Lửa làm lộ ra kim loại thật bằng cách đốt cháy đi (tẩy đi) những cặn bã. Tiến trình vật lý này trở nên một thành ngữ rất hữu dụng để chỉ sự thử nghiệm của Chúa, của Sa-tan hoặc sự thử nghiệm của con người với người khác. Từ ngữ này được dùng với ý nghĩa tích cực hướng tiến đến sự chấp nhận.

Nó được dùng trong Tân ước nói về sự thử nghiệm:

1. Con bò, Lu-ca 14:19
2. Chính chúng ta, I Cô-rinh-tô 11:28
3. Đức tin, Gia-cơ 1:3
4. Ngay cả chính Chúa, Hê-bơ-rơ 3:9

Kết quả của những cuộc thử nghiệm này được cho là tích cực (Rô-ma 1:28; 14:22; 16:10; II Cô-rinh-tô 10:18; 13:3; Phi-líp 2:27; I Phi-e-rơ 1:7). Vì vậy, từ ngữ này chuyển tải ý nghĩa một người được thử nghiệm và cho thấy là:

1. Xứng đáng
2. Tốt
3. Thật
4. Có giá trị
5. Đáng tôn trọng

B. *Peirazo, peirasmos*

Từ ngữ này có ý nghĩa thử thách với mục đích tìm ra cái sai hoặc để từ chối. Nó thường được dùng với cám dỗ của Chúa Jê-sus trong đồng vắng.

1. Nó mang ý nghĩa tìm cách để gài bẫy Chúa (Ma-thi-ơ 4:1; 16:1; 19:3; 22:18, 35; Mác 1:13; Lu-ca 4:2; 10:25; Hê-bơ-rơ 2:18).
2. Chữ này được dùng làm danh hiệu cho Sa-tan trong Ma-thi-ơ 4:3; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5.
3. Chúa Giê-su dùng chữ này (trong dạng từ ghép *ekpeirazo*) khi nói: “không được thử Chúa” (Ma-thi-ơ 4:7; Lu-ca 4:12; I Cô-rinh-tô 10:9). Nó nói lên một toan tính làm một việc gì đó mà thất bại (Công-vụ 9:20; 20:21; Hê-bơ-rơ 11:29).
4. Chữ này được dùng khi nói đến những cám dỗ và thử thách cho người tin Chúa (I Cô-rinh-tô 7:5; 10:9, 13; Ga-la-ti 6:1; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5; Hê-bơ-rơ 2:18; Gia-cơ 1:2, 13,14; I Phi-e-rơ 4:12; II Phi-e-rơ 2:9).

▣ **“sự nhin nhục”** Chữ Hy Lạp này có nghĩa “tình nguyện, chủ động, kiên định, kiên nhẫn chịu đựng” (xem câu 12; Lu-ca 21:19). Đây là chủ đề lặp lại trong Gia-cơ (xem 1:3,4,12; 5:11).

1:4 “Nhưng sự nhin nhục phải” Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Trong số 108 câu trong thư Gia-cơ, có đến 54 mệnh lệnh. Đây là một cuốn sách thúc đẩy cho đời sống thực hành.

▣ **“làm trọn việc nó, hầu cho chính mình anh em cũng trọn lành toàn vẹn”** Chữ Hy Lạp “hoàn hảo” (*teleios* được dùng hai lần, xem 1:17,25; 3:2) có nghĩa là “được trang bị đầy đủ”, “trưởng thành” hay là

“đã chín.” Nó thường được liên kết với tình yêu (xem Rô-ma 12:2; I Cô-rinh-tô 13:9-13; I Giăng 4:18). Nô-ê được mô tả bởi chữ này trong Sáng-thể Ký 6:9 của bản Septuagint. Nó dường như có hàm ý chỉ một đức tin trưởng thành sinh ra sự trung tín phục vụ đầy tình yêu thương. Nó không ám chỉ hay là gợi ý “sự vô tội” hay là “không sai lầm.” Cũng có thể chữ này ám chỉ đến sự lai thế. Gia-cơ thường hướng nhìn đến đỉnh điểm trong hy vọng của Cơ Đốc Nhân (xem 1:8-9,12; 5:7,8). Chữ thứ hai “hoàn thành” (*holoklēria*) được dùng để chỉ sức khoẻ và sự toàn vẹn của thân thể (xem Công-vụ 3:16). Theo nghĩa bóng nó chỉ về sự sung mãn (đầy đủ) của con người cả thể xác lẫn tinh thần (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23 theo ý nghĩa về lai thế học trong câu 8-9, 12).

▣ **“không thiếu thốn chút nào”** Lưu ý rằng Cơ-Đốc Nhân trưởng thành được diễn tả theo ba cách: (1) hoàn hảo (*telos*); (2) với sự toàn vẹn hay đầy đủ (*holoklēros* xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23); và (3) không thiếu sót điểm nào (bản NJB dịch là “không thiếu hụt ở điểm nào”). Những sự thử thách là phương cách của Đức Chúa Trời dùng để huấn luyện cho sự trưởng thành (xem Hê-bơ-rơ 5:8-9). Trưởng thành không chỉ về nhận thức thần học nhưng cả trong sự trung tín kiên trì bền bỉ hằng ngày. Sự trưởng thành là cách sống thể hiện ra chứ không phải là kiến thức! Các kết quả của nó thấy được và tiếp tục tiến triển trong cơn khủng hoảng.

BẢN NASB 1:5-8

⁵ Ví bằng trong anh em có kẻ kém khôn ngoan, hãy cầu xin Đức Chúa Trời, là Đấng ban cho mọi người cách rộng rãi, không trách móc ai, thì kẻ ấy sẽ được ban cho. ⁶ Nhưng phải lấy đức tin mà cầu xin, chớ nghi ngờ; vì kẻ hay nghi ngờ giống như sóng biển, bị gió động và đưa đi đây đi đó. ⁷ Người như thế chớ nên tưởng mình lãnh được vật chi từ nơi Chúa: ⁸ ấy là một người phân tâm, phạm làm việc gì đều không định.

1:5 “Ví bằng” Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) có nghĩa nó được thừa nhận là chính xác theo quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả. Các tín hữu cần sự khôn ngoan để sống đời sống thánh khiết giữa thế giới sa ngã này. Gia-cơ đã biết rằng hoạn nạn thường là dấu hiệu của sự không hài lòng của Đức Chúa Trời (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 27-28). Nhưng nếu chúng xảy ra bởi giữ sự tin kính trong đời sống ở giữa thế gian sa ngã này thì ý nghĩa hoàn toàn ngược lại (xem Gióp và Thi-thiên 73).

▣ **“trong anh em có kẻ kém khôn ngoan”** Có sự chơi chữ giữa câu 4c và 5a. Chi tiết này được thể hiện trong bản dịch NASB như sau “...không thiếu điều chi. Nhưng nếu ai trong anh em thiếu sự khôn ngoan.” Đề tài này được tiếp diễn trong 3:13-18. Lưu ý đặc tính phổ quát trong sự ban cho sự khôn ngoan “nếu ai trong anh em...” Sự khôn sáng từ Đức Chúa Trời thì sẵn sàng cho con dân của Ngài, nhưng họ phải nhận thức mình có nhu cầu, cầu xin và tiếp nhận. Sự khôn ngoan, cũng giống như sự trưởng thành không phải là việc tự động.

▣ **“khôn ngoan”** Trong Cựu Ước khôn ngoan – hiểu biết thể hiện hai khía cạnh: (1) tri thức và (2) thực hành (xem Châm ngôn 1:1-6). Trong bối cảnh tại đây, sự thấu hiểu thực tế hằng ngày đến từ Đức Chúa Trời để thêm sức cho dân sự Ngài đang bị bắt bớ. Qua sự cầu nguyện bền bỉ, sự khôn ngoan được Đức Chúa Trời ban cho thích ứng với đức tin không có nghi ngờ, câu 5-8. Cả sự cầu nguyện với lòng tin cậy lẫn sự khôn ngoan do Đức Chúa Trời ban cho là những vũ khí thuộc linh của chúng ta trong những thử thách và cám dỗ (xem Ê-phê-sô 6:10-18).

▣ **“hãy cầu xin Đức Chúa Trời”** Đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE), có nghĩa đen là “hãy để người đó cứ tiếp tục cầu xin Đức Chúa Trời.” Dạng

động từ này được lặp lại trong câu 6 có thêm cụm từ bổ nghĩa “trong đức tin” (xem Ma-thi-ơ 7:7-8; Lu-ca 11:9). Trong Ma-thi-ơ, chính Đức Chúa Trời là Đấng ban “những điều tốt lành”; trong Lu-ca, chính Đức Chúa Trời là Đấng ban “Đức Thánh Linh” và trong Gia-cơ, chính Đức Chúa Trời là Đấng ban “sự khôn ngoan.” Khôn ngoan có thể được nhân cách hóa giống như trong Châm-ngôn 8:22-31. Trong Giảng 1:1, sự khôn sáng của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua Đức Chúa Giê-xu (*Logos*).

▣ **“ban cho”** Thật là một lời hứa phổ quát cho mọi con cái của Đức Chúa Trời. Lưu ý đến cách thức văn mạch khai triển chủ đề phổ quát này: “nếu ai cầu xin”, “ban cho mọi người rộng rãi”, “không trách móc”, “nó sẽ được ban cho.” Nhưng có các điều kiện: “cầu xin trong đức tin”, “không nghi ngờ”. Những điều có sẵn có tính chất phổ quát để dành cho các tín hữu để sống thế nào cho đẹp lòng Đức Chúa Trời là một lẽ thật kỳ diệu, đặc biệt là trong những thời điểm thử thách. Thậm chí Đức Chúa Trời giàu ơn huệ cũng có thể đáp lại lời cầu xin thật lòng của người bị hư mất để ban cho họ sự khôn sáng dẫn đưa đến sự cứu rỗi (xem II Ti-mô-thê 3:15).



NASB, NRSV,

TEV, NJB “rộng rãi”

NKJV

“hào phóng”

Đây là dạng đặc biệt của chữ *haplōs* chỉ xuất hiện tại đây trong cả Tân Ước. Từ nguyên của chữ này (*haploos*) có nghĩa là “duy nhất” hay là “với một tâm trí hoặc động cơ thống nhất” (xem Ma-thi-ơ 6:22 về điểm liên kết khả dĩ khác liên quan đến Bài Giảng Trên Núi). Chữ này (*haplotēs*) được sử dụng theo hình bóng chỉ sự thành tâm, chân thật hay là động cơ trong sạch (xem Rô-ma 12:8; II Cô-rinh-tô 1:12; 11:3; Ê-phê-sô 6:5; Cô-lô-se 3:22) hoặc rộng rãi (xem II Cô-rinh-tô 8:2; 9:11,13). Gia-cơ sử dụng nó tại đây để mô tả sự khôn ngoan là tặng phẩm miễn phí của Đức Chúa Trời cho những ai cầu xin và tiếp tục cầu xin trong đức tin. Thế nên Đức Chúa Trời chống nghịch với người nghi ngờ.

▣ **“không trách móc ai”** Đức Chúa Trời không phải là một người thi hành kỷ luật nghiêm khắc, cay độc! Ngài là người cha yêu thương muốn những điều tốt nhất cho con của mình! Đức Chúa Trời không thiên vị (Ngài không có con cưng).

1:6 “phải lấy đức tin mà cầu xin” Đây là điều kiện cho mọi sự chu cấp và ân tứ thiêng liêng từ Đức Chúa Trời. Điều này không ám chỉ đến sự nghi ngờ về khả năng của chính mình nhưng là nghi ngờ khả năng và sự sẵn lòng của Đức Chúa Trời (xem 5:15; Ma-thi-ơ 21:21-22; Mác 11:22-24; Ê-phê-rơ 1:1ff). Đức tin thiết lập mối liên hệ với Đức Chúa Trời; sự nghi ngờ hủy phá nó! Đức Chúa Trời đã tự giới hạn chính Ngài để đáp ứng với lời cầu nguyện có niềm tin, trung tín, tin cậy của các con cái Ngài. Khái niệm lời cầu nguyện “không được nhậm” được phân tích trong 4:1-3.

▣ **“chớ nghi ngờ”** Trong bản văn tiếng Hy Lạp chữ “nghi ngờ” ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE PARTICIPLE). Chữ này lặp lại hai lần. Chữ “*diakrinō*” thông thường có nghĩa là “nhận thức để phân biệt” (xem 2:4), nhưng trong một số phân đoạn chữ này có ẩn ý chỉ sự lưỡng lự giữa hai quyết định hay là hai quan điểm, ám chỉ tâm trí bất định, thiếu hụt đức tin trường thành (xem Ma-thi-ơ 21:21; Mác 11:23; Rô-ma 4:20; 14:23; Gia-cơ 1:6). Chữ này mô tả sự tranh chiến nghi ngờ liên tục của Cơ-Độc Nhân.

1:7 “Người như thế” Đây là thành ngữ chỉ sự khinh miệt trong hệ ngôn ngữ Semitic. Đây là sự tương ứng với kẻ nghi ngờ trong câu 6.



NASB “làm người tâm trí lưỡng lự”

NKJV “là người lưỡng lự”

NRSV “làm tâm trí lưỡng lự”

TEV “không thể định tâm”

NJB “mâu thuẫn trong mọi hành động”

Trong nghĩa đen, chữ này có nghĩa là “hai hồn” (xem 4:8). Chữ này là chữ độc nhất có trong thư Gia-cơ và không có ở chỗ nào khác trong Tân Ước và cả trong văn chương Hy Lạp. Nhiều người tin rằng chính Gia-cơ đã đặt ra chữ này. Nó có thể xuất phát từ chữ “hai lòng” trong Cựu Ước (xem I Sứ ký 12:33; Thi-thiên 12:2). Chữ này từ sớm đã được thường xuyên sử dụng trong Hội Thánh, trước tiên là Clement of Rome vào khoảng năm 96 sau Chúa. Đây cũng có thể là một bằng chứng cho quan niệm xuất hiện sớm trong thư này. Trong quyển truyện ngụ ngôn “Thiên Lộ Lịch Trình” (*Pilgrim's Progress*) của Paul Bunyan, điều này được minh họa qua nhân vật “Người Quay Mặt Hai Hướng.” Người như thế được mô tả trong câu 6 như là biến động và trong câu 8 như là người bất định, nước đôi. Các câu 6-8 trình bày người xưng nhận là biết Đức Chúa Trời và là một phần của cộng đồng tín hữu. Cũng có thể là câu 6 nói về người nghi ngờ còn câu 7-8 đề cập đến người bất định, nước đôi. Phân đoạn này có thể phản ánh tục ngữ “hai chiều”(đường bộ) hay là khái niệm “hai ý định (*yetzers*)” của người Do thái (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 30:15-20; Châm-ngôn 4:10-19; Ma-thi-ơ 7:13-14).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦU NGUYỆN LINH NGHIỆM

- A. Liên quan đến mối liên hệ cá nhân của một người với Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một
 - 1. Liên quan đến ý muốn của Đức Chúa Cha
 - a. Ma-thi-ơ 6:10
 - b. I Giăng 3:22
 - c. I Giăng 5:14-15
 - 2. Ở trong Đức Chúa Giê-su
 - a. Giăng 15:7
 - 3. Cầu nguyện trong danh Đức Chúa Giê-xu
 - a. Giăng 14:13,14
 - b. Giăng 15:16
 - c. Giăng 16:23-24
 - 4. Cầu nguyện trong Đức Thánh Linh
 - a. Ê-phê-sô 6:18
 - b. Giu-đe 20
- B. Liên quan đến thái độ cá nhân
 - 1. Không lay chuyển
 - a. Ma-thi-ơ 21:22
 - b. Gia-cơ 1:6-7
 - 2. Cầu xin không phải lẽ
 - a. Gia-cơ 4:3
 - 3. Cầu xin ích kỷ
 - a. Gia-cơ 4:2-3
- C. Liên quan đến những lựa chọn cá nhân
 - 1. Bền đỗ
 - a. Lu-ca 18:1-8
 - b. Cô-lô-se 4:2
 - c. Gia-cơ 5:16
 - 2. Bất hòa trong gia đình
 - a. I Phi-e-rơ 3:7
 - 3. Tội lỗi
 - a. Thi-thiên 66:18
 - b. Ê-sai 59:1-2

c. Ê-sai 64:7

Mọi lời cầu nguyện đều được trả lời, nhưng không phải tất cả đều được trả lời chấp thuận hay là theo cách mà chúng ta muốn. Sự cầu nguyện là mối liên hệ song phương. Điều tệ hại nhất mà Đức Chúa Trời có thể làm là ban cho những tín hữu theo những sự cầu xin trái lẽ của họ. Xem chủ đề đặc biệt: Sự cầu thay trong Cô-lô-se 4:3.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC CÂU 7-8 VÀ 9-11

- A. Liên từ dùng trong câu 9 (*de*) báo cho độc giả biết rằng các câu này có liên kết theo một cách nào đó với những câu trước. Tuy nhiên, mối liên kết là không xác định rõ. Rõ ràng việc phân tích về sự thử thách đã được giới thiệu trong câu 2, được lập lại sau đó trong câu 12ff.
- B. Sự liên kết về bối cảnh cũng không rõ ràng. Một số người nói:
 - 1. “sự vui mừng” trong câu 2 liên hệ với “sự khoe mình” trong câu 9.
 - 2. Các thử thách trong câu 2 liên hệ đến những thử nghiệm liên hệ với sự nghèo khổ và giàu có trong các câu 9-11.
- C. Đa số các nhà giải kinh liên hệ câu 9-11 với những thử thách trong câu 2. Những thử thách này được phân tích một lần nữa trong câu 12ff. Các thử thách trong câu 9-11 ám chỉ riêng đến những cảm dỗ gây ra bởi nghèo thiếu hoặc là giàu có chứ không phải vì bất bớ.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

- 1. Lá thứ này gợi đến cho ai?
- 2. Các thử thách được đề cập trong câu 3 và 4 có mục đích gì?
- 3. Nghi ngờ là gì? Tại sao nghi ngờ ảnh hưởng đến lời cầu nguyện của tín hữu?
- 4. Trong các câu 6-8 đề cập đến hai loại người hay chỉ là một?

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 1:9-11

⁹ Anh em nào ở địa vị thấp hèn hãy khoe mình về phần cao trọng mình, ¹⁰ kẻ giàu cũng hãy khoe mình về phần đê hèn, vì người sẽ qua đi như hoa cỏ. ¹¹ Mặt trời mọc lên, nắng xằng, cỏ khô, hoa rụng, sắc đẹp tồi tàn: kẻ giàu cũng sẽ khô héo như vậy trong những việc mình làm.

1:9 “anh em” Mặc dù thư Gia-cơ mang âm hưởng Do thái, nhưng nó gửi đến thánh giả là Cơ-Độc Nhân. Điều này được kiểm chứng bởi (1) cách dùng chữ “anh em” (xem 1:2,16,19; 2:1,5,14; 3:1,10,12; 4:11; 5:7,9,10,12,19); (2) cách dùng chữ “Chúa” (xem 1:1,7,12; 2:1; 4:10,15; 5:4,7,8,10,11,14,15); (3) đề cập

cụ thể đến đức tin trong Đấng Christ (xem 2:1); và (4) sự trông đợi sự trở lại của Đức Chúa Giê-xu (xem 5:8).



NASB “hoàn cảnh khiêm nhường”

NKJV “thấp hèn”

NRSV “người thấp hèn”

TEV “người nghèo”

NJB “trong hoàn cảnh khiêm nhường”

Tại đây ám chỉ đến sự nghèo thiếu vật chất (xem Lu-ca 6:20) mặc dù cũng chữ này được Đức Chúa Giê-xu sử dụng trong Bài Giảng Trên Núi để chỉ “sự nghèo thiếu tâm linh” (xem Ma-thi-ơ 5:3).



NASB “cao trọng”

NKJV “vinh quang”

NRSV “khoe mình”

TEV “phải vui mừng”

NJB “nên tôn cao”

Cách dùng chữ vinh hiển này (*kauchaomai*) có thể thấy trong bản Septuagint ở Thi-thiên 32:11 và trong Tân Ước ở Phi-líp 3:3. Đây là một chữ Hy Lạp với ý nhấn mạnh và nên dịch là “hớn hờ” (xem Rô-ma 5:2,3,11).

▣ “**về phần cao trọng mình**” Tại đây đề cập đến sự cao trọng cá nhân vì được làm Cơ-Đốc Nhân (xem Giê-rê-mi 9:23-24). Theo ý này, sự phân biệt của trần gian và những sự thử thách tàn lụi dần trong vô nghĩa.

1:10 “kẻ giàu cũng hãy khoe mình” Không rõ điểm so sánh cụ thể, nhưng nó trở nên rõ ràng nếu chúng ta giả định cả hai đều là tín hữu (xem Ma-thi-ơ 23:12; Lu-ca 14:11; 18:14). Tuy nhiên, chữ “anh em” không xuất hiện trong câu 10. Phân đoạn Kinh Thánh này có thể tạo sự tương phản giữa người tín hữu nghèo và người vô tín giàu có, giống như 5:1-6 và trong ẩn dụ mà Đức Chúa Giê-xu kể trong Lu-ca 16:19-31.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ GIÀU CÓ

I. Quan điểm chung của Cựu Ước

A. Đức Chúa Trời là chủ của mọi vật

1. Sáng-thế Ký 1-2
2. I Sử ký 29:11
3. Thi-thiên 24:1; 50:12; 89:11
4. Ê-sai 66:2

B. Con người là những đầy tớ quản lý của cải theo mục đích của Đức Chúa Trời

1. Phục-truyền Luật-lệ Ký 8:11-20
2. Lê-vi Ký 19:9-18
3. Gióp 31:16-33
4. Ê-sai 58:6-10

C. Của cải là một phần của sự thờ phượng

1. Hai thứ phân mười
 - a. Dân số Ký 18:21-29; Phục-truyền Luật-lệ Ký 12:6-7; 14:22-27
 - b. Phục-truyền Luật-lệ Ký 14:28-29; 26:12-15

2. Châm-ngôn 3:9
 - D. Cửa cái được xem là món quà từ Đức Chúa Trời do trung thành giữ giao ước
 1. Phục-truyền Luật-lệ Ký 27-28
 2. Châm-ngôn 3:10; 8:20-21; 10:22; 15:6
 - E. Cảnh cáo đối với tìm giàu có mà làm tổn hại cho người khác (bóc lột)
 1. Châm-ngôn 21:6
 2. Giê-rê-mi 5:26-29
 3. Ô-sê 12:6-8
 4. Mi-chê 6:9-12
 - F. Giàu có không phải là tội lỗi trừ khi đặt nó ưu tiên hàng đầu
 1. Thi-thiên 52:7; 62:10; 73:3-9
 2. Châm-ngôn 11:28; 23:4-5; 27:24; 28:20-22
 3. Gióp 31:24-28
- II. Quan điểm khác biệt của sách Châm-ngôn
- A. Sự giàu có được đặt trong phương diện cố gắng cá nhân
 1. Lên án sự lười biếng—Châm-ngôn 6:6-11; 10:4-5,26; 12:24,27; 13:4; 15:19; 18:9; 19:15,24; 20:4,13; 21:25; 22:13; 24:30-34; 26:13-16
 2. Tán thành sự siêng năng—Châm-ngôn 12:11,14; 13:11
 - B. Nghèo đói nghịch với giàu được dùng để mô tả sự công chính đối nghịch với gian ác—Châm-ngôn 10:1ff; 11:27-28; 13:7; 15:16-17; 28:6,19-20
 - C. Sự khôn ngoan (nhận biết Đức Chúa Trời và lời Ngài, sống theo sự hiểu biết này) là tốt hơn sự giàu có—Châm-ngôn 3:13-15; 8:9-11,18-21; 13:18
 - D. Những sự cảnh báo và khuyên can
 1. Cảnh báo
 - a. Cảnh giác việc bảo lãnh nợ cho người lân cận—Châm-ngôn 6:1-5; 11:15; 17:18; 20:16; 22:26-27; 27:13
 - b. Cảnh giác với việc làm giàu bằng những phương tiện tội lỗi—Châm-ngôn 1:19; 10:2,15; 11:1; 13:11; 16:11; 20:10,23; 21:6; 22:16,22; 28:8
 - c. Cảnh giác với việc vay mượn—Châm-ngôn 22:7
 - d. Cảnh giác với sự phù du của sự giàu có—Châm-ngôn 23:4-5
 - e. Cửa cái sẽ không giúp gì trong ngày phán xét—Châm-ngôn 11:4
 - f. Cửa cái đem đến nhiều “bạn hữu”—Châm-ngôn 14:20; 19:4
 2. Khuyên can
 - a. Khuyên rộng rãi—Châm-ngôn 11:24-26; 14:31; 17:5; 19:17; 22:9,22-23; 23:10-11; 28:27
 - b. Sự công chính tốt hơn của cái—Châm-ngôn 16:8; 28:6,8,20-22
 - c. Cầu xin cho nhu cầu, chứ không phải sự thừa thãi—Châm-ngôn 30:7-9
 - d. Giúp đỡ người nghèo là cho Đức Chúa Trời—Châm-ngôn 14:31
- III. Quan điểm của Tân Ước
- A. Đức Chúa Giê-xu
 1. Cửa cái tạo nên một cảm dỗ đặc biệt khiến tin cậy nơi chính mình và nguồn tài lực của mình thay vì tin cậy nơi Đức Chúa Trời và nguồn chu cấp của Ngài
 - a. Ma-thi-ơ 6:24; 13:22; 19:23
 - b. Mác 10:23-31
 - c. Lu-ca 12:15-21,33-34
 - d. Khải Huyền 3:17-19
 2. Đức Chúa Trời sẽ chu cấp những nhu cầu vật chất của chúng ta
 - a. Ma-thi-ơ 6:19-34

- b. Lu-ca 12:29-32
- 3. Gieo liên quan với gặt (tâm linh cũng như vật chất)
 - a. Mác 4:24
 - b. Lu-ca 6:36-38
 - c. Ma-thi-ơ 6:14; 18:35
- 4. Sự ăn năn tác động đến sự giàu có
 - a. Lu-ca 19:2-10
 - b. Lê-vi Ký 5:16
- 5. Bóc lột về kinh tế bị lên án
 - a. Ma-thi-ơ 23:25
 - b. Mác 12:38-40
- 6. Sự phán xét cuối cùng có liên quan đến cách chúng ta sử dụng của cải—Ma-thi-ơ 25:31-46
- B. Phao-lô
 - 1. Quan điểm thực tế giống như Châm-ngôn (làm việc)
 - a. Ê-phê-sô 4:28
 - b. I Tê-sa-lô-ni-ca 4:11-12
 - c. II Tê-sa-lô-ni-ca 3:8,11-12
 - d. I Ti-mô-thê 5:8
 - 2. Quan điểm thiêng liêng giống như Đức Chúa Giê-xu (vật chất không lâu dài, thỏa lòng)
 - a. I Ti-mô-thê 6:6-10 (sự thỏa lòng)
 - b. Philippians 4:11-12 (sự thỏa lòng)
 - c. Hê-bơ-rơ 13:5 (sự thỏa lòng)
 - d. I Ti-mô-thê 6:17-19 (rộng rãi và tin cậy nơi Đức Chúa Trời, không giàu có)
 - e. I Cô-rinh-tô 7:30-31 (biến đổi mọi vật)

IV. Kết luận

- A. Không có hệ thống thần học liên hệ đến của cải trong Kinh Thánh.
- B. Không có khúc Kinh Thánh dứt khoát về đề tài này. Do đó, những hiểu biết phải thu lượm từ nhiều khúc Kinh Thánh khác nhau. Phải thận trọng, đừng áp đặt quan điểm của riêng mình vào trong những khúc Kinh Thánh riêng biệt này.
- C. Châm-ngôn, được viết bởi những nhà thông thái (sages), có quan điểm khác hơn so với những thể loại khác trong Kinh Thánh. Châm-ngôn chú trọng vào cá nhân và thực hành. Nó quân bình và cần phải được quân bình với những khúc Kinh Thánh khác (xem Giê-rê-mi 18:18).
- D. Thời đại của chúng ta cần phải phân tích những quan điểm và những hành động liên hệ đến của cải theo sự soi sáng của Kinh Thánh. Sự ưu tiên của chúng ta sẽ đặt sai chỗ nếu chúng ta để chủ nghĩa tư bản hay là chủ nghĩa cộng sản làm người dẫn đường cho chúng ta. Tại sao và bằng cách nào mà con người đạt đến mục đích quan trọng hơn là họ đã tích trữ nhiều được bao nhiêu.
- E. Sự tích trữ của cải cần phải được quân bình với sự thờ phượng thật và sự quản lý đầy trách nhiệm (xem II Cô-rinh-tô 8-9).

▣ **“vì người sẽ qua đi như hoa cỏ”** Điều này ám chỉ đến sự phù du của mọi của cải vật chất (xem II Cô-rinh-tô 4:18). Những chữ này trong câu 10-11 ám chỉ đến Ê-sai 40:6-8 hay là Thi-thiên 103:15-16 (xem I Phi-e-rơ 1:24-25). Người nghèo cần phải có một nhận thức giá trị cao trọng và người giàu cần có sự nhận biết khiêm nhường. Sự phân biệt ở trần gian này phải tàn lụi dần trong Đấng Christ và rồi một ngày kia sẽ biến mất trong vương quốc toàn hảo của Đức Chúa Trời.

1:11 “Mặt trời mọc lên, nắng xằng” Tại đây ám chỉ đến những ngọn gió sa mạc Sirocco. Cò (và con người) thì mỏng manh, bị lệ thuộc, và phù du.

BẢN NASB 1:12-18

¹² Phước cho người bị cám dỗ; vì lúc đã chịu nổi sự thử thách rồi, thì sẽ lãnh mào triều thiên của sự sống mà Đức Chúa Trời đã hứa cho kẻ kính mến Ngài. ¹³ Chớ có ai đương bị cám dỗ mà nói rằng: Ấy là Đức Chúa Trời cám dỗ tôi; vì Đức Chúa Trời chẳng bị sự ác nào cám dỗ được, và chính Ngài cũng không cám dỗ ai. ¹⁴ Nhưng mỗi người bị cám dỗ khi mắc tư dục xui giục mình. ¹⁵ Đoạn, lòng tư dục cưu mang, sanh ra tội ác; tội ác đã trọn, sanh ra sự chết. ¹⁶ Hỡi anh em yêu dấu, chớ tự dối mình: ¹⁷ mọi ân điển tốt lành cùng sự ban cho trọn vẹn đều đến từ nơi cao và bởi Cha sáng láng mà xuống, trong Ngài chẳng có một sự thay đổi, cũng chẳng có bóng của sự biến cải nào. ¹⁸ Ấy chính Ngài theo ý muốn mình, đã dùng lời chân thật sanh chúng ta, hầu cho chúng ta được nên như trái đầu mùa của những vật Ngài dựng nên.

1:12 “Phước” Chi tiết này thể hiện cách dùng theo tiếng Do thái (xem Thi-thiên 1:1; Châm-ngôn 3:13; 8:34; Gióp 5:17; Ê-sai 56:2; Giê-rê-mi 17:7). Chữ này có thể dịch là “hạnh phúc” (xem bản TEV). Đây cũng là chữ được sử dụng trong phần “Các Phước Lành” trong Bài Giảng Trên Núi của Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 5:1-17).

▣ **“người bị cám dỗ”** Câu này ở THÌ HIỆN TẠI (PRESENT TENSE) có nghĩa là tiếp tục ở dưới sự thử thách (xem câu 3). Các tín hữu không nhận được phước bởi thử thách, nhưng được trưởng thành tâm linh dẫn đến đức tin và sự bền đỗ.

▣ **“vì lúc đã chịu nổi sự thử thách rồi”** “Thử nghiệm” là từ chữ Hy Lạp *dokimos* (xem câu 3). Nó thường ám chỉ “thử nghiệm đề hướng đến sự chấp nhận.” Sự chấp nhận này chỉ đến khi đã trải qua sự thử nghiệm. Chữ này được dùng trong tiếng Hy Lạp để chỉ những bác sĩ phải thi phần thực tập lần cuối trước khi tốt nghiệp. Xem chủ đề đặc biệt at 1:13.

▣ **“mào triều thiên của sự sống”** Đây là chữ Hy Lạp (*stephanos*) chỉ vòng nguyệt quế đội trên đầu như là biểu tượng chiến thắng trong quân sự hoặc thể thao. Từ chữ này chúng ta có tên Stephen trong tiếng Anh. Trong Tân Ước, có một số vương miện mà các tín hữu trung tín sẽ nhận lãnh từ Đức Chúa Trời: (1) “vương miện công chính” (xem II Ti-mô-thê 4:8); (2) “vương miện sự sống” (xem Khải-huyền 2:10; 3:11); (3) “vương miện vinh hiển” (xem I Phi-e-rơ 5:4); và (4) “vương miện không hư nát” (xem I Cô-rinh-tô 9:25). Bởi vì đặc tính Do thái của thư Gia-cơ, chi tiết này chắc không đề cập đến vòng nguyệt quế của một chiến thắng thể thao, nhưng theo nghĩa của bản Septuagint chữ *stephanos* được sử dụng cho vương miện của hoàng gia hay là thầy tế lễ.

▣ **“mà Đức Chúa Trời đã hứa”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH (biến thể) THÌ BẤT ĐỊNH [AORIST MIDDLE (deponent) INDICATIVE] mà chủ ngữ không xuất hiện. Bản dịch NASB, NKJV, NRSV, và NJB bỏ túc chữ “Chúa” trong khi bản TEV và NIV thêm chữ “Đức Chúa Trời.” Đây là điểm tiêu biểu cho thấy có nhiều thay đổi đối với bản văn nguyên thủy tiếng Hy Lạp do những nhà chép kinh về sau tạo ra. Các nhà chép kinh cố gắng làm cho bản văn càng rõ ràng càng tốt để loại bỏ những chỗ tối nghĩa hay là bị sử dụng để giải nghĩa tà giáo. Cần lưu ý về vương miện này (1) được Đức Chúa Trời hứa, (2) nhận được bởi sự thắng hơn các thử thách và cám dỗ của các tín hữu. Cũng giống như chỗ khác Đức Chúa Trời đối xử với con người qua phạm trù (hình thức) giao ước “nếu...thì”. Đức Chúa Trời cung cấp, khởi đầu, và cho phép, nhưng chúng ta phải đáp ứng và liên tục đáp ứng bởi sự ăn năn, đức tin, vâng phục, phục vụ và bền đỗ.

▣ **“cho kẻ kính mến Ngài”** Tình yêu được bày tỏ qua sự vâng lời (xem 2:5; Xuất Ê-díp-tô Ký 20:5-6; Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:10,32; 6:6; 7:9). Không có sự biện hộ nào cho sự không vâng lời (xem Lu-ca 6:46).

1:13 “Chớ có ai...nói” Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) với ĐỘNG TÍNH TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) có nghĩa là “ngừng nói”. Chỗ này có ý nói đến một số tín hữu đang nói điều này nhưng cũng có thể nó biểu lộ thủ pháp văn chương chỉ trích công khai (diatribe) (xem Ma-la-chi; Rô-ma).

▣ **“đương bị cảm dỗ”** Văn mạch tại đây ám chỉ rằng ai nói mình bị Đức Chúa Trời cảm dỗ là đang tìm cách biện hộ trong việc phạm tội của mình cũng có phần sai trật của Đức Chúa Trời. Chữ cảm dỗ (*peirasmois*) dùng trong câu 2 theo nghĩa sự thử thách bề ngoài, nhưng tại đây trong dạng động từ nó chỉ sự cảm dỗ. Đức Chúa Trời đưa sự thử thách đến và cho phép nó xảy ra (xem Ma-thi-ơ 4:1), nhưng Sa-tan mới là kẻ hành động (kẻ cảm dỗ). Chữ “cảm dỗ” (*peirazō*) ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE PARTICIPLE) diễn đạt ý đang bị cảm dỗ, chữ này thường mang ẩn ý “thử nghiệm hướng đến sự hủy hoại.” Nó có nghĩa đối nghịch với chữ “thử thách” (*dokimazō*) được dùng trong 1:3,12. Xem chủ đề đặc biệt: các chữ Hy lạp chỉ sự cảm dỗ trong 1:3.

▣ **“Ấy là Đức Chúa Trời cảm dỗ tôi”** Đức Chúa Trời không phải là nguyên nhân của điều ác! Xin tham khảo thêm sách ngụ kinh Ecclesiasticus 15:11,15,20.

▣ **“vì Đức Chúa Trời chẳng bị sự ác nào cảm dỗ được”** Điều này có nghĩa (1) không thể bị cảm dỗ hay (2) “không tập làm điều ác” có nghĩa là Đức Chúa Trời không có liên hệ hay là trải nghiệm với tội lỗi.

▣ **“chính Ngài cũng không cảm dỗ ai”** Tuy nhiên, Kinh thánh có ghi lại vài lần Đức Chúa Trời thử thách: Áp-ra-ham (Sáng-thế Ký 22:1), Y-sơ-ra-ên (Phục-truyền Luật-lệ Ký 8:2), Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 4:1), và các tín hữu (Ma-thi-ơ 6:13). Câu này dường như bị vướng vào sự khác biệt ý nghĩa của hai chữ “cảm dỗ” (*peirazō*, xem 1:13), và “thử thách” (*dokimazō*, xem 1:3,12). Đức Chúa Trời không cảm dỗ để hủy hoại, nhưng Ngài thử thách để làm vững mạnh.

1:14 “mỗi người bị cảm dỗ khi mắc tư dục xui giục mình” Hai động từ này được dùng cho việc đánh bẫy, dụ dỗ bắt nhốt thú vật. Chúng ta có xu hướng đổ thừa người khác về những tội lỗi của chính mình. Chúng ta có thể đổ thừa cho Đức Chúa Trời, ma quỷ, cha mẹ, xã hội, nền giáo dục, v.v... Chúng ta là kẻ thù nguy hiểm nhất cho chính mình. Kinh thánh nói đến ba kẻ thù của nhân loại: thể gian, xác thịt và ma quỷ (xem 4:1-7; Ê-phê-sô 2:1-3). Theo văn mạch này, xác thịt hay bản chất A-đam của chúng ta chính là thủ phạm (tham khảo sách ngụ kinh Ecclesiasticus 15:14-15). Lưu ý rằng trong phân đoạn này nói về việc phạm tội của con người không có nhắc đến Sa-tan. Trong phân đoạn đề cập đến tội lỗi của con người của sách Rô-ma, Phao-lô cũng không nhắc đến Sa-tan (xem chương 1-3). Sa-tan là kẻ cảm dỗ thật sự, nhưng nó không thể buộc con người phải phạm tội, do đó không có sự biện hộ nào cho những sa đọa đạo đức của con người.

1:15 “lòng tư dục cưu mang, sanh ra tội ác” Tội lỗi được nhân cách hóa và được xem là khởi đầu từ trong tâm trí (xem Rô-ma 12:2; Ê-phê-sô 4:23). Hình ảnh ẩn dụ chỗ này chuyển từ dụ dỗ bắt thú vật sang sự sinh sản được dùng theo nghĩa tiêu cực. Nhưng trong câu 18 sau đó lại được dùng theo nghĩa tích cực.

▣ **“sự chết”** Kinh thánh nói đến ba cái chết khác nhau: (1) chết tâm linh (xem Sáng-thế Ký 2:17; Rô-ma 6:23; Ê-phê-sô 2:1); (2) chết thuộc thể (xem Sáng-thế Ký 5); và (3) chết đời đời (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14). Thông thường cái chết trong hai ý nghĩa đầu được kết hợp trong Ê-xê-chi-ên 18:4. Cái chết trở thành vấn đề thần học khi người Tin lành thuần túy tranh luận về đề tài tuổi của trái đất: Trái đất trẻ

(30,000 - 10,000 năm) hay là già (hàng tỷ năm). Sự chết thuộc thể (cũng như sự tuyệt chủng của một số loài) là tiến trình tự nhiên của sự sáng tạo hay nó là hậu quả của tội lỗi và sự nổi loạn của con người? Những câu hỏi loại này không được đề cập rõ ràng trong Kinh Thánh. Con người hiện đại cố gắng trả lời những câu hỏi này bằng cách nhờ đến khoa học, nhờ Kinh Thánh hay là cả hai. Kinh Thánh cung cấp thông tin rõ ràng về Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi, nhưng không cung cấp chi tiết cho nghiên cứu khoa học (thuộc loại tri thức). Nếu ai dựa vào khoa học hiện đại để giải thích thì các giả thuyết khoa học luôn luôn thay đổi. Nếu ai cậy nhờ vào các nhà giải kinh, nên nhớ các quan điểm thần học của họ thường bị giới hạn do tính địa phương hoặc theo giáo phái.

1:16 “chớ tự dối mình” Đây là MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE IMPERATIVE) với ĐỘNG TÍNH TỬ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) có nghĩa là “dừng lại một hành động đang thực hiện” kèm theo đó có nghĩa một cảm dỗ đang tiếp diễn bên ngoài. Đây là một thành ngữ mạnh dùng để giới thiệu một chân lý quan trọng (xem I Cô-rinh-tô 6:9; 15:33; Ga-la-ti 6:7; và I Giăng 1:7). Đức Chúa Trời ban các quà tặng tốt lành chứ không phải cảm dỗ ác độc.

▣ **“anh em yêu dấu”** Xem ghi chú trong 1:2 và 1:9.

1:17 “mọi ân điển tốt lành cùng sự ban cho trọn vẹn” Đây là sự đối lập với câu 13-16. Có hai chữ khác biệt được dùng trong câu này như song đối. Nếu hai chữ này không đồng nghĩa thì chữ thứ nhất nhấn mạnh đến hành động ban cho còn chữ thứ hai chỉ vật được ban cho. Đức Chúa Trời muốn ban cho chúng ta những điều tốt lành. Ngài không ngần ngại ban cho, nhưng thường thì các tín hữu không sẵn sàng tiếp nhận và sử dụng những tặng phẩm của Đức Chúa Trời theo những cách phù hợp. Kinh thánh có liệt kê một vài điều Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta:

1. Đức Chúa Giê-xu (Giăng 3:16; II Cô-rinh-tô 9:15)
2. Đức Thánh Linh (Lu-ca 11:13)
3. Nước thiên đàng (Lu-ca 12:32)
4. Sự cứu rỗi (Giăng 1:12; Ê-phê-sô 2:8)
5. Sự sống đời đời (I Giăng 5:11)
6. Sự bình an (Giăng 14:27)
7. Sự khôn sáng (Gia-cơ 1:5).

▣ **“từ nơi cao...mà xuống”** Những cụm từ tương tự như ở đây ám chỉ rằng thiên đàng ở bên trên trái đất. Điều này thường bị lạm dụng để làm giảm giá trị của Kinh Thánh. Kinh thánh được viết theo ngôn ngữ của hiện tượng được cảm nhận, nó diễn tả theo cảm nhận của năm giác quan. Loại ngôn ngữ này đặt trọng tâm là trần gian và hướng về trần gian. Nó là phương tiện văn chương cho thấy sự nổi trội của con người là tạo vật cao cả của Đức Chúa Trời. Kinh thánh không phải là cuốn sách khoa học, nhưng là sách thần học. Nó không phản khoa học nhưng tiền khoa học; chính vì lẽ đó mà Kinh Thánh liên hệ với mọi nền văn hóa theo dòng thời gian.

▣ **“Cha sáng láng”** Ánh sáng là hình bóng trong Kinh Thánh chỉ sự tốt lành, mạnh khỏe, tinh sạch, sự hiểu thấu đáo hay là lẽ thật. Chỗ đầu tiên đề cập đến sự sáng là Sáng-thể Ký 1, thuật lại Đức Giê-hô-va tạo nên ánh sáng (xem câu 3). Ngài cũng đặt tên sự tối tăm (xem Sáng-thể Ký 1:4-5) chứng tỏ Ngài kiểm soát cả hai. Chi tiết này không đề cập đến mặt trời, phải đến ngày thứ tư mới được tạo thành (xem Sáng-thể Ký 1:14-19; Thi-thiên 136:7). Sự sáng thường liên hệ với Đức Chúa Trời (xem Thi-thiên 104:2; I Ti-mô-thê 6:16; I Giăng 1:5) hay Đấng Christ (xem Giăng 1:4-5; 8:12; 9:5; 12:46). Vận mệnh của con người không hề bị chi phối bởi những thế lực thần tiên, mà quý hay được mô tả bằng sự di chuyển hay che khuất của các nguồn sáng trên trời. Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa (xem Sáng-thể Ký 1:14-18) và kiểm soát các thiên thể (xem Thi-thiên 147:4; Ê-sai 40:26). Ngài luôn luôn ban phát những điều tốt lành cho con cái Ngài; ngay cả những thử thách cũng có những kết quả tích cực, có chủ định có mục đích cho sự trưởng thành và tin cậy của chúng ta nơi Ngài (trở nên giống như Đấng Christ, xem Rô-ma 8:28-29).



NASB “là Đấng không có sự dời đổi hay là bóng của sự thay đổi”

NKJV “là Đấng không có sự dời đổi hay là bóng của sự thay đổi”

NRSV “là Đấng không có sự dời đổi hay là bóng của sự thay đổi”

TEV “Đấng không biến đổi hay xoay chuyển tạo nên bóng tối”

NJB “với Ngài không có sự thay đổi, không dấu vết của sự đổi thay”

Những chữ này nói lên sự thay đổi tăng hay giảm độ sáng của các thiên thể. Đức Chúa Trời không giống như chúng. Ngài bất biến (xem Thi-thiên 102:26-27; Ma-la-chi 3:6; Hê-bơ-rơ 1:11-12; 13:8). Điều này không có nghĩa ám chỉ rằng Đức Chúa Trời cứng nhắc hay không cảm thông với nhu cầu của con người (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 32:12,14; Thi-thiên 106:44-45; Giê-rê-mi 18:6-10). Nhưng bản tính của Đức Chúa Trời yêu thương và thương xót nhân loại không hề thay đổi. Những tín hữu có thể nương cậy vào những lời hứa của Ngài bởi vì bản tính của Ngài là không thay đổi, không biến cải. Sự tối nghĩa trong câu này khiến các nhà chép kinh làm thay đổi bản văn theo nhiều cách khác nhau. Để tham khảo đầy đủ chi tiết tranh luận, xem quyển *A Textual Commentary on the Greek NT* của Bruce Metzger, trang 679-680.

1:18 “Ấy chính Ngài theo ý muốn mình” Đức Chúa Trời luôn luôn khởi sự sắp đặt trước hoàn cảnh của con người và sự cứu rỗi (xem Giăng 6:44,65; Rô-ma 9; Ê-phê-sô 1:4; 2:8; I Phi-e-rơ 1:3); cụm từ này thuộc dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG (biến cách) THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE [deponent] PARTICIPLE).

▣ **“sanh chúng ta”** Được sinh ra để làm con của Đức Chúa Trời là một hình ảnh ẩn dụ về sự cứu rỗi thông thường trong Kinh Thánh (xem 1:12-13; Giăng 3:3; Công-vụ 17:29; Hê-bơ-rơ 12:5-9; I Phi-e-rơ 1:3,23; I Giăng 2:29; 5:1,4). Cụm từ này có thể ám chỉ đến sự sáng tạo A-đam và Ê-va lúc ban đầu trong Sáng-thế Ký. Nếu điều này đúng thì nó có thể giải thích cho điểm khó hiểu trong 1:21 nói rằng các tín hữu chào đón lời đã gieo trồng trong họ. Vậy thì điểm này ám chỉ đến hình ảnh Đức Chúa Trời mà Ngài tạo dựng trong con người (xem Sáng-thế Ký 1:26; 5:1,3; 9:6) cùng với sự phục hồi trọn vẹn của hình ảnh đó bởi đức tin trong Đức Chúa Giê-su Christ. Tuy nhiên, trong văn mạch tại đây lại ám chỉ đến sự trở thành Cơ-Độc Nhân bởi vì yếu tố tác động là lời lẽ thật, ngụ ý rằng sự cứu rỗi chỉ có qua Phúc âm, chứ không có nơi sự sáng tạo. Một phần tối nghĩa của sự giải thích tại đây là vì chữ “Cha” được dùng theo nhiều nghĩa khác biệt nhau trong Kinh Thánh: (1) Đấng sáng tạo của mọi sự; (2) Đấng tạo nên và bảo tồn Y-sơ-ra-ên (và là vua Y-sơ-ra-ên); (3) Đấng tạo nên và bảo tồn Y-sơ-ra-ên thuộc linh (Hội thánh); và (4) mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Đức Chúa Cha-Đức Chúa Con).

▣ **“lời chân thật”** Trong Ê-phê-sô 1:13; Cô-lô-se 1:5; và II Ti-mô-thê 2:15, chữ này đồng nghĩa với “Phúc âm.”

▣ **“những trái đầu mùa”** Cụm từ này trước tiên có nghĩa: (1) Trong Cựu Ước, hoa quả đầu mùa được cung hiến cho Đức Giê-hô-va để chứng tỏ quyền sở hữu của Ngài trên mọi sản vật (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 28:19; 34:22,26; Lê-vi Ký 23:10) và (2) theo nghĩa ẩn dụ, “trước nhất” về ưu tiên và nổi trội. Điều này không có ý nói Đức Chúa Trời yêu các tín hữu hơn, nhưng Ngài muốn sử dụng họ và cuộc đời đã được thay đổi bởi đức tin để ảnh hưởng đến những người khác.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Các câu 9-11 liên hệ đến lập luận trong chương 1 như thế nào?
2. Người giàu có trong câu 10 có phải là một Cơ-Độc Nhân không?
3. Ma-thi-ơ 6:13 có nghĩa gì nếu Đức Chúa Trời không hề cảm dỗ (câu 13)?
4. Satan có liên hệ gì đến sự cảm dỗ?
5. Liệt kê những loại thử thách được đề cập trong chương 1.
6. Giải thích bằng lời riêng của bạn về ba kẻ thù tấn công con cháu A-đam.

TÌM HIỂU VĂN MẠCH 1:19-27

- A. Trong văn mạch có sự nhấn mạnh đến “lời.”
 1. Sự sinh lại thuộc linh đến bởi lời (câu 18)
 2. Lời được tiếp nhận (câu 21)
 3. Lời được trồng (câu 21)
 4. Lời như một cái gương phản chiếu ý chỉ của Đức Chúa Trời (câu 24)
 5. Lời là luật pháp cho thời đại mới (câu 25)
- B. Có ba mệnh lệnh (IMPERATIVES) được nhấn mạnh bày tỏ một tiến trình thần học có định hướng tương tự như trong Ê-xơ-ra 7:10
 1. Nghe (câu 19)
 2. Tiếp nhận (câu 21)
 3. Thi hành (câu 22; đây là chủ đề của thư Gia-cơ)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 1:19-25

¹⁹ Hỡi anh em yêu dấu, anh em biết điều đó: người nào cũng phải mau nghe mà chậm nói, chậm giận; ²⁰ vì cơn giận của người ta không làm nên sự công bình của Đức Chúa Trời. ²¹ Vậy, hãy bỏ đi mọi điều ô uế, và mọi điều gian ác còn lại, đem lòng nhu mì nhận lấy lời đã trồng trong anh em, là lời cứu được linh hồn của anh em. ²² Hãy làm theo lời, chớ lấy nghe làm đủ mà lừa dối mình. ²³ Vì, nếu có kẻ nghe lời mà không làm theo thì khác nào người kia soi mặt mình trong gương, ²⁴ thấy rồi thì đi, liền quên mặt ra thế nào. ²⁵ Nhưng kẻ nào xét kỹ luật pháp trọn vẹn, là luật pháp về sự tự do, lại bền lòng suy gẫm lấy, chẳng phải nghe rồi quên đi, nhưng hết lòng giữ theo phép tắc nó, thì kẻ đó sẽ tìm được phúc trong sự mình vâng lời.

1:19 “anh em biết điều đó” Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE IMPERATIVE). Mặc dù theo sự biến thể trong tiếng Hy Lạp, cụm từ này có thể xem như là câu CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE). Các MỆNH LỆNH (IMPERATIVES) ở phần đầu trong 1:16 và 2:5 giải thích cho chúng ta biết rằng đây cũng là một mạng lệnh liên hệ đến sự hiểu biết của chúng ta về Phúc âm (xem I Giăng 2:21). Chữ “biết” được dùng trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ “mối liên hệ cá nhân với ai đó” còn trong tiếng Hy Lạp lại mang ý nghĩa là “những dữ kiện về...” Cả hai đều là những khía cạnh quan trọng của Phúc âm: (1) một con người để được chào đón; (2) tin nhận những lẽ thật về con người đó và (3) bắt chước sống theo gương của người đó. Các tín hữu cần phải sống thích hợp với các đặc điểm của Phúc âm. Có thể đặt tên cho cả phân đoạn này là “Những kết quả của sự sanh lại” hay là “Sứ điệp thay đổi cuộc đời.” Sự sống đời đời có những đặc điểm kiểm chứng được.

▣ “anh em yêu dấu” xem chú thích trong 1:2 và 1:9.

▣ **“mau nghe mà chậm nói”** Đây là cách nói chậm ngôn (xem Châm-ngôn 10:19; 13:3; 16:32; 17:28; 29:20). Các câu 22-25 liên hệ đến cụm từ mệnh lệnh đầu tiên này. Sự giáo huấn này có thể liên hệ đến đặc tính linh động, không hình thức tổ chức trong sự thờ phượng của Hội thánh ban đầu (xem 3:1ff). Điều thoáng mở này thường bị lạm dụng. Đây cũng chính là sự căng thẳng tranh cạnh giữa những người hát, người nói tiếng lạ cũng như các tiên tri trong I Cô-rinh-tô 14.

▣ **“chậm giận”** Giận dữ không phải là tội (nếu không thì Đức Chúa Giê-xu bị cáo buộc phạm tội khi dọn sạch đền thờ hay là những lời chỉ trích gay gắt của Ngài với những người Pha-ri-si); nhưng nó là một cảm xúc dễ dẫn đến tội ác (xem Châm-ngôn 14:17; 16:32; Truyền-đạo 7:9). Sự nóng giận trong văn mạch tại đây có thể ám chỉ đến (1) những sự bất bớ, thử thách, cảm dỗ hay là (2) kiêu ngạo, ganh tỵ liên hệ đến sự thờ phượng Cơ Đốc Giáo (xem I Cô-rinh-tô 14).

1:20 Các Cơ-Đốc Nhân giận dữ bóp méo sứ điệp mà Đức Chúa Trời dùng họ để truyền phán cho những người khác (xem Ma-thi-ơ 5:22; Ê-phê-sô 4:26).

1:21 “hãy bỏ đi mọi điều ô uế” Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE PARTICIPLE) giữ chức năng như một MỆNH LỆNH (IMPERATIVE). Cụm từ này nhấn mạnh đến ý chí và trách nhiệm của những người tín hữu. Việc loại bỏ quần áo bẩn thường được dùng như ẩn dụ cho những tính chất tâm linh trong Kinh Thánh (xem Rô-ma 13:12; Ga-la-ti 3:27; Ê-phê-sô 4:22-25; Cô-lô-se 3:8,10,12,14; I Phi-e-rơ 2:1). Cụm Ước thường dùng ẩn dụ quần áo dơ để chỉ “tội lỗi” (xem Ê-sai 64:6; Xa-cha-ri 3:4).

▣ **“mọi điều ô uế”** Chữ này thường có nghĩa là “chất sấp đọng trong lỗ tai” (ráy tai). Nó có thể ám chỉ đến lối sống bất khiết ngăn chặn tín hữu nghe lời Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, cách dùng chính của chữ này là “dơ bẩn”, giống như quần áo dơ (xem Gia-cơ 2:2) ám chỉ đến cách sống của tín hữu. “Thô tục” có thể là một cách dùng khác của chữ này có liên quan đến lời nói của tín hữu.

▣

NASB **“mọi điều tội ác còn lại”**

NKJV **“đầy tràn tội ác”**

NRSV **“tầng lớp phát triển của tội ác”**

TEV **“mọi việc tội ác”**

NJB **“tội ác còn lại”**

Chữ này được dùng trong Tân Ước theo nghĩa “thứ còn thừa lại” hay là “dư thừa” (xem Rô-ma 5:17; II Cô-rinh-tô 8:2;10:15). Trong câu này, dường như nó có nghĩa giữ chính mình trong vòng giới hạn thích hợp của Đức Chúa Trời. Chữ này có thể dịch là “ác ý” theo như bản NEB hay là “lời nói độc ác” liên hệ đến việc Gia-cơ tiếp tục chú trọng về lời nói.

▣ **“lòng nhu mì”** Chữ Hy Lạp này cùng với những từ biến dạng có liên quan được dịch là “địu dàng” “hiền lành,” và “ân cần.” Nó đối nghịch với thái độ cay nghiệt, ích kỷ cùng với những hành động được mô tả trong câu 21. Plato sử dụng nhóm chữ này cho khái niệm “sự trung dung chuẩn mực” là sự quân bình trong cuộc sống của một người có được bởi sự tự chế. Các tín hữu có thể lột bỏ tội ác (con người cũ) và mặc lấy sự thiện lành (con người mới) nhờ lòng tin cậy trong sự liên hệ với Đấng Christ và Đức Thánh Linh ngự trong họ. Sự khiêm nhường là chữ diễn tả sinh động về Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 21:5); Đức Chúa Trời muốn cho mọi tín hữu có điều này (xem Ma-thi-ơ 5:5; I Phi-e-rơ 3:4). Xem ghi chú trong 3:13.

▣ **“nhận lấy”** Đây là MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH (biến cách) THÌ BẤT ĐỊNH [AORIST MIDDLE (deponent) IMPERATIVE]. Lời của Đức Chúa Trời, Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ, cần phải được tiếp nhận (xem Giăng 1:12; Công-vụ 17:11; Rô-ma 10:9-13; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13). Sự tiếp nhận này

bao gồm cả sự ăn năn khởi đầu, đức tin nơi sự cứu rỗi và tiếp tục ăn năn, đức tin trong sự tin kính và trở nên giống như Đấng Christ. Sự nghe bởi đức tin phải dẫn đến đời sống đức tin.

▣ **“lời đã trông”** Đây là ẩn dụ của sự trông trọt (xem Ma-thi-ơ 13:8; II Phi-e-rơ 1:4). Bản văn Hy Lạp ám chỉ rằng con người phải tiếp nhận bởi đức tin lời trông trong họ. Điều này có thể ám chỉ đến sự sáng tạo nguyên thủy của con người giống như câu 18. Nếu đúng vậy thì nó phải ám chỉ đến hình ảnh của Đức Chúa Trời trong chúng ta (xem Sáng-thế Ký 1:26-27), đã bị phá hỏng bởi sự sa ngã (xem Sáng-thế Ký 3), nhưng cũng đã được tái tạo bởi đức tin trong Đấng Christ. Ba ẩn dụ được dùng để minh họa “lời lẽ thật”: hạt giống (câu 21); cái gương (câu 23); và Luật Pháp (câu 25). Phúc âm cần phải được tiếp nhận và bày tỏ ra qua đời sống. Câu 21 chứa đựng cả hai điều kiện tiên quyết của sự cứu rỗi trong Tân Ước: ăn năn (từ bỏ) và đức tin (tiếp nhận), xem Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21. Đây là sự quay ra khỏi tiêu cực (ăn năn) và hướng đến tích cực (đức tin).

▣ **“là lời cứu được linh hồn của anh em”** Lời được trông này là một hình bóng mạnh mẽ chỉ mối liên hệ mới của các tín hữu với Đức Chúa Trời. Chữ “linh hồn” nói đến trọn cả con người. Con người là loài sanh linh (xem Sáng-thế Ký 2:7); nhưng theo khái niệm của người Hy Lạp, họ không có tâm hồn. Về phương diện thần học, linh hồn (*psuchē*) và tâm linh (*pneuma*) là những từ đồng nghĩa chỉ cả con người. Chữ “cứu” có ý nghĩa theo Cựu Ước “giải cứu thuộc thể” (*yasha*) và ý nghĩa Tân Ước “sự cứu rỗi đời đời” (*sōzō*). Cách dùng theo nghĩa Cựu Ước được thấy trong Gia-cơ 5:15,20. Nhưng tại đây và trong 2:14; 4:12, ý nghĩa theo Tân Ước thích hợp hơn. Sự tranh cãi hiện thời quanh đề tài thần học “sự cứu rỗi miễn phí” với “quyền tể trị của Chúa trong sự cứu rỗi” là một dẫn chứng điển hình cho việc các nhà giải kinh hiện đại dùng bằng chứng bản văn từ một khúc Kinh Thánh (hay là một nhóm những khúc Kinh Thánh) mà loại trừ những bằng chứng bản văn ủng hộ cho ý kiến đối lập rồi từ đó xây dựng quan điểm thần học hệ thống, tín lý. Tuy nhiên, Tân Ước cũng giống như mọi thể loại văn chương Cận Đông cổ xưa dùng hình bóng cao xa và thường có tính “nhị nguyên” trình bày chân lý theo từng cặp đối lập. Theo mạch văn này chúng ta đã được cứu (nhận sự sống đời đời) bởi lời của Đức Chúa Trời nhưng chúng ta cũng cần phải hành động theo lời của Đức Chúa Trời mỗi ngày (được cứu hay được giải thoát theo nghĩa Cựu Ước). Vì cả sự vui mừng lẫn sự trưởng thành đều cần thiết. Sự kết hợp giữa đức tin và hành động là sứ điệp trọng tâm của thư Gia-cơ. Đức tin và hành động là cặp đôi giao ước.

1:22 “Hãy làm theo lời” Đây là MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE). Câu này là sứ điệp trọng tâm của cả sách (xem 1:22,23,25). Cơ Đốc Giáo là một quyết định của ý chí để bước vào mối liên hệ do đức tin với Đức Chúa Giê-xu Christ dẫn đến đời sống giống như Đấng Christ. Có thể cụm từ này là một cách gián tiếp nói đến sự vâng phục mà Cựu Ước trình bày trong Mười Điều Răn (xem Gia-cơ 1:12 cùng với Xuất Ê-díp-tô Ký 20:6 và Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:10).

▣ **“chớ lấy nghe làm đủ”** Chữ này được sử dụng trong văn chương Hy Lạp để chỉ những người chỉ tham dự những buổi diễn thuyết nhưng không bao giờ tham gia vào hội đoàn nào cả. Nghe lẽ thật chưa đủ, các tín hữu cần phải làm theo lẽ thật và tiếp tục làm theo nó mỗi ngày (xem Lu-ca 11:28; Rô-ma 2:13).

▣ **“lừa dối mình”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE PARTICIPLE). Cơ Đốc Giáo thời hiện đại sai sót khi cho rằng sự hiện diện trong nhà thờ hay trách nhiệm xã hội là đồng nghĩa với sự phục vụ của Cơ-Đốc Nhân. Sự kỳ thị (về văn hóa) giữa “thánh” và “phàm” chỉ dẫn tới sự tự lừa dối mình. Các câu 23-25 là một thí dụ cho kiểu tự lừa dối đó. Đời sống của chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời; mỗi chúng ta sẽ phải tường trình với Đức Chúa Trời rằng chúng ta đã sống như thế nào.

1:23 “nếu” Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) giả định là đúng theo quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả. Nhiều tín hữu hiện đại thường tham dự Trường Chúa Nhật hay là nghe giảng nhưng không thấy ảnh hưởng nào trên đời sống họ. Trong một ý

nghĩa thì đó chính là sự vô thần thực tế, bất xứng với Đức Chúa Trời. Cơ Đốc Giáo không phải là một tòa nhà, hay chỉ là bài tín điều, nhưng là mối liên hệ đức tin với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ tác động đến mọi lãnh vực của đời sống hằng ngày!



NASB, NKJV “mặt tự nhiên”
NRSV (phụ chú) “mặt bẩm sinh”
TEV “xem chính mình”
NJB “xem mình như thế nào”

Ân dụ này, “guong mặt bẩm sinh” được dùng theo nghĩa nhìn chính mình. Ý nghĩa đầy đủ của câu 23-24 là những tín hữu phải hành động nhiều hơn là chỉ nghe lẽ thật hay là biết lẽ thật. Chúng ta phải dựa trên lẽ thật mà hành động. Điều nào chúng ta không thực hành, chúng ta sẽ đánh mất!

▣ **“guong”** Những chiếc guong trong thời cổ đại được làm bằng kim loại đánh bóng. Chúng rất đắt tiền nhưng chỉ phản chiếu hình ảnh méo mó (xem I Cô-rinh-tô 13:12). Lời của Đức Chúa Trời có chức năng như là chiếc guong tâm linh rõ ràng hoàn hảo.

1:24 Nếu chỉ nhìn sơ qua (không xem kỹ) về chính mình, thì chỉ dẫn con người đến một cuộc đời nổi loạn, tự lừa dối mình.

1:25 “nhìn xem” Có hai chữ Hy Lạp trong các câu 23-25 dùng theo nghĩa “nhìn xem” hay là “quan sát.” Chữ đầu tiên là *katanoeō*, trong câu 23 và 24. Chữ thứ hai, được dùng tại đây, là một chữ có ý nghĩa mạnh hơn, *parakuptō*, có nghĩa là “nhìn chăm chú vào” hay là “xem xét kỹ lưỡng” (xem Giăng 20:5,11; I Phi-e-rơ 1:12). Các tín hữu xem xét chính mình trong ánh sáng của lời Đức Chúa Trời để sau đó họ chăm chú vào “luật pháp hoàn hảo, luật pháp của tự do” là Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ. Hiểu biết về chính mình thì hữu ích, nhưng hiểu biết về Đức Chúa Trời thì có giá trị đời đời.



NASB “luật pháp trọn vẹn, là luật pháp về sự tự do”
NKJV “luật pháp trọn vẹn của sự tự do”
NRSV “luật pháp trọn vẹn, luật pháp của sự tự do”
TEV “luật pháp trọn vẹn đem lại tự do cho con người”
NJB “luật pháp trọn vẹn của sự tự do”

Cụm từ này tương đương với “luật pháp hoàng gia” trong 2:8 và “luật pháp của tự do” trong 2:12 (cũng cần lưu ý Giăng 8:23; Rô-ma 8:2; 14:1ff; I Cô-rinh-tô 8:1ff; 10:23-33; Ga-la-ti 6:2). Lời của Đức Chúa Trời không phải là một rào cản đối với sự tự do của chúng ta, nhưng lại là sự tự do thật cho chúng ta thoát khỏi bản chất tội lỗi. Những tín hữu giờ đây được tự do để hầu việc Ngài (xem Rô-ma 6).

▣ **“kẻ đó sẽ tìm được phước trong việc mình làm”** Lưu ý các tiêu chuẩn cho phước lành: (1) xem xét chú tâm vào luật pháp hoàn hảo; (2) giữ mình trong luật pháp; và (3) trở nên một người thực hành luật pháp hiệu quả. THÌ TUỞNG LAI (FUTURE TENSE) có thể ám chỉ những ơn phước tạm thời ngay bây giờ, nhưng bởi vì khuynh hướng lai thế của Gia-cơ (xem 1:8-9,12; 5:7-8) nên nó có thể chỉ về thời kỳ cuối cùng, những phước hạnh của Sự sống lại-Ngày đoán xét.

BẢN NASB 1:26-27

²⁶ Nhược bằng có ai tưởng mình là tin đạo, mà không cầm giữ lưới mình, nhưng lại lừa dối lòng mình, thì sự tin đạo của người hạng ấy là vô ích. ²⁷ Sự tin đạo thanh sạch không vết, trước mặt Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, là thăm viếng kẻ mồ côi, người góa bụa trong cơn khốn khó của nó, và giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế của thế gian.

1:26 “Nhược bằng có ai tưởng mình là tín đạo” Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE), giả định là đúng theo quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả. Bản Kinh Thánh King James kèm thêm chữ “đường như” nhưng câu này ám chỉ đến sự tự lừa dối, chứ không phải là sự quan sát và đánh giá của người khác. Thường thì các tín hữu lấy việc thi hành các luật lệ, lễ nghi của con người để thay thế cho đời sống giống như Đấng Christ. Các câu 25-26 không đề cập đến những người đạo đức giả, nhưng nói đến những người có đạo thật nhưng không am hiểu, không thực hành và không có kết quả. Chữ “có đạo” trong nghĩa đen là chỉ đến “người chú tâm đến những chi tiết tỉ mỉ.” Gia-cơ hình dung (1) những tín hữu luật pháp trông nhờ nơi điều luật hay là (2) những tín hữu tri thức trông nhờ nơi sự hiểu biết, chứ không phải tín hữu có đời sống tin kính.

▣ **“không cầm giữ lưỡi mình... sự tín đạo của người hạng ấy là vô ích”** Lời nói của con người là một chủ đề chính trong Gia-cơ (xem 1:19; 3:2-12; Ma-thi-ơ 15:8-9; Cô-lô-se 2:20-23; II Ti-mô-thê 3:5). Tiết độ hay tự chế là một dấu hiệu của Cơ-Độc Nhân trưởng thành (xem Ga-la-ti 5:22-23). Quan điểm đúng (giáo lý chính thống) nhưng hành động không đúng thường xảy ra trong vòng con dân Đức Chúa Trời. Đó chỉ là màn trình diễn rỗng tuếch (xem Ê-sai 29:13; Ma-thi-ơ 15:8-9; Cô-lô-se 2:23-25; II Ti-mô-thê 3:5; Gia-cơ 1:19; 3:2-12). Người có đạo thuộc loại này có thể ngăn cản người khác đến với Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 9:30-32).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI NÓI CON NGƯỜI

I. NHỮNG TƯ TƯỞNG MỞ ĐẦU TỪ SÁCH CHÂM NGÔN

- A. Lời nói là một phần trong hình ảnh của Đức Chúa Trời nơi con người (Bởi lời phán của Đức Chúa Trời mà tạo vật mới được hiện hữu, Đức Chúa Trời phán với con người là tạo vật của Ngài). Nó là một phần sống động trong tính cách con người của chúng ta.
- B. Ngôn ngữ con người cho phép chúng ta truyền thông với người khác về những cảm nhận từ cuộc sống. Do đó, nó bày tỏ con người thật của chúng ta (Châm ngôn 18:2; 4:23 [20-27]). Lời nói là sự trải nghiệm xác thực về một người (Châm-ngôn 23:7).
- C. Chúng ta là những tạo vật trong cộng đồng. Chúng ta chú tâm đến sự chấp nhận và công nhận. Chúng ta cần điều đó từ Đức Chúa Trời và từ con người. Ngôn từ có sức mạnh đáp ứng những nhu cầu đó trong cả sự tích cực (Châm-ngôn 17:10) và tiêu cực (Châm-ngôn 12:18).
- D. Có sự mạnh mẽ khác thường trong lời nói của con người (Châm-ngôn 18:20-21)—mạnh mẽ để chúc phước và chữa lành (Châm-ngôn 10:11,21) và mạnh mẽ để rửa sạch và hủy diệt (Châm-ngôn 11:9).
- E. Chúng ta gạt lấy điều chúng ta gieo (Châm-ngôn 12:14).

II. NHỮNG NGUYÊN TẮC VỀ LỜI NÓI TỪ CHÂM NGÔN

- A. Sự tiêu cực và tiềm năng hủy diệt trong lời nói con người
 1. Lời của người độc ác (1:11-19; 10:6; 11:9,11; 12:2-6)
 2. Lời của kẻ tà tâm (5:2-5; 6:24-35; 7:5ff; 9:13-18; 22:14)
 3. Lời của kẻ dối trá (6:12-15,19; 10:18; 12:17-19,22; 14:5,25; 17:4; 19:5,9,28; 21:28; 24:28; 25:18; 26:23-28)
 4. Lời của kẻ ngu đại (10:10,14; 14:3; 15:14; 18:6-8)
 5. Lời của kẻ chứng dối (6:19; 12:17; 19:5,9,28; 21:28; 24:28; 25:18)
 6. Lời của kẻ ngồi lê đôi mách (6:14,19; 11:13; 16:27-28; 20:19; 25:23; 26:20)
 7. Lời mau nói (6:1-5; 12:18; 20:25; 29:20)
 8. Lời nịnh bợ (29:5)
 9. Nhiều lời (10:14,19,23; 11:13; 13:3,16; 14:23; 15:2; 17:27-28; 18:2; 21:23; 29:20)
 10. Lời xuyên tạc (17:20; 19:1)
- B. Sự tích cực, năng lực nâng đỡ, chữa lành trong lời nói của con người

1. Lời của người công chính (10:11,20-21,31-32; 12:14; 13:2; 15:23; 16:13; 18:20)
2. Lời của người sáng suốt (10:13; 11:12)
3. Lời hiểu biết (15:1,4,7,8; 20:15)
4. Lời chữa lành (15:4)
5. Câu trả lời nhã nhặn (15:1,4,18,23; 16:1; 25:15)
6. Câu trả lời vừa ý (12:25; 15:26,30; 16:24)
7. Lời của luật pháp (22:17-21)

III. KHUÔN MẪU CỰU ƯỚC TIẾP TỤC TRONG TÂN ƯỚC

- A. Ngôn ngữ con người cho phép chúng ta truyền thông với người khác về những cảm nhận từ cuộc sống. Do đó, nó bày tỏ con người thật của chúng ta (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:2-23).
- B. Chúng ta là những tạo vật sống tập thể. Chúng ta chú tâm tới sự chấp nhận và công nhận. Chúng ta cần điều đó từ Đức Chúa Trời và từ con người. Ngôn từ có sức mạnh đáp ứng những nhu cầu đó trong cả sự tích cực (II Ti-mô-thê 3:15-17) và tiêu cực (Gia-cơ 3:2-12).
- C. Có sự mạnh mẽ khác thường trong lời nói của con người (Châm-ngôn 18:20-21)—mạnh mẽ để chúc phước (Ê-phê-sô 4:29) và mạnh mẽ để rửa sả (Gia-cơ 3:9). Chúng ta chịu trách nhiệm về những điều chúng ta nói (Gia-cơ 3:2-12).
- D. Chúng ta sẽ bị phán xét bởi những lời nói cũng như những việc làm của mình (Ma-thi-ơ 12:33-37; Lu-ca 6:39-45). Chúng ta gặt lấy điều chúng ta gieo (Ga-la-ti 6:7).

▣ “tấm lòng” Xem chủ đề đặc biệt tiếp theo.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẤM LÒNG

Chữ *kardia* trong tiếng Hy Lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich và Danker, *A Greek-English Lexicon*, trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, hình ảnh về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một cuộc sống thuộc linh (đạo đức)
 - a. Đức Chúa Trời nhìn biết tấm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
 - b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của cuộc sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6; 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tấm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23; I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4; 7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tấm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tấm lòng bày tỏ rõ ràng loại người. Cựu ước có một số cách sử dụng ẩn tượng về từ ngữ này:
 - a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, “Đức Chúa Trời buồn trong lòng” (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-

9)

- b. Phục truyền 4:29; 6:5 “bằng cả tấm lòng, cả linh hồn”
- c. Phục truyền 10:16, “tấm lòng không cất bì” và Rô-ma 2:29
- d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, “tấm lòng mới”
- e. Ê-xê-chi-ên 36:26, “tấm lòng mới” so với “tấm lòng bằng đá”

1:27 “Sự tin đạo thanh sạch không vết, trước mặt Đức Chúa Trời, Cha chúng ta là” Điều này bày tỏ có đạo thật theo nghĩa sự phục vụ giống như Phục-truyền Luật-lệ Ký và Ma-thi-ơ 25:31-46. Tham khảo thêm Mi-chê 6:6-8 định nghĩa về một người thật sự tin đạo. Trong Ma-thi-ơ 6:1 nói đến việc bố thí trong Do Thái Giáo và nó được xem như bằng chứng của mối liên hệ của một người với Đức Chúa Trời. Sự thánh khiết không phải là sự tách biệt hoàn toàn với xã hội, nhưng là sự dự phần giúp đỡ theo những nhu cầu của người nghèo, người bị xã hội ruồng bỏ (xem 2:15-17).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA CHA

Cụm Ước giới thiệu một hình ảnh quen thuộc gần gũi của Đức Chúa Trời đó là hình ảnh người Cha: (1) Quốc gia Do Thái thường được gọi là ‘con’ của Đức Giê-hô-va (Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 3:17); (2) Ngay cả trước đó trong sách Phục truyền Luật lệ ký hình ảnh Đức Chúa Trời là Cha cũng đã được sử dụng (1:31). Trong Phục truyền đoạn 32 Y-sơ-ra-ên được gọi là “con cái của Ngài” và Chúa được gọi là “Cha của các người”. (4) Hình ảnh này cũng được mô tả trong Thi thiên 103:13 và phát triển thêm trong Thi thiên 68:5 (cha của kẻ mồ côi) và (5) hình ảnh này cũng rất thông dụng trong các sách tiên tri (Ê-sai 1:2; 63:8; Y-sơ-ra-ên là con trai và Đức Chúa Trời là Cha, 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:4, 19; 31:9).

Chúa Giê-xu sử dụng tiếng A-ram cho nên chỗ nào có chữ “Cha” xuất hiện theo tiếng Hy Lạp (*Pater*) thì nó diễn tả chữ *Abba* trong tiếng A-ram (14:36). Những từ ngữ như “Ba” hay “Cha” cho thấy sự thân mật của Chúa Giê-xu với Đức Chúa Cha. Ngài bày tỏ sự thân mật này cho các môn đồ thấy để khuyến khích họ nên có mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Cha. Từ “Cha” chỉ được dùng cho Đức Giê-hô-va trong Cựu ước, nhưng Chúa Giê-xu rất thường dùng và dùng ở nhiều chỗ. Khái niệm này là một sự mặc khải quan trọng cho mối liên hệ mới của chúng ta với Đức Chúa Trời qua Chúa Jê-sus Christ (Ma-thi-ơ 6:9). Cần phải ghi nhớ rằng Đức Chúa Cha là một hình ảnh ẩn dụ về gia đình (thân mật) chứ không chỉ về thể hệ hay là sự hiện hữu từ trước. Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh luôn luôn hiệp một và đồng bản thể. Xem chủ đề đặc biệt: Đức Chúa Trời Ba Ngôi trong Ga-la-ti 4:4.

▣ **“thăm viếng kẻ mồ côi, người góa bụa”** Điều này đề cập đến những người cô thế, bên lề xã hội (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 27:19; Thi-thiên 68:5; Truyền-đạo 4:10; Ma-thi-ơ 25:31). Phúc âm chân thật thay đổi đời sống con người và kèm theo đó luôn luôn có những quan tâm và hoạt động xã hội. Sự hiểu biết đúng về Đức Chúa Trời phải dẫn đến việc phục vụ những người khác cũng được dựng nên theo hình ảnh của Ngài.

▣ **“giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế”** Đây là dạng NGUYÊN THỂ THÌ HIỆN TẠI (xem I Ti-mô-thê 5:22). Chữ này liên hệ với các loại sinh tế được chấp nhận. Đức tin có hai khía cạnh thực tiễn: công tác xã hội và đạo đức cá nhân (xem Ma-thi-ơ 25:31ff).

▣ **“của thế gian”** Cần nhớ rằng các tín hữu ở trong thế gian như không thuộc về thế gian (xem Gia-cơ 4:4; I Giăng 2:15-17). Không có liên hệ nào với thế gian hoặc liên kết chặt chẽ với thế gian đều không thích hợp.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chúng ta hiểu biết gì thêm từ Gia-cơ 1:19?
2. Liệt kê những điểm có thể liên hệ đến những nan đề trong sự thờ phượng chung trong các câu 19-27.
3. Giải thích hai yếu tố của sự cứu rỗi được phân tích trong câu 21.
4. Người có đạo tự lừa dối mình bằng cách nào?
5. Tại sao lời nói của các tín hữu được đề cập thường xuyên trong Gia-cơ (1:19,21,26; 3:1ff)?
6. Giải thích định nghĩa của Gia-cơ về tin đạo thật trong các câu 26-27. Ông nhấn mạnh đến hai điểm nào?

GIA-CƠ ĐOẠN 2:1-26

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Cảnh cáo về sự phân biệt 2:1-4 2:5-13	Cẩn trọng với sự thiên vị cá nhân 2:1-13	Sự lưu tâm đến người nghèo 2:1-7 2:8-13	Cảnh cáo về định kiến 2:1-7 2:8-13	Sự lưu tâm đến người nghèo 2:1-4 2:5-9 2:10-13
Đức tin và Việc làm 2:14-17 2:18-26	Đức tin không có việc làm thì chết 2:14-26	Đức tin và Việc làm 2:14-27 2:18-26	Đức tin và Hành động 2:14-17 2:18-24 2:25 2:26	Đức tin và Việc làm 2:14-17 2:18-23 2:24-26

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

5. Phân đoạn 1

6. Phân đoạn 2

7. Phân đoạn 3

8. Vần vần...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH 2:1-13

A. Gia-cơ 2:1-13 là phần mở rộng sự bàn luận về chủ đề giàu - nghèo trong 1:9-11,27.

B. Không rõ người giàu được đề cập trong 1:10-11; 2:6 hay 5:1-6 có phải là các tín hữu hay không. Có thể họ là những người Do thái giàu có bắt bớ các Cơ-Đốc Nhân đầu tiên.

C. Sự giàu có trong Cựu Ước là dấu hiệu cho sự hài lòng của Đức Chúa Trời (xem Lê-vi Ký 26; Phục-truyền Luật-lệ Ký 27), nhưng trong các sự giảng dạy về sau mang lại sự quân bình cần thiết cho khái niệm này (xem Gióp, Thi-thiên 73; Ma-thi-ơ 5-7). Thậm chí sau đó sự nghèo thiếu trở nên ẩn dụ cho sự đói khát tâm linh (xem Ma-thi-ơ 5:3; Lu-ca 6:20).

D. Phân đoạn này được khai triển theo hai chủ đề có liên hệ với nhau:

1. Cách thức của đời này (câu 1-7)
2. Cách thức trong thời đại của Đấng Mết-si-a sắp đến (câu 8-13)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 2:1-7

¹ Hỡi anh em, anh em đã tin đến Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa vinh hiển chúng ta, thì chớ có tây vịn người nào. ² Giả sử có người đeo nhẫn vàng, mặc áo đẹp, vào nơi hội anh em, lại có người nghèo, quần áo rách rưới, cũng vào nữa; ³ nếu anh em ngó kẻ mặc áo đẹp, mà nói rằng: Mời ngồi đây, là chỗ tử tế; lại nói với người nghèo rằng: Hãy đứng đó, hoặc ngồi dưới bệ chơn ta, ⁴ thế có phải anh em tự mình phân biệt ra và lấy ý xấu mà xét đoán không? ⁵ Hỡi anh em rất yêu dấu, hãy nghe này: Đức Chúa Trời há chẳng lựa kẻ nghèo theo đời này đặt làm cho trở nên giàu trong đức tin, và kẻ tự nước Ngài đã hứa cho kẻ kính mến Ngài hay sao? ⁶ Mà anh em lại khinh dễ kẻ nghèo! Há chẳng phải kẻ giàu đã hà hiếp anh em, kéo anh em đến trước tòa án sao? ⁷ Há chẳng phải họ phạm thượng đến danh tốt đã lấy đặt cho anh em sao?

2:1 “Hỡi anh em” Xem chú thích trong 1:2 và 1:9.

▣ “chớ có” Đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) với ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG (NEGATIVE PARTICLE) có nghĩa là dừng lại một hành động đang thực hiện. Bản dịch Williams chuyển ngữ là “đừng có tiếp tục...” Điềm này ám chỉ rằng người đang hành động theo theo cách thức này là những tín hữu sai trật đường hướng.



NASB, NJB	“đức tin anh em”
NKJV	“đức tin”
NRSV	“thực sự tin”
TEV	“như các tín hữu”

Đây không phải là “đức tin” theo nghĩa giáo lý, như trong Giu-đe 3 và 20, nhưng là sự tin cậy cá nhân nơi Đấng Christ (CHỦ ĐÍCH SỞ HỮU CÁCH).

▣ “Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa vinh hiển chúng ta” Cụm từ SỞ HỮU CÁCH này có nghĩa đen là “(Chúa) của vinh hiển (vinh hiển thuộc về Chúa)” khác biệt với cụm từ SỞ HỮU CÁCH “(Sự vinh quang) của Chúa.” Chúa vinh hiển là một danh hiệu Đức Chúa Trời trong Kinh thánh (xem Thi-thiên 29:1-3; Công-vụ 7:2; I Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:17). Các học giả Do Thái Giáo sử dụng cụm từ “vinh quang Shekinah” để diễn tả sự hiện diện của Đức Giê-hô-va ở giữa Y-sơ-ra-ên (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:10; II Sử ký 7:1-3). Cụm từ ở đây mô tả Đức Chúa Giê-xu (xem Lu-ca 2:32; Giăng 1:14; 17:5; I Cô-rinh-tô 2:8; Hê-bơ-rơ 1:3). Lưu ý rằng Đức Chúa Giê-xu được gọi là (1) Đấng Mết-si-a (Đấng Christ trong tiếng Hy Lạp); (2) Chúa (cách chuyển ngữ sang tiếng Hy Lạp của tên gọi Đức Giê-hô-va dựa theo ý nghĩa của chữ được dùng để thay thế là *Adonai*); và (3) “của vinh hiển” (danh hiệu riêng chỉ Đức Giê-hô-va). Các danh hiệu này là các thủ thuật văn chương để qui các thuộc tính thần linh của Đức Giê-hô-va cho Giê-xu người Na-xa-rét.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN

Chữ “sự sáng chói” (*apaugasma*) chỉ được dùng duy nhất tại đây trong Tân Ước. Trong các tác phẩm của triết gia người Do Thái Philo, chữ này được dùng để chỉ mối liên hệ giữa Đấng Christ với Đức Chúa Trời theo nghĩa *logos* chỉ là sự phản ánh của thần linh. Các giáo phụ đầu tiên trong Hội thánh Hy Lạp dùng chữ này theo nghĩa Đấng Christ như là sự phản ánh hay là sự sáng chói của Đức Chúa Trời. Theo nghĩa thông thường: thấy Đức Chúa Giê-xu tức là thấy Đức Chúa Trời, giống như một tấm gương phản chiếu đầy đủ ánh sáng mặt trời. Chữ “vinh hiển” trong tiếng Do Thái (*kabod*) thường được dùng theo nghĩa sự sáng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:10; 24:16-17; Lê-vi Ký 9:6).

Cách diễn đạt này có thể liên hệ với Châm-ngôn 8:22-31, khi sự khôn ngoan (danh từ GIỐNG CÁI trong cả tiếng Do thái lẫn Hy Lạp) được nhân cách hóa như là tạo vật đầu tiên của Đức Chúa Trời (xem *Sirach* 1:4) và là tác nhân của sự sáng tạo (xem sách ngụy kinh *Sự khôn ngoan của Sa-lô-môn* 9:9). Khái niệm này được khai triển thêm trong sách *Sự khôn ngoan của Sa-lô-môn* 7:15-22a và 22b-30. Trong câu 22, sự khôn ngoan tạo nên mọi sự. Câu 25 nói sự khôn ngoan là sự lưu xuất thuần khiết từ vinh hiển của Đấng Toàn Năng. Câu 26 nói sự khôn ngoan là sự phản ánh của ánh sáng đời đời như một cái gương không tì vết phản chiếu việc làm của Đức Chúa Trời. Câu 29 nói sự khôn ngoan được đem so sánh và được thấy nó trỗi hơn các nguồn sáng (như mặt trời và các vì sao) ..

Trong Cựu ước từ ngữ thông thường nhất để chỉ “sự vinh hiển” (*kabod*) là một thuật ngữ trong thương mại (chỉ hai đĩa cân) có nghĩa “nặng”. Bên nào nặng thì có giá trị hay thể hiện giá trị bên trong. Thông thường khái niệm tỏa sáng được thêm vào chữ này để diễn tả oai nghi của Chúa (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Duy nhất chỉ có Ngài mới xứng đáng và được tôn trọng. Ngài quá sáng chói cho nên con người sa ngã không thể chiêm ngưỡng được (Xuất Ê-díp-tô ký 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Chúa Trời chỉ có thể được biết đến rõ ràng qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ ngữ “vinh hiển” có vẻ mơ hồ: (1) có thể tương đương với “sự công bình của Đức Chúa Trời”; (2) có thể chỉ sự “thánh khiết” hay “trọn vẹn” của Đức Chúa Trời; hay là (3) chỉ hình ảnh của Đức Chúa Trời mà theo đó con người được dựng nên (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó nó đã bị hoen ố do sự nổi loạn (Sáng-thế-ký 3:1-22).

▣ **“Chúa”** Chữ này được dịch từ chữ Hy Lạp (*Kurios*) chỉ xuất hiện một lần trong văn mạch chứ không phải hai lần theo như các bản dịch RSV, NKJV, TEV, và NJB.



NASB “với thái độ thiên vị cá nhân”

NKJV “với sự phân biệt”

NRSV “với những hành động thiên vị”

TEV “anh em không bao giờ đối xử với người khác tùy theo bề ngoài của họ”

NJB “đừng để sự phân biệt tầng lớp xen vào”

Chỗ này tái hiện một thành ngữ Cựu Ước, “nâng mặt lên” (xem Lê-vi Ký 19:15; Phục-truyền Luật-lệ Ký 1:17; 10:17; 16:19; 24:17). Các tín hữu cần phải cẩn trọng với những sự phân chia của trần gian (xem Công-vụ 10:34). Đức Chúa Trời (trong Đấng Christ) đã phá đổ mọi ranh giới mà con người đã dựng lên với đồng loại: giàu-ngèo, người Do thái-người ngoại bang; nô lệ-tự do; đàn ông-đàn bà (xem I Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11). Về mặt ngữ pháp, câu 1 là một câu phát biểu hoặc là một câu hỏi với ngầm ý là một câu trả lời phủ định (NRSV). Hầu hết các bản dịch chuyển ngữ câu này ở dạng một phát biểu (NASB, NKJV, TEV, NJB, NIV).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TỆ PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC

I. Giới thiệu

- A. Đây là một biểu lộ phổ biến của nhân loại sa ngã trong mọi xã hội. Đây là cái tôi ích kỷ của con người, đàn áp người khác để tôn cao mình lên. Ở nhiều phương diện, phân biệt chủng tộc là một hiện tượng hiện đại, trong khi tinh thần chủ nghĩa dân tộc (hay chủ nghĩa bộ tộc) là dạng thể hiện xa xưa hơn.
- B. Chủ nghĩa dân tộc bắt đầu tại tháp Ba-bêl (Sáng-thể-ký 11) và bắt nguồn từ ba con trai của Nô-ê nơi mà các chủng tộc phát triển (Sáng-thể-ký 10). Tuy nhiên, điều hiển nhiên từ Kinh thánh cho thấy con người từ chung một nguồn gốc (tức là A-đam và Ê-va, tạo vật đặc biệt của Đức Chúa Trời, Sáng-thể-ký 1-3; Công-vụ 17:24-26).
- C. Phân biệt chủng tộc chỉ là một trong vô số nhiều thành kiến như (1) hóm hỉnh kiến thức; (2) khoe khoang tình trạng xã hội-kinh tế; (3) tính theo luật pháp tôn giáo tự xưng công bình; và (4) những liên kết chính trị theo tín lý.

II. Tư liệu Kinh thánh

A. Cựu ước

- 1. Sáng-thể-ký 1:27 - Con người, người nam, người nữ được tạo dựng trong ảnh tượng giống Chúa, là điều làm cho họ đặc biệt. Điều đó cũng cho thấy giá trị và phẩm cách cá nhân của con người (Giăng 3:16).
- 2. Sáng-thể-ký 1:11-25 - Cụm từ “tùy theo loại...” được lặp đi lặp lại 10 lần. Điều này được sử dụng để hậu thuẫn cho sự phân chia chủng tộc. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này rõ ràng điều này chỉ các thú vật và cây cỏ chứ không nói đến con người.
- 3. Sáng-thể-ký 9:18-27 - Phân đoạn này được dùng để ủng hộ sự đàn áp chủng tộc. Phải nhớ rằng Đức Chúa Trời không nguyên rủa Canaan. Cha của anh là Nô-ê, đã nguyên rủa anh sau khi tình dục từ con say. Kinh thánh chưa bao giờ ghi rằng Đức Chúa Trời xác nhận lời nguyên rủa/thề nguyên này. Ngay cả nếu Chúa có làm điều đó, thì cũng không ảnh hưởng gì đến chủng tộc da màu. Canaan là tổ của những người sống ở vùng Pa-lét-tin và theo những bức tường chạm trổ của người Ê-díp-tô cho thấy họ không phải là người da đen.
- 4. Giô-suê 9:23 - Câu này dùng để chứng minh rằng chủng tộc này sẽ làm nô lệ cho chủng tộc kia. Tuy nhiên, người Ga-ba-ôn có cùng nguồn gốc với người Do thái.
- 5. Ê-xơ-ra 9-10 và Nê-hê-mi 13 - Những đoạn này thường được dùng trong ý nghĩa chủng tộc, nhưng ngữ cảnh này cho thấy các hôn nhân này bị nguyên rủa, không phải bởi vì khác chủng tộc (họ cùng là con cái của con trai Nô-ê, Sáng-thể-ký 10), nhưng vì lý do tôn giáo.

B. Tân ước

1. Các sách Phúc âm

- a. Chúa Jêsu sử dụng vấn đề thù hằn giữa dân Do thái và Sa-ma-ri một vài lần, cho thấy vấn đề thù hằn chủng tộc là không xứng hiệp.
 - 1) Câu chuyện Người Sa-ma-ri nhân lành (Lu-ca 10:25-37)
 - 2) Người đàn bà bên giếng (Giăng 4:4)
 - 3) Người cùi biết ơn (Lu-ca 17:7-19)
- b. Phúc âm dành cho tất cả mọi người
 - 1) Giăng 3:16
 - 2) Lu-ca 24:46-47
 - 3) Hê-bơ-rơ 2:9
 - 4) Khải huyền 14:6
- c. Vương quốc của Chúa bao gồm toàn thể nhân loại
 - 1) Lu-ca 13:29
 - 2) Khải huyền 5

2. Công-vụ

- a. Công-vụ 10 là phân đoạn nền tảng về tình yêu hoàn vũ của Đức Chúa Trời và sứ điệp hoàn vũ của Phúc âm.
- b. Phi-e-rơ bị công kích vì hành động của ông trong Công-vụ 11 và vấn đề này không được giải quyết mãi cho đến Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15. Sự giảng co giữa những người Do thái thế kỷ thứ nhất và người ngoại tin đạo rất lớn.

3. Phao lô

- a. Không có một rào cản nào trong Đấng Christ

- 1) Ga-la-ti 3:26-28
- 2) Ê-phê-sô 2:11-22
- 3) Cô-lô-se 3:11

- b. Đức Chúa Trời không vị nể ai

- 1) Rô-ma 2:11
- 2) Ê-phê-sô 6:9

4. Phi-e-rơ và Gia-cơ

- a. Đức Chúa Trời không vị nể ai, I Phi-e-rơ 1:17

- b. Bởi vì Chúa không thiên vị, con dân Chúa cũng phải nên như vậy, Gia-cơ 2:1

5. Giảng

Một trong những câu nói mạnh mẽ nhất về trách nhiệm của các tín nhân là trong I Giảng 4:20

III. Kết luận

- A. Phân biệt chủng tộc hay các loại thành kiến, đều hoàn toàn không xứng hiệp với con cái Chúa. Sau đây là câu trích từ Henlee Barnette, người đã phát biểu tại một diễn đàn ở Glorieta, New Mexico trong Hội đồng Đời sống Cơ Đốc Nhân (Christian Life Commission) năm 1964: “Phân biệt chủng tộc là tà giáo, bởi vì nó không đúng với Kinh thánh, không phải là tính cách Cơ đốc nhân, đừng nói chi đến việc nó trái với khoa học.”
- B. Vấn đề này cho các Cơ đốc nhân dịp tiện bày tỏ tình yêu giống Đấng Christ, sự tha thứ và cảm thông cho một thế giới hư mất. Sự khước từ của Cơ đốc nhân trong lãnh vực này cho thấy sự không trưởng thành và là dịp cho ma quỷ ngăn cản bước tiến trong đức tin của các tín nhân, sự xác tín, và sự trưởng thành. Nó cũng có thể làm rào cản cho những người hư mất không thể đến với Đấng Christ được.
- C. Tôi phải làm gì? (Phần này trích từ truyền đơn của Christian Life Commission có tựa là “Liên hệ Chủng tộc”

TRÊN PHƯƠNG DIỆN CÁ NHÂN

- ★ Tự nhận trách nhiệm giải quyết vấn đề liên quan đến chủng tộc
- ★ Qua sự cầu nguyện, học Kinh thánh, và thông công với những người khác chủng tộc, cố gắng loại bỏ khỏi đời sống những thành kiến về chủng tộc
- ★ Bày tỏ niềm tin của bạn về vấn đề chủng tộc, đặc biệt là ở những nơi mà những người khích động sự hiềm thù chủng tộc không bị chất vấn.

TRONG CUỘC SỐNG GIA ĐÌNH

- ★ Nhận ra tầm quan trọng của ảnh hưởng gia đình trong sự hình thành những thái độ về chủng tộc khác
- ★ Tìm cách phát triển cách nhìn Cơ đốc bằng việc nói về những điều con cái hay cha mẹ nghe biết về vấn đề chủng tộc ở bên ngoài
- ★ Cha mẹ nên cẩn thận làm gương một tín đồ Cơ đốc khi tiếp xúc với những người khác chủng tộc
- ★ Tìm dịp làm thân với những người khác chủng tộc

TRONG HỘI THÁNH

- ★ Bằng cách nghe giảng dạy về các lẽ thật Kinh thánh về vấn đề chủng tộc, Hội thánh được khích lệ sống làm gương cho cả cộng đồng.
- ★ Cần bảo đảm rằng sự thờ phượng, thông công, phục vụ trong nhà thờ được mở ra cho tất cả

mọi người, ngay cả những Hội thánh thời Tân ước cũng không thấy những rào cản chủng tộc nào (Ê-phê-sô 2:11-22; Ga-la-ti 3:26-29).

TRONG CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY

- ★ Giúp vượt qua tất cả những phân biệt chủng tộc trong thế giới doanh nghiệp
- ★ Làm việc qua các tổ chức cộng đồng đủ loại để bảo đảm quyền lợi và cơ hội công bằng cho mọi người, nên nhớ mục tiêu tấn công là vấn đề chủng tộc chứ không phải con người. Mục tiêu là cổ vũ sự hiểu biết chứ không phải sự cay cú.
- ★ Nếu thấy thích hợp, hãy thành lập một ủy ban đặc biệt gồm những công dân có quan tâm với mục đích mở ra những phương tiện truyền thông trong cộng đồng để giáo dục quần chúng và có những hành động cụ thể để cải tiến vấn đề phân biệt chủng tộc.
- ★ Ủng hộ các hiến pháp và những nhà lập hiến muốn thông qua luật cải tiến sự công bằng chủng tộc và chống lại những người khai thác sự thành kiến này cho những lợi ích chính trị.
- ★ Khen ngợi các nhân viên thi hành công vụ khi thi hành luật mà không có sự phân biệt
- ★ Tránh bạo động, đề xướng sự tôn trọng luật, làm mọi việc có thể làm được như một công dân Cơ đốc để bảo đảm những cấu trúc luật pháp không trở thành công cụ trong tay những người muốn đẩy mạnh sự phân biệt chủng tộc.
- ★ Làm gương về tinh thần và tâm trí của Đấng Christ trong mọi giao tiếp với con người.

2:2 “nếu” Đây là ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL) chỉ một hành động có thể. Điều này ám chỉ đến : (1) giả định có các vị khách giàu có đến buổi thờ phượng của các Cơ-Đốc Nhân Do thái hay là (2) một phiên tòa Cơ Đốc Giáo theo khuôn mẫu của nhà hội.

▣ **“nơi hội anh em”** Trong nghĩa đen là chữ “nhà hội,” còn có nghĩa là “đem chung lại với nhau.” Cách dùng những đặc ngữ Do Thái cho thấy (1) lá thư xuất hiện khá sớm khi mà các Cơ-Đốc Nhân và người Do thái vẫn còn thờ phượng chung với nhau (xem Hê-bơ-rơ 10:25) hay (2) lễ thờ phượng của các Cơ-Đốc Nhân người Do Thái lúc ban đầu dựa theo khuôn mẫu của nhà hội. Các chi tiết vẫn còn có “ghế danh dự” và “bệ chân” giống như trong nhà hội Do Thái (xem Ma-thi-ơ 23:6) dường như xác nhận cách giải thích này (xem câu 3). Tôi nghĩ sự hợp mặt được mô tả không phải là một lễ thờ phượng nhưng là một phiên tòa Cơ Đốc Giáo tương tự như trong nhà hội (xem Mác 13:9; Lu-ca 21:12). Nếu đúng vậy, thì hai vị khách là các nguyên cáo trong tiến trình pháp lý. Điểm này có thể lý giải (1) tại sao họ không biết phải ngồi nơi đâu (2) việc nhắc đến “lời các người đến tòa án” trong câu 6 (xem Lê-vi Ký 19:15).

▣ **“nhẫn vàng”** Đây là biểu lộ của sự giàu có; thông thường trong văn hóa Hy Lạp-La mã mỗi bàn tay đeo vài chiếc nhẫn.



NASB, NRSV “người nghèo mặc quần áo dơ bẩn”

NKJV “người nghèo mặc quần áo bẩn thỉu”

TEV “người mặc đồ rách rưới”

NJB “người nghèo mặc đồ tồi tàn”

Tại đây không chỉ đề cập đến sự nghèo đói nhưng còn chỉ ra việc (họ) đối xử với người ăn xin khác với người ăn bần xa hoa.

2:4 “thế có phải anh em tự mình phân biệt ra” Các câu 4 và 5 là những câu hỏi với ngầm ý tán đồng. Các tín hữu đã và đang mắc tội trong việc bày tỏ sự phân biệt và thiên vị. Chữ “phân biệt” trong tiếng Hy Lạp là một từ ghép giữa chữ *dia* (qua, bởi) với chữ *krina* (xét đoán).

2:5 “hãy nghe” Đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) thể hiện sự khẩn cấp.

▣ **“Hỡi anh em rất yêu dấu”** Xem chú thích trong 1:2 và 1:9.

▣ **“Đức Chúa Trời há chẳng lựa kẻ nghèo theo đời này”** “Chọn (lựa chọn)” là CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE INDICATIVE) (xem Ê-phê-sô 1:4). Chúng ta có chữ “elect” trong Anh ngữ từ chữ Hy Lạp này. Cụm từ “theo đời này” trong nghĩa đen là “trong đời này” được dùng theo nghĩa chỉ của cái, vật chất trần gian. Thật trớ trêu là Đức Chúa Trời lại chọn và chúc phước cho kẻ nghèo, người bên lề xã hội. Đức Chúa Trời đã chọn họ và khiến họ được giàu có trong đức tin và gia tài trong nước Trời, trong khi đó những người hướng dẫn thờ phượng tại đây lại thiên vị người giàu có, quyền thế. Chính những người này lại bắt bớ các tín hữu ban đầu. Phúc âm được rao giảng cho người nghèo là một dấu hiệu của Thời đại Mới (xem Ê-sai 61ff; Ma-thi-ơ 11:5; Lu-ca 1:51-53; 4:18; 7:22). Người nghèo luôn luôn bị loại trừ khỏi “tôn giáo chính thức”, nhưng họ được Đức Chúa Giê-xu tiếp nhận cách đặc biệt. Người nghèo vui mừng tiếp nhận Đấng Christ, trong khi người giàu thường cậy nhờ vào tài sản của mình (xem Ma-thi-ơ 19:23-26). Tại đây không có ý tất cả mọi người nghèo đều được cứu, nhưng họ chắc chắn được chào đón khi đến với Đức Chúa Giê-xu. Đa phần tín hữu trong Hội thánh ban đầu là thuộc những tầng lớp nghèo trong xã hội.

▣ **“kẻ tự”** Kinh Thánh nhắc đến các tín hữu được thừa hưởng nhiều điều nhờ vào mối liên hệ của họ với Đức Chúa Giê-xu là Đấng kẻ tự muôn vật (xem Hê-bơ-rơ 1:2), và họ là đồng thừa kế với Ngài (xem Rô-ma 8:17; Ga-la-ti 4:7):

1. Vương quốc (xem Ma-thi-ơ 25:34, I Cô-rinh-tô 6:9-10; 15:50)
2. Sự sống đời đời (xem Ma-thi-ơ 19:29)
3. Những lời hứa của Đức Chúa Trời (xem Hê-bơ-rơ 6:12)
4. Sự bảo vệ của Đức Chúa Trời trong các lời hứa của Ngài (xem I Phi-e-rơ 1:4; 5:9).

▣ **“nước Ngài”** Đây là cụm từ chính trong các sách Phúc Âm Cộng Quan. Bài giảng đầu tiên và cuối cùng của Đức Chúa Giê-xu cùng với phần nhiều những câu chuyện ví dụ Ngài kể liên quan đến chủ đề này. Cụm từ này liên hệ đến điểm chính về thời kỳ cuối cùng trong sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu (được Gia-cơ tiếp tục). Sự mâu thuẫn thần học “đã, nhưng chưa” này liên hệ đến khái niệm hai thời kỳ của Do Thái Giáo, thời kỳ tội lỗi hiện thời và thời đại công chính sắp đến, mà sẽ được khởi đầu bởi Đức Thánh Linh qua Đấng Mết-si-a. Người Do thái chỉ trông đợi một lần hiện đến của một lãnh tụ quân sự đầy dẫy Thánh Linh (giống như Các Quan Xét trong Cựu Ước). Hai lần đến của Đức Chúa Giê-xu tạo nên sự chồng lấp nhau giữa hai thời kỳ. Vương quốc của Đức Chúa Trời đã chia cắt dòng lịch sử của con người với sự nhập thể tại Bết-lê-hem. Tuy nhiên, Đức Chúa Giê-xu không đến như một vị tướng chinh phục theo sự bày tỏ của Khải-huyền 19, nhưng là một Đầy tớ Khốn Khổ (xem Ê-sai 53) và một vị lãnh đạo khiêm nhường (xem Xa-cha-ri 9:9).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI

Trong Cựu ước người ta cho rằng Đức Giê-hô-va là Vua của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7; Thi-thiên 10:16; 24:7-9; 29:10; 44:4; 89: 18; 95:3; Ê-sai 43:15; 4:4, 6) và Đấng Mết-si-a là vị Vua lý tưởng (Thi-thiên 2:6). Qua sự giảng dạy của Chúa Giê-xu tại Bết-lê-hem, vương quốc Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại đem theo quyền năng và sự cứu rỗi (Giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-36). Giảng Báp-tít công bố nước Đức Chúa Trời đã đến gần (Ma-thi-ơ 3:2; Mác 1:15). Chúa Giê-xu dạy rõ ràng rằng nước Trời ở trong Ngài và trong lời dạy của Ngài (Ma-thi-ơ 4:17, 23; 9:35; 10:7; 11:11-12; 12:28; 16:19; Mác 12:34; Lu-ca 10:9, 11; 11:20; 12:31-32; 16:16; 17:21). Tuy nhiên, nước Trời cũng ở trong tương lai (Ma-thi-ơ 16:28; 24:14; 26:29; Mác 9:1; Lu-ca 21:31; 22:16, 18).

Trong các sách Tin lành cộng quan Mác và Lu-ca, chúng ta thấy cụm từ “nước Đức Chúa Trời.”

Chủ đề thường xuyên này trong các lời dạy của Chúa Jêsus bao gồm sự cai trị trong hiện tại của Đức Chúa Trời trong tâm lòng của con người mà trong một ngày nào đó sẽ hoàn tất trên cả trái đất. Điều này thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Jêsus trong Ma-thi-ơ 6:10. Vì viết cho người Do thái, Ma-thi-ơ muốn dùng cụm từ không đụng đến tên của Đức Chúa Trời (cho nên ông viết là ‘Nước Trời,’ trong khi Mác và Lu-ca viết cho người ngoại, thì dùng cách chỉ định phổ biến cho danh xưng của thần thánh).

Đây là cụm từ chìa khóa quan trọng trong các Phúc âm Cộng quan. Bài giảng đầu tiên và bài giảng cuối của Chúa Jêsus, và hầu hết các ẩn dụ của Ngài, đều xoay quanh chủ đề này. Nó chỉ quyền cai trị của Đức Chúa Trời trong tâm lòng con người ngay bây giờ! Điều ngạc nhiên là Giảng chỉ dùng cụm từ này hai lần mà thôi (trong các ẩn dụ của Chúa Jêsus thì không hề có cụm từ này). Trong Phúc âm Giảng “sự sống đời đời” là từ chìa khóa và là hình ảnh chính.

Sự căng thẳng liên quan đến chủ đề này xảy ra bởi hai lần đến của Đấng Christ. Cự ước chỉ chú trọng đến một lần đến của Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời-lần đến trong huy hoàng kèm theo sự phán xét và binh đao - nhưng Tân ước cho biết Chúa Jêsus đến lần đầu làm một Đầy tớ chịu khổ theo Ê-sai 53 và một vị Vua khiêm nhường theo Xa-cha-ri 9:9. Hai thời kỳ của người Do thái, thời kỳ gian ác và thời kỳ công bình, trùng lặp nhau. Chúa Jêsus đang trị vì trong tâm lòng những người tin Chúa, nhưng một ngày nào đó sẽ cai trị toàn cả cõi sáng tạo. Ngài sẽ đến như Cự ước đã tiên đoán! Những người tin Chúa sống trong tình trạng “đã rồi” nhưng “chưa” của vương quốc Đức Chúa Trời (xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 131-134).

▣ **“đã hứa cho kẻ kính mến Ngài”** Xem chú thích trong 1:12.

2:6 “Mà anh em lại” Đây là điểm nhấn mạnh tương phản để làm nổi bật những điều Đức Chúa Trời đã làm cho người nghèo, cô thế, bên lề xã hội trong câu 5.

▣ **“kẻ giàu”** Người giàu được mô tả (1) đang hà hiếp các tín hữu; (2) kéo họ đến tòa; và (3) phi báng danh mà các tín hữu được kêu gọi. Liệu những người giàu này có phải là các tín hữu không? Tôi nghĩ là không!

2:7

NASB “phạm thượng đến danh tốt đã gọi anh em”

NKJV “nói phạm đến danh cao trọng đã gọi anh em”

NRSV “phạm đến danh đã cầu khẩn cho anh em”

TEV “là kẻ nói xấu về danh tốt đã ban cho anh em”

NJB “là kẻ sỉ nhục danh tôn trọng đã công bố cho anh em”

Nghĩa đen cụm từ này là “gọi đến anh em” (xem Công-vụ 15:17). Về phương diện văn hóa, điểm này có thể ám chỉ đến

1. Sự chúc phước từ vị trưởng lão trong dòng họ (xem Sáng-thể Ký 48:16)
2. Người vợ lấy họ của người chồng (xem Ê-sai 4:1)
3. Người nô lệ trở thành một tài sản của người khác vĩnh viễn
4. Một nghi thức báp-tem (xem Ma-thi-ơ 28:19; Công-vụ 2:38)
5. Một danh hiệu cho tuyển dân của Đức Chúa Trời trong Cự Ước (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:10; II Sứ ký 6:33, 7:14)
6. Danh hiệu “Cơ-Độc Nhân” lần đầu được nhắc đến như sự chế nhạo các tín hữu tại thành An-ti-ốt trong xứ Sy-ri (xem Công-vụ 11:26).

Theo văn mạch tại đây thì nghĩa thứ 4 thích hợp nhất.

BẢN NASB 2:8-13

⁸ Thật vậy, nếu anh em vâng giữ cho toàn vẹn luật pháp tôn trọng, theo như Kinh Thánh rằng: Hãy yêu người lân cận như mình, thì anh em ăn ở tốt lắm. ⁹ Nhưng nếu anh em tây vị người ta, thì phạm tội, luật pháp bèn định tội anh em như kẻ phạm pháp. ¹⁰ Vì người nào giữ trọn luật pháp, mà phạm một điều răn, thì cũng đáng tội như đã phạm hết thấy. ¹¹ Vả, Đấng đã phán rằng: Chớ phạm tội tà dâm, cũng có phán rằng: Chớ giết người. Vậy, nếu người không phạm tội tà dâm, nhưng phạm tội giết người, thì người là kẻ phạm luật pháp. ¹² Hãy nói và làm đường như phải chịu luật pháp tự do đoán xét mình. ¹³ Sự đoán xét không thương xót kẻ chẳng làm sự thương xót; nhưng sự thương xót thắng sự đoán xét.

2:8 “nếu” Cả hai câu 8 và 9 đều bắt đầu với CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) giả định là đúng trong quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả. Những thánh giả, độc giả làm trọn luật pháp cao trọng nếu họ yêu thương cách thích đáng.

▣ **“luật cao trọng”** Khái niệm này có vài tên gọi (xem 1:25; 2:12; Rô-ma 8:2; Ga-la-ti 6:2). Hiển nhiên nó chỉ về Mười Điều Răn (xem câu 11) nhưng cũng nói đến sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu về Thời đại mới được mở ra, cũng là một phương cách đối xử mới của Đức Chúa Trời và những người có dự phần trong giao ước (xem Bài Giảng Trên Núi của Đức Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 5-7).

▣ **“theo Kinh thánh”** Đây là trích dẫn từ Lê-vi Ký 19:18, nhưng với một cái nhìn hướng về Lê-vi Ký 19:15 (có nghĩa là anh em cũng không nên thiên vị).

▣ **“Hãy yêu người lân cận như mình”** Theo ý nghĩa Cơ Đốc Giáo, yêu chính mình đúng nghĩa sẽ quyết định cho việc yêu mến người khác cách phải lẽ (xem Ma-thi-ơ 19:19; Mác 12:31; Lu-ca 10:27; Rô-ma 13:9). Đức Chúa Giê-su thường dùng Lê-vi Ký 19:18, cùng với Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4-5, như là tóm tắt của cả luật pháp (xem Ma-thi-ơ 7:12; 22:40).

2:9 “nếu anh em tây vị người ta” Đây lại là một CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL) giống như câu 8. Nó là lời mạnh mẽ đối với Hội thánh ngày nay. Chúng ta chớ có liều lĩnh mà khinh khi những người Đấng Christ đã chết thay cho (xem Rô-ma 14:15,20; I Giăng 2:9-11; 3:9-18).

▣ **“thì phạm tội”** Chữ “tội lỗi” ở vị trí nhấn mạnh trong câu văn tiếng Hy Lạp. Bày tỏ sự thiên vị là vi phạm giao ước Môi-se và luật yêu thương (luật pháp cao trọng).

▣ **“luật pháp bèn định tội anh em như kẻ phạm pháp”** Sự vi phạm có nghĩa là “vượt qua một giới hạn đã biết” và cũng là một định nghĩa của tội lỗi trong Cựu Ước. Lưu ý rằng đây không phải là vô ý, nhưng là hành động có chủ ý chống nghịch ý muốn đã được bày tỏ của Đức Chúa Trời.

2:10 “Vì người nào giữ trọn luật pháp, mà phạm một điều răn, thì cũng đáng tội như đã phạm hết thấy” Đây là câu quan trọng về phương diện thần học để giải thích sự khó khăn trong việc xưng công bình bởi công đức của con người và mục đích của luật pháp Môi-se (xem Ga-la-ti 3:15-29). Sự vâng giữ một phần hay là tạm thời không bao giờ đủ để được Đức Chúa Trời tiếp nhận qua giao ước Môi-se (xem Ma-thi-ơ 5:19; Ga-la-ti 5:3). Hình thức phát biểu này tóm tắt việc giữ trọn cả luật pháp từ khi đến tuổi trưởng thành (bắt đầu chịu trách nhiệm theo luật pháp) cho đến nay (nghĩa là từ khi nhận lễ *bar mitzvah* [cho các bé trai Do thái khi 13 tuổi] hoặc lễ *bat mitzvah* [cho các bé gái khi 12 tuổi]). Đây là nền tảng thần học cho những lời tuyên bố mạnh mẽ của Phao-lô về tình trạng tội lỗi của con người trong Rô-ma 3:9-23.

2:11 Đây là thứ tự của Mười Điều Răn theo bản Septuagint (chứng tỏ ảnh hưởng Do Thái Giáo trên Gia-cơ trong thời gian đầu). Bản Septuagint là bản dịch tiếng Hy Lạp của Kinh Thánh Cựu Ước có khoảng năm 250 trước Chúa và đa số các tác giả Tân Ước dùng để trích dẫn.

2:12 “Hãy nói và làm” Cả hai đều là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Lời nói và đời sống của các tín hữu phải phù hợp với nhau. Chúng ta phải thực hành điều chúng ta rao giảng (xem Ma-thi-ơ 7). Đây là chủ đề chính của thư tín này!

▣ **“phải chịu luật pháp tự do đoán xét mình”** Cả nhân loại đều sẽ bị đoán xét (xem Ma-thi-ơ 25:31ff; Rô-ma 2:6,16). Ngay cả các Cơ Đốc Nhân cũng sẽ bị đoán xét (xem II Cô-rinh-tô 5:10), không phải về tội lỗi, nhưng là về thái độ, sự sẵn sàng và việc sử dụng những ân tứ thiêng liêng.

2:13 “Sự đoán xét không thương xót kẻ chẳng làm sự thương xót” Đây là nguyên tắc thuộc linh: con người sẽ gặt những gì họ đã gieo (xem Ma-thi-ơ 6:14-15; 7:1-5; 18:22-25; Ga-la-ti 6:7). Câu này là một tục ngữ nổi tiếng trong xứ Pa-léc-tin. Đây là dạng phủ định của lời Đức Chúa Giê-xu giảng trong Ma-thi-ơ 5:7. Ý nghĩa tại đây không phải là sự cứu rỗi bởi việc làm; nhưng những tính cách (thái độ cư xử) trong gia đình của Đức Chúa Trời cần phải thể hiện qua đời sống của các con cái Ngài (xem Ma-thi-ơ 25:31-46; I Cô-rinh-tô 13).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Trong các hội thánh hiện nay, chúng ta đối xử phân biệt như thế nào?
2. Tại sao Đức Chúa Trời chọn để ban phước và cứu kẻ nghèo? Tại sao rất khó để cho người giàu trở thành người tin đạo? Tại sao điều này khiến người Do thái trong thời đại Đức Chúa Giê-su bị “sốc”?
3. Tại sao câu 10 rất quan trọng?
4. Các mạng lệnh trong Cựu Ước liên hệ đến “luật tự do” như thế nào?
5. Các câu 12-13 liên hệ như thế nào với sự xưng công bình bởi đức tin?

CÁC KIẾN GIẢI BẢN VĂN GIA-CƠ 2:14-26

- A. Phân đoạn này của Gia-cơ đã gây nên những tranh cãi thần học quan trọng. Sự tranh cãi này không phát xuất từ hiểu biết về đoạn văn được trích dẫn theo văn mạch, nhưng từ các định kiến thần học của chúng ta, cùng với hệ thống tín lý dựa theo bản văn của thần học tây phương.
- B. Gia-cơ và Phao-lô không hề mâu thuẫn, nhưng bổ sung lẫn nhau. Điểm xem như mâu thuẫn đến từ sự hiểu nhầm về (1) chủ đích và (2) người nhận của các thư Rô-ma và Gia-cơ trong Tân ước.
 1. Phao-lô viết cho những người Do thái tin rằng họ được xứng đáng với Đức Chúa Trời dựa trên (1) chủng tộc (quốc tịch) và (2) sự vâng giữ luật pháp Môi-se của họ (chủ nghĩa luật pháp). Phao-lô nói về việc trở thành (hay gia nhập vào) đời sống Cơ-Đốc Nhân. Ông sử dụng đời sống Áp-ra-ham như một ví dụ trong Cựu Ước được Đức Chúa Trời công bố công chính trước khi cắt bì và trước cả Luật Pháp Môi-se (xem Sáng-thể Ký 15:6). Sự công bố này hoàn toàn dựa nơi ân điển khởi đầu từ Đức Chúa Trời và sự đáp ứng phải lẽ bằng đức tin của Áp-ra-ham (xem Rô-ma 4:3; Ga-la-ti 3:6).

2. Gia-cơ viết cho những phe nhóm trong Hội thánh (những người chống thẩm quyền hay là người Do thái theo Trí Huệ phái) đang biến Cơ Đốc Giáo chỉ còn là một bản tín điều thay vì là một cách sống. Những người này đang xác nhận giáo lý chính thống là nền tảng đảm bảo cho sự cứu rỗi của họ. Các sách Gia-cơ và I Giăng tuyên bố rằng tình thương bày tỏ trong đời sống hằng ngày không phải là một lựa chọn cho các Cơ-Đốc Nhân, nhưng là bằng chứng bày tỏ bản chất thật của họ. Theo Gia-cơ, “các việc làm” không phải là các điều luật Do Thái Giáo, nhưng là tình thương bày tỏ bằng hành động (xem I Cô-rinh-tô 13).
 3. Phao-lô và Gia-cơ không đưa ra hai phương cách của sự cứu rỗi, nhưng là hai phương diện của sự cứu rỗi. Phao-lô nói đến sự khởi đầu hành trình đức tin của Áp-ra-ham (xem Sáng-thế Ký 15), còn Gia-cơ nói đến các đặc điểm tiếp diễn của hành trình đó (sự sinh ra Y-sác cùng với sự dâng hiến Y-sác sau đó, xem Sáng-thế Ký 22).
 4. Tại đây không phải là “đức tin hay việc làm” nhưng là “đức tin và việc làm.” Không chỉ đức tin không việc làm thì chết, nhưng mà việc làm không bởi đức tin thì cũng chết (xem Ma-thi-ơ 7:21-23; Giăng 15:1-6). Cơ Đốc Nhân có thể yếu đuối, non nớt (xem I Cô-rinh-tô 3:1-3, 10-15; Heb. 5:11-14), nhưng đó là ngoại lệ, chứ không phải là lẽ đương nhiên.
 5. John Calvin nói “chỉ có đức tin mới xưng công bình, nhưng đức tin xưng công bình thì không đơn lẻ.”
- C. Chức năng của phân đoạn này nhằm ủng hộ cho đức tin năng động. Trong một nghĩa nào đó thì nó là một phân đoạn Kinh Thánh không chứng nhận cho một giáo lý nhưng cho một cách sống. Đương nhiên lẽ thật Kinh Thánh được bảo đảm, nhưng chỉ liên quan với cách sống giống như Đấng Christ hằng ngày, chứ không phải liên hệ với quan điểm hệ thống thần học. Chúng ta được cứu để phục vụ. Sự phục vụ là chứng cứ của sự cứu rỗi. Đó không phải là phương tiện nhưng là mục đích hướng đến: đời sống kết quả (xem Ê-phê-sô 2:8-9 và 10). Lẽ thật này vô cùng cần thiết trong thời đại của chúng ta bởi vì (1) chủ thuyết chỉ tin mà thôi (easy believism); (2) được bảo đảm như nền tảng thần học, tín lý của hệ phái (được dạy cho các tín hữu như tín lý khi họ khởi đầu nếp sống Cơ-Đốc Giáo).
- D. Cả sách Gia-cơ đề cập đến việc thực tiễn là các tín hữu phải sử dụng những gì mình có (cả vật chất và tâm linh) cho nước Trời như thế nào. Cách sử dụng của cải, vật chất bày tỏ tấm lòng con người.

NGHIÊN CỨU TỪ NGŨ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 2:14-17

¹⁴ Hỡi anh em, nếu ai nói mình có đức tin, song không có việc làm, thì ích chi chẳng? Đức tin đó cứu người ấy được chẳng? ¹⁵ Ví thử có anh em hoặc chị em nào không quần áo mặc, thiếu của ăn uống hằng ngày, ¹⁶ mà một kẻ trong anh em nói với họ rằng: Hãy đi cho bình an, hãy sưởi cho ấm và ăn cho no, nhưng không cho họ đồ cần dùng về phần xác, thì có ích gì chẳng? ¹⁷ Về đức tin, cũng một lẽ ấy; nếu đức tin không sanh ra việc làm, thì tự mình nó chết.

2:14

NASB	“Dùng được gì”
NKJV	“Ích lợi gì”
NRSV, TEV	“tốt đẹp gì”
NJB	“Có ích gì”

Về phương diện ngữ pháp, câu hỏi này là để dẫn đến câu trả lời phủ định. Đức tin không có việc làm thì không có ích lợi gì, không dùng được cho việc chi.

▣ **“Hỡi anh em”** Xem ghi chú trong 1:2 và 1:9.

▣ **“nếu ai nói”** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL SENTENCE) có nghĩa là “ai đó có thể nói.” Câu này cấu trúc như dạng chỉ trích, phản đối mạnh (như người đối kháng giả định) của câu 1:26.

▣ **“mình có đức tin”** Đức tin theo Kinh Thánh (*pistis*) có một số khía cạnh: (1) giáo lý (xem I Giăng 4:1-6; Giu-đe 3,20; (2) mối liên hệ và cam kết cá nhân với Đức Chúa Giê-xu (xem Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13); và (3) cách sống (xem Gia-cơ và I Giăng). Cả ba phương diện này đều liên quan đến đức tin chân thật và trưởng thành.

▣ **“Đức tin đó cứu người ấy được chăng?”** Cụm từ này được dùng theo nghĩa lai thế (tận thế). Sự phán xét sẽ dựa trên (1) việc làm (xem Ma-thi-ơ 25:31ff; Rô-ma 2:6; II Cô-rinh-tô 5:10; Ga-la-ti 6:7-9) và (2) đức tin (xem Rô-ma 4; I Cô-rinh-tô 3:10-15; Ga-la-ti 3). Đây là câu hỏi thứ hai trong câu 14, nó cũng hướng đến sự trả lời phủ định.

2:15 “nếu” Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL SENTENCE) bày tỏ như một ví dụ cho những điều hay là các cách thức mà Cơ Đốc Nhân không chịu nên làm, đặc biệt là đối với các tín hữu khác.

2:16 “đi cho bình an” Cụm từ “đi cho bình an” là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Cụm từ “sưởi cho ấm” là MỆNH LỆNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) IMPERATIVE) và cụm từ “ăn cho no” là MỆNH LỆNH TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE). Đây là một lời cầu nguyện bề ngoài giả dối xin Đức Chúa Trời đáp ứng những nhu cầu thiếu thốn của người khác. Nó cũng là một thành ngữ Cựu Ước bày tỏ sự quan phòng của Đức Chúa Trời (xem Các Quan Xét 18:6; I Sa-mu-ên 1:17; 20:42; II Sa-mu-ên 15:9). Nó thể hiện sự đáp ứng hơi hợt, không quan tâm rất giống với cách chúng ta thường nói khi cư xử không thành thật “Tôi sẽ cầu nguyện cho anh” (xem Ga-la-ti 6:10; I Giăng 3:17-18).

2:17 “nếu” Đây lại là một CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL SENTENCE). Gia-cơ đang sử dụng cấu trúc văn chương này nhằm đưa ra sự ngẫu nhiên để minh họa sự khác biệt giữa đức tin thật và đức tin giả hoặc có thể là đức tin trưởng thành với đức tin yếu đuối. Đây là một câu tóm lược thần học quan trọng (xem câu 20 và 26). Trong quyển *Study Guide Commentary on James*, Curtis Vaughan xem ba câu tóm lược này lập thành dàn ý chính: (1) đức tin chân thật không phải là sự tuyên bố rỗng tuếch (câu 14-17); (2) đức tin chân thật không chỉ là chấp nhận bài tín điều (câu 18-20); và (3) đức tin chân thật là đức tin sinh ra đời sống vâng phục (câu 21-26, trang 56).

BẢN NASB 2:18-26

¹⁸ Hoặc có kẻ nói: Người có đức tin, còn ta có việc làm. Hãy chỉ cho ta đức tin của người không có việc làm, rồi ta sẽ chỉ cho người đức tin bởi việc làm của ta. ¹⁹ Người tin rằng chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi, người tin phải; ma quỷ cũng tin như vậy và run sợ. ²⁰ Nhưng, hỡi người vô tri kia, người muốn biết chắc rằng đức tin không có việc làm là vô ích chăng? ²¹ Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta, khi dâng con mình là Y-sác trên bàn thờ, há chẳng từng cậy việc làm được xưng công bình hay sao? ²² Thế thì, người thấy đức tin đồng công với việc làm, và nhờ việc làm mà đức tin được trọn vẹn. ²³ Vậy được ứng nghiệm lời Thánh Kinh rằng: Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, và điều đó kể là công bình cho người; và người được gọi là bạn Đức Chúa Trời.

²⁴ **nhơn đó anh em biết người ta cậy việc làm được xưng công bình, chớ chẳng những là cậy đức tin mà thôi.** ²⁵ **Đồng một thể ấy, kỳ nữ Ra-háp tiếp rước các sứ giả và khiến họ noi đường khác mà đi, người há chẳng phải cậy việc làm mà được xưng công bình sao?** ²⁶ **Vả, xác chẳng có hồn thì chết, đức tin không có việc làm cũng chết như vậy.**

2:18-20 Về khía cạnh ngữ pháp, phân đoạn này là một khúc Kinh Thánh nhiều nghĩa do những dấu chấm câu và các đại từ thay thế chủ ngữ. Không rõ là có (1) một người ủng hộ cho quan điểm của Gia-cơ; (2) một người chống đối quan điểm của Gia-cơ; (3) mỗi bên có một người; hay là (4) Gia-cơ ám chỉ đến hai nhân vật giả định chống đối nhau. Không rõ là phần trích dẫn dừng ở câu 18 phần a (theo bản dịch NKJV, NRSV, NIV) hay là dừng ở câu 18 phần b (theo bản dịch NASB, TEV) hay là kéo dài luôn cả câu 19. Có thể là người chống đối (mà Gia-cơ giả định) cho rằng các Cơ-Đốc Nhân có những ân tứ thiêng liêng khác nhau, một số người nhận “ơn” đức tin, một số nhận “ơn” việc làm. Gia-cơ trả lời rằng đức tin không phải là ân tứ, nhưng là mối liên hệ nền tảng của sự tin cậy trong Đấng Christ. Nhận biết Đấng Christ là bắt chước theo Ngài; sống như Ngài đã sống, yêu thương như Ngài đã yêu thương; từ bỏ chính mình cho người khác giống như Chúa đã từ bỏ chính Ngài cho người khác (xem I Giăng 3:16). Việc được ban cho ân tứ thiêng liêng không phải là sự giảm bớt trách nhiệm của Cơ-Đốc Nhân nhưng là được làm mạnh mẽ thêm để cho chức vụ có hiệu quả hơn (trong sự kết hợp với những tín hữu khác).

▣ **“Hãy chỉ cho ta đức tin của người không có việc làm”** Đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE). Chân lý này tương tự như ẩn dụ người gieo giống trong Ma-thi-ơ 13. Kết quả chứ không phải sự đáp ứng khởi đầu bày tỏ có đức tin thật. Nếu không có kết quả thì đức tin chưa bền rễ (chưa vững vàng, chưa trưởng thành).

2:19 “Người tin rằng chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi.” Thuyết độc thần là thử nghiệm đầu tiên về tính chính thống trong niềm tin đối với người Do thái (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4-5). Tuy nhiên, các quý cũng tin điều này (xem Ma-thi-ơ 4:3; Mác 5:7). Cơ Đốc Giáo không phải chỉ là giáo lý đúng, nhưng còn là mối liên hệ qua việc vâng phục và yêu thương. Nếu chỉ có quan điểm đúng (giáo lý đúng) mà không có hành động đúng đắn thì rỗng tuếch (chẳng có ý nghĩa gì) (xem I Cô-rinh-tô 13). Chấp nhận tin theo phương diện thần học, kiến thức của thuyết độc thần (xem Rô-ma 3:30; I Cô-rinh-tô 8:4,6; Ê-phê-sô 4:6; I Ti-mô-thê 2:5-6) không thể khiến con người xứng đáng với Đức Chúa Trời. Niềm tin hợp lý lẽ không thể cứu được, vì ai trong số loài người sa ngã có được hiểu biết thần học hoàn toàn chính xác? Sự cứu rỗi qua Đấng Christ tác động đến đầu óc (giáo lý), trái tim (quyết định tin cậy vào Đấng Christ), đôi tay (có cách sống, hành động giống như Đấng Christ).

▣ **“ma quỷ cũng tin như vậy”** Ma quỷ cũng có quan điểm thần học đúng!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA QUỶ

- A. Con người trong thời cổ đại tin theo thuyết vật linh. Họ gán ghép nhân tính và những đặc điểm giống người vào những sức mạnh thiên nhiên, các vật thể thiên nhiên. Sự sống được giải thích qua những tương tác giữa những thể linh này với con người.
- B. Sự nhân cách hoá này phát triển thành đa thần giáo. Thông thường tà linh (*genii*) được xem là những thần linh cấp thấp hay là nửa thần nửa người (thiện hoặc ác) tác động đến đời sống cá nhân con người.
 - 1. Mê-sô-pô-ta-mi, hỗn loạn và xung đột
 - 2. Ai-cập, thứ tự và vận hành

3. Ca-na-an, xem *Archaeology and the Religion of Israel* của W. F. Albright, Fifth Edition, trang 67-92

C. Cự ước không chú tâm hay khai triển chủ đề những thần linh cấp thấp, thiên thần hay là tà linh bởi vì đặc tính độc thần nghiêm ngặt (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; 9:14; 15:11; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:35,39; 6:4; 33:26; Thi-thiên 35:10; 71:19; 86:6; Ê-sai 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7; Mi-chê 7:18). Cự ước có đề cập đến những thần hư không của những ngoại giáo (*Shedim*, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:17; Thi-thiên 106:37) và cho biết tên của một số.

1. *Se'im* (thần rừng hay là những quỷ có lông, tóc xem Lê-vi Ký 17:7; II Sứ-ký 11:15)
2. *Lilith* (giống cái, quỷ cám dỗ, xem Ê-sai 34:14)
3. *Mavet* (chữ “sự chết” trong tiếng Do thái cũng dùng cho các tà linh trong âm phủ của người Ca-na-an, *Mot*, xem Ê-sai 28:15,18; Giê-rê-mi 9:21; có thể Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:22)
4. *Resheph* (tai vạ, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:29; Thi-thiên 78:48; Ha-ba-cúc 3:5)
5. *Dever* (bệnh dịch, xem Thi-thiên 91:5-6; Ha-ba-cúc 3:5)
6. *Az'azel* (không rõ ý nghĩa của tên này, nhưng có lẽ là một quỷ sa mạc hay là một địa danh, xem Lê-vi Ký 16:8,10,26)

(Những ví dụ này lấy từ *Encyclopaedia Judaica*, vol. 5, trang 1523.)

Tuy nhiên, không có thuyết nhị nguyên hay những thiên thần độc lập với Đức Giê-hô-va trong Cự ước. Sa-tan là một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (xem Gióp 1-3; Xa-cha-ri 3), chứ không phải là kẻ thù (xem A. B. Davidson, *A Theology of the Old Testament*, trang 300-306).

D. Sự phát triển của Do-Thái-Giáo trong thời kỳ lưu đầy tại Ba-by-lôn (năm 586-538 trước Chúa), thần học của nó bị ảnh hưởng bởi thuyết nhị nguyên được nhân cách hoá của Ba-tư từ Bái-hoả giáo, một thần cao cấp thiện lành gọi là *Mazda* hay là *Ormazd* và một thần đối nghịch độc ác gọi là *Ahriman*. Sự ảnh hưởng này khiến Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đầy trở thành một dạng nhị nguyên thuyết được nhân cách hóa, một bên là Đức Giê-hô-va và các thiên thần của Ngài và phía đối địch là Sa-tan và những tà linh của nó.

Thần học nhân cách hóa ma quỷ của Do-Thái-Giáo được giải thích và tường trình chi tiết trong *The Life and Times of Jesus the Messiah*, vol. 2, của Alfred Edersheim phần Phụ lục XIII (trang 749-863) và XVI (trang 770-776). Do-Thái-Giáo nhân cách hoá ma quỷ theo ba cách.

1. Sa-tan hay là *Sammael*
2. Xu hướng tội lỗi (*yetzer hara*) bên trong con người
3. Thần Chết

Edersheim trình bày ba phương cách này bằng (1) Kẻ kiện cáo; (2) Kẻ cám dỗ; và (3) Kẻ trừng phạt (vol. 2, trang 756). Có sự khác biệt thần học rõ rệt trong cách trình bày và giải thích về ma quỷ giữa Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đầy và trong Tân ước.

E. Trong Tân ước, đặc biệt trong các sách Phúc âm, khẳng định sự hiện hữu và chống nghịch của những tà linh với con người và Đức Giê-hô-va (trong Do-Thái-Giáo, Sa-tan là kẻ thù với con người, nhưng với Đức Chúa Trời thì không). Chúng chống nghịch với ý định, sự cai trị và vương quốc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Giê-su đã đương đầu và đuổi những tà ma này cũng gọi là (1) những uế linh, xem Lu-ca 4:36; 6:18, hay là (2) tà linh, xem Lu-ca 7:21; 8:2 khỏi con người. Đức Chúa Giê-su phân biệt rõ ràng giữa những bệnh tật (thể chất, tâm trí) và những người bị quỷ ám. Chúa Giê-su bày tỏ quyền năng và sự nhận biết thiêng liêng của Ngài bằng việc nhận diện và đuổi những quỷ này. Các quỷ này cũng thường nhận biết Ngài và cố gắng tôn xưng Ngài, nhưng Đức Chúa Giê-su khước từ sự xác nhận của chúng, ra lệnh cho chúng im lặng và đuổi chúng.

Trong những thư tín của các Sứ đồ trong Tân ước, có sự “thiếu hụt nghiêm trọng” thông tin đề cập đến chủ đề này. Sự đuổi quỷ không bao giờ được đề cập như là một ân tứ thuộc linh cũng như không có phương pháp hay là cách thức nào được để lại cho những thế hệ tín hữu, mục sư về sau.

F. Ma quỷ có thật; ma quỷ có nhân cách; ma quỷ hiện diện. Cả nguồn gốc hay là chủ đích của ma quỷ không được bày tỏ. Kinh thánh khẳng định sự thực hữu của ma quỷ và chống đối mạnh mẽ

ảnh hưởng của nó. Không hề có sự nhị nguyên tốt cùng giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan. Đức Chúa Trời hoàn toàn kiểm soát mọi sự, ma quỷ đã bị đánh bại, bị đoán xét và sẽ bị xô đuổi khỏi công trình sáng tạo.

- G. Dân sự của Đức Chúa Trời phải chống cự với ma quỷ (xem Gia-cơ 4:7). Họ không thể bị nó kiểm soát (xem I Giăng 5:18), dù cho họ có thể bị cám dỗ và lời làm chứng cũng như ảnh hưởng của họ bị tổn hại (xem Ê-phê-sô 6:10-18). Ma quỷ là một phần được Kinh thánh tiết lộ trong thế giới quan của Cơ-Đốc-Nhân. Những Cơ-Đốc-Nhân hiện đại (nhóm Tân phái) không có quyền để định nghĩa lại về ma quỷ (như những cố gắng loại bỏ tính huyền thoại của Rudolf Baltmann); loại bỏ nhân cách khỏi ma quỷ (những cấu trúc xã hội của Paul Tillich), hay là cố gắng giải thích ma quỷ hoàn toàn theo phương diện tâm lý (như Sigmund Freud), tuy vậy ảnh hưởng của chúng lại tràn lan khắp nơi.

▣ **“và run sợ”** Điều này có thể liên hệ đến hành động đuổi quỷ trong danh Đức Giê-hô-va. Chữ này thường được dùng theo nghĩa như trên trong bản giấy côi viết về ma thuật được tìm thấy ở Ai-cập.

2:20

NASB “đức tin không việc làm thì vô dụng”

NKJV “đức tin không việc làm thì chết”

NRSV “đức tin tách khỏi việc làm thì cần cỗi”

NJB “đức tin không việc làm thì vô ích”

Có thể có ba cách dịch từ các bản chép tay tiếng Hy Lạp xưa nhất: (1) π , A, C² dùng chữ “chết” (xem câu 26); (2) B và C^A dùng chữ “cần cỗi”; (3) P⁷⁴ và bản giấy côi Bodmer dùng chữ “vô ích” (có dùng trước đó trong câu 20).

2:21 Đây là một câu hỏi ám chỉ sự trả lời xác nhận.

▣ **“Áp-ra-ham”** Ông được cả Phao-lô (xem trích dẫn Sáng-thể Ký 15 trong Rô-ma 4) lẫn Gia-cơ (trích dẫn Sáng-thể Ký 22) dùng để chứng minh quan điểm thần học của mình, nhưng đề cập đến những sự kiện khác nhau trong cuộc đời của Áp-ra-ham. Phao-lô nói đến sự kêu gọi đầu tiên của Áp-ra-ham (khi Y-sác sinh ra), còn Gia-cơ nói đến sự làm trọn đức tin của ông nhiều năm sau đó (khi dâng Y-sác).

▣ **“tổ phụ chúng ta”** Chữ này dường như ám chỉ đến những người nhận thư là các Cơ-Đốc Nhân Do thái (xem Ma-thi-ơ 3:9; Giăng 8:39). Tuy nhiên, Phao-lô cũng sử dụng khái niệm này cho những người ngoại bang (xem Rô-ma 2:28-29; 4:11-12,16; Ga-la-ti 3:7; 6:16).

▣ **“cậy việc làm được xưng công bình”** Đây là động từ Hy Lạp *dikaioō*. Các ý nghĩa của chữ này (cả ý nghĩa cụ thể và ẩn ý) có nhiều điểm thú vị.

- I. Theo quyển *A Greek-English Lexicon of the NT* (trang 196-197) của Bauer, Arndt, Gingrich, và Danker thì chữ này có nghĩa như sau:

A. “Bày tỏ (sự) công chính” hay là “làm sự công chính cho ai đó”

B. “Công bình, minh oan, đối xử công bằng”

C. Phao-lô sử dụng chữ này để chỉ sự đoán xét của Đức Chúa Trời

1. đối với con người

a. “được tha bổng”

b. “được xưng nhận và đối xử như là công chính”

2. về công tác của Đức Chúa Trời - “khiến ngay thẳng”

3. “khiến trở nên tự do hay là tinh sạch” (ở thể CHỦ ĐỘNG [ACTIVE]) hoặc là “được khiến trở nên tự do hoặc là tinh sạch” (ở dạng THỤ ĐỘNG [PASSIVE])

4. “Đức Chúa Trời được chứng tỏ là công chính”

II. Theo quyển *Greek-English Lexicon of the NT based on Semantic Domains*, tái bản lần thứ hai (quyển thứ 2 trang 64) của Louw và Nida thì chữ này có nghĩa:

- A. “làm cho đúng với” (quyển 1, 34:46, trang 452)
- B. “chứng tỏ là đúng” (quyển 1, 86:16, trang 744)
- C. “tha bổng” (quyển 1, 56:34, trang 557)
- D. “phóng thích” (quyển 1, 37:138, trang 489)
- E. “vâng phục những mệnh lệnh công chính” (quyển 1, 36:22, trang 468)

Khi so sánh những cách dùng ý nghĩa của chữ này thì sẽ thấy rõ Phao-lô có thể dùng chữ này theo một cách đặc biệt (có nghĩa “làm cho công chính” theo nghĩa pháp lý của Tòa án) còn Gia-cơ thì sử dụng theo cách khác (cho thấy là công chính qua đời sống tin kính). Đặc tính đa nghĩa, uyển chuyển của chữ này cho phép có thể dùng nó theo hai cách. Nhưng cần phải ghi nhớ đây là trường hợp “cái này và cái kia hay cả hai cái” chứ không phải là “hoặc cái này hoặc cái kia”. Ngoài ra cần phải thận trọng với những định nghĩa thần học của chữ này (hay bất kỳ chữ nào) rồi đặt ý nghĩa đó vào trong tất cả những đoạn Kinh thánh khác. Từ ngữ chỉ chứa đựng ý nghĩa tùy thuộc vào văn mạch cụ thể.

▣ **“dâng con mình là Y-sác”** Việc dâng Y-sác (xem Sáng-thể Ký 22) không phải là nền tảng cho đức tin của Áp-ra-ham (xem Sáng-thể Ký 12,15), nhưng là kết quả và là sự bày tỏ ra bên ngoài của đức tin đó. Gia-cơ đang dùng chữ “việc làm” theo một cách khác hơn Phao-lô. Gia-cơ đang nói đến cách sống đã có đức tin của Cơ-Độc Nhân (xem I Giăng), trong khi Phao-lô thì đang nói đến việc làm công đức của người Do thái như là căn bản để được Đức Chúa Trời chấp nhận (xem Rô-ma 10:2-3).

2:22 “đức tin đồng công với việc làm” Đây là CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE) ám chỉ một hành động liên tục trong quá khứ. Trong nguyên ngữ tiếng Hy Lạp của câu này có sự ứng đối giữa “làm với” (*syn + ergon*) và “các việc làm” (*ergōn*).

▣ **“đức tin được trọn vẹn”** Đây là CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE INDICATIVE). Về một phía, thì đức tin được khởi đầu và làm trọn bởi Đức Chúa Trời, nhưng ở phía kia của sự quân bình là ý chí và hành động của các tín hữu. Chữ “trọn vẹn” có nghĩa là “trưởng thành”, “hoàn tất” hay là “được trang bị cho sứ mạng đã giao”. Khái niệm giao ước của Kinh Thánh gồm có thẩm quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người để hình thành nên một giao ước hay là một hợp đồng mà trong đó có cả những quyền lợi và những nghĩa vụ, sự ban cho và những yêu cầu phải làm.

2:23 “Kinh thánh” Điểm này ám chỉ đến Sáng-thể Ký 15:6, cũng như Rô-ma 4:3 và Ga-la-ti 3:6. Gia-cơ đang có ý nói rằng câu này được “làm trọn” bởi những hành động sau đó của Áp-ra-ham khi ông sẵn sàng vâng lời Đức Chúa Trời và dâng Y-sác, đứa con của lời hứa, như là một của lễ trên núi Mô-ri-a (xem Sáng-thể Ký 22).

▣ **“bạn Đức Chúa Trời”** Áp-ra-ham được gọi bằng danh hiệu này ba lần trong Kinh Thánh (xem II Sử ký 20:7; Ê-sai 41:8).

2:24 “cậy việc làm được xưng công bình” xem chú thích trong 2:21.

2:25 “kỵ nữ Ra-háp” Trong Do Thái Giáo, Ra-háp là bằng chứng tuyệt vời về sự tha thứ của Đức Chúa Trời cùng với sức mạnh của sự ăn năn (xem Giô-suê 2). Bà còn là tổ tiên của Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 1:4). Gia-cơ sử dụng hai thái cực, Áp-ra-ham và Ra-háp, để minh chứng quan điểm của mình.

2:26 Hơi thở quan trọng như thế nào đối với thân thể con người thì tình yêu kèm theo hành động cũng quan trọng như vậy đối với đức tin.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Đức tin là gì?
2. Định nghĩa yêu cầu tối thiểu (căn bản) cho sự cứu rỗi theo Kinh Thánh.
3. Phao-lô và Gia-cơ có mâu thuẫn với nhau không? Tại sao có và tại sao không?
4. Tại sao cả Phao-lô lẫn Gia-cơ đều dùng Áp-ra-ham như một ví dụ?
5. Liệt kê những điểm mà Ra-háp trái ngược với Áp-ra-ham.
6. Sự cần thiết của việc làm theo ý Gia-cơ liên hệ như thế nào với các Cơ-Độc Nhân xác thật?

GIA-CƠ ĐOẠN 3

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Cái lưới	Cái lưới bắt kham	Sự khôn ngoan thật	Cái lưới	Cái lưới bắt trự
3:1-5a	3:1-12	3:1-5a	3:1-5a	3:1-2a 3:2b-12
3:5b-12		3:5b-12	3:5b-12	
Sự khôn ngoan đến từ trên	Sự khôn sáng từ trời với sự khôn sáng từ ma quỷ		Sự khôn ngoan đến từ trên	Sự khôn ngoan thật và đối nghịch của nó
3:13-18	3:13-18	3:13-18	3:13-18	3:13-18

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

9. Phân đoạn 1

10. Phân đoạn 2

11. Phân đoạn 3

12. Vần vần...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH GIA CƠ 3:1-12

- A. Lời nói con người là đề tài lập đi lập lại trong sách Gia-cơ (xem 1:19,26; 2:14; 3:1-12; 4:11,12, 5:12). Hầu như trong mỗi chương, ông bàn luận đề tài này theo nhiều khía cạnh khác nhau. Lời nói là một phần trong hình ảnh của Đức Chúa Trời trong con người (xem 3:9).
- B. Lời nói của một người cũng giống như việc làm của người đó theo 2:14-16 bày tỏ đúng theo cá tính của họ (xem Ma-thi-ơ 12:37).
- C. Cái lưới có thể đem lại nhiều phước hạnh khi được Đức Chúa Trời kiểm soát và thêm năng lực cho nó, nhưng trở thành sức mạnh hủy diệt khủng khiếp khi ở trong tay của ma quỷ.
- D. Những tư tưởng mở đầu từ sách Châm ngôn

1. Ngôn ngữ con người cho phép chúng ta truyền thông với người khác về những cảm nhận từ cuộc sống. Do đó, nó bày tỏ con người thật của chúng ta (Châm ngôn 18:2; 4:23, 20-27). Lời nói là bài trắc nghiệm xác thực của con người (Châm-ngôn 23:7).
2. Chúng ta là những tạo vật sống tập thể. Chúng ta có liên quan với việc được chấp nhận và xác nhận. Chúng ta cần điều đó từ Đức Chúa Trời và từ con người. Ngôn từ có sức mạnh đáp ứng những nhu cầu đó trong cả sự tích cực (Châm-ngôn 17:10) và tiêu cực (Châm-ngôn 12:18).
3. Có sức mạnh ghê gớm trong lời nói của con người (Châm-ngôn 18:20-21)—sức mạnh đem đến phước hạnh và chữa lành (Châm-ngôn 10:11,21) và sức mạnh để rửa sạch và hủy diệt (Châm-ngôn 11:9).
4. Chúng ta gặt lấy điều chúng ta gieo (Châm-ngôn 12:14).

Những nguyên tắc về lời nói từ sách Châm Ngôn

1. Sự tiêu cực và tiềm năng hủy diệt trong lời nói con người
 - a. lời của người độc ác (1:11-19; 10:6; 11:9,11; 12:2-6)
 - b. lời của kẻ tà tâm (5:2-5; 6:24-35; 7:5ff; 9:13-18; 22:14)
 - c. lời của kẻ dối trá (6:12-15,19; 10:18; 12:17-19,22; 14:5,25; 17:4; 19:5,9,28; 21:28; 24:28; 25:18; 26:23-28)
 - d. lời của kẻ ngu dại (10:10,14; 14:3; 15:14; 18:6-8)
 - e. lời của kẻ chứng dối (6:19; 12:17; 19:5,9,28; 21:28; 24:28; 25:18)
 - f. lời của kẻ ngồi lê đôi mách (6:14,19; 11:13; 16:27-28; 20:19; 25:23; 26:20)
 - g. lời mau nói (6:1-5; 12:18; 20:25; 29:20)
 - h. lời nịnh bợ (29:5)
 - i. nhiều lời (10:14,19,23; 11:13; 13:3,16; 14:23; 15:2; 17:27-28; 18:2; 21:23; 29:20)
 - j. lời xuyên tạc (17:20; 19:1)
2. Sự tích cực, có khả năng nâng đỡ, chữa lành trong lời nói của con người
 - a. lời của người công chính (10:11,20-21,31-32; 12:14; 13:2; 15:23; 16:13; 18:20)
 - b. lời của người sáng suốt (10:13; 11:12)
 - c. lời hiểu biết (15:1,4,7,8; 20:15)
 - d. lời chữa lành (15:4)
 - e. câu trả lời nhã nhặn (15:1,4,18,23; 16:1; 25:15)
 - f. câu trả lời vừa ý (12:25; 15:26,30; 16:24)
 - g. lời của luật pháp (22:17-21)

Những nguyên tắc về lời nói theo Tân Ước

1. Ngôn ngữ con người cho phép chúng ta truyền thông với người khác về những cảm nhận từ cuộc sống. Do đó, nó bày tỏ con người thật của chúng ta (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:2-23).
 2. Chúng ta là những tạo vật sống tập thể. Chúng ta có liên quan đến việc được chấp nhận và xác nhận. Chúng ta cần điều đó từ Đức Chúa Trời và từ con người. Ngôn từ có sức mạnh đáp ứng những nhu cầu đó trong cả sự tích cực (II Ti-mô-thê 3:15-17) và tiêu cực (Gia-cơ 3:2-12).
 3. Có sức mạnh ghê gớm trong lời nói của con người (Châm-ngôn 18:20-21)—sức mạnh đem lại phước hạnh (Ê-phê-sô 4:29) và sức mạnh để rửa sạch (Gia-cơ 3:9). Chúng ta chịu trách nhiệm về những điều chúng ta nói (Gia-cơ 3:2-12).
 4. Chúng ta sẽ bị phán xét bởi những lời nói cũng như những việc làm của mình (Ma-thi-ơ 12:33-37; Lu-ca 6:39-45). Chúng ta gặt lấy điều chúng ta gieo (Ga-la-ti 6:7).
- E. Có phần bình luận thú vị về chủ đề “Các quan điểm của Kinh Thánh về ngôn ngữ” trong quyển sách *Foundations of Contemporary Interpretation*, do Moises Silva chủ biên, trang 204-217.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 3:1-5a

¹ Hỡi anh em, trong vòng anh em chớ có nhiều người tự lập làm thầy, vì biết như vậy, mình sẽ phải chịu xét đoán càng nghiêm hơn. ² Chúng ta thấy đều vấp phạm nhiều cách lắm. Nếu có ai không vấp phạm trong lời nói mình, ấy là người trọn vẹn, hay hãm cả mình. ³ Chúng ta tra hàm thiếc vào miệng ngựa, cho nó chịu phục mình, nên mới sai khiến cả và mình nó được. ⁴ Hãy xem những chiếc tàu: dầu cho lớn mấy mặc lòng, và bị gió mạnh đưa đi thầy kệ, một bánh lái rất nhỏ cùng đủ cạy bát nó, tùy theo ý người cầm lái. ⁵ Cũng vậy, cái lưỡi là một quan thể nhỏ, mà khoe được những việc lớn.

3:1 “trong vòng anh em chớ có nhiều người” Điều này cho thấy khuynh hướng của một số đông trong Hội thánh muốn được nói trong buổi nhóm họp (xem I Cô-rinh-tô 14:26-40). Lễ thờ phượng trong Hội thánh ban đầu linh động và không được tổ chức quy củ.

▣ **“tự lập”** Đây là MỆNH LỆNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE [deponent] IMPERATIVE) với ĐỘNG TÍNH TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) có nghĩa là dừng lại một hành động đang thi hành. Phân đoạn này của sách Gia-cơ khởi đầu với trách nhiệm của những lãnh đạo Cơ-Đốc Nhân sau đó chuyển qua trách nhiệm trong lời nói của mọi Cơ Đốc Nhân.

▣ **“thầy”** Chữ này dường như nói đến (1) có thể trong lễ thờ phượng của Hội thánh ban đầu mọi người đều được phát biểu hoặc là (2) để chỉ địa vị cao trọng của các tu sĩ Do Thái Giáo trong xã hội Do thái. Dạy dỗ được liệt kê ra như là một ân tứ thiêng liêng trong I Cô-rinh-tô 12:28 và 14:26. Nó cũng được liệt kê như một chức năng của các mục sư (xem I Ti-mô-thê 3:1-2; Ê-phê-sô 4:11). Trong Công-vụ 13:1, sự dạy dỗ liên hệ với các tiên tri. Nhưng tại đây, nó được xem như là một quyền lựa chọn dành cho mọi tín hữu. Theo quan điểm thần học của tôi, mọi tín hữu đều dự phần trong ân tứ này ở một mức độ nào đó. Chắc chắn chúng ta không thể chấp nhận một Cơ-Đốc Nhân nói rằng:

1. Tôi không có ân tứ cầu nguyện do đó tôi không cầu nguyện
2. Tôi không có ân tứ dâng hiến do đó tôi không dâng hiến
3. Tôi không có ân tứ truyền giảng do đó tôi không làm chứng.

Chúng ta sẽ nói rằng những công tác này dành cho tất cả tín hữu. Đức Chúa Trời có ban ơn cho một số người phục vụ có kết quả trong những lãnh vực này, nhưng tất cả tín hữu đều phải có trách nhiệm trong những lãnh vực này.

▣ **“anh em”** Xem chú thích trong 1:2 và 1:9.

▣ **“vì biết như vậy”** Gia-cơ bao gồm chính mình vào trong nhóm này. Phao-lô gọi chính mình là người giảng đạo, sứ đồ và là giáo sư (xem II Ti-mô-thê 1:11). Mọi Cơ-Đốc Nhân đều có ít nhất một ân tứ thiêng liêng (xem I Cô-rinh-tô 12), nhưng một số người thì có nhiều hơn.

▣ **“phải chịu xét đoán càng nghiêm hơn”** Sự hiểu biết và quyền lãnh đạo đi kèm với trách nhiệm lớn (xem Lu-ca 12:48). Tôi tin rằng Tân Ước có dạy về những mức độ khác nhau của sự chúc phước và sửa phạt (xem Ma-thi-ơ 10:15; 11:22,24; 18:6; 25:21,23; Mác 12:38-40; Lu-ca 10:12; 12:47-48; 20:47).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG MỨC ĐỘ CỦA SỰ BAN THƯỜNG VÀ SỬA PHẠT

- A. Sự đáp ứng thích hợp hay trái lẽ với Đức Chúa Trời là dựa trên sự hiểu biết. Người ít hiểu biết thì có ít trách nhiệm và ngược lại.

- B. Sự nhận biết Đức Chúa Trời đến theo hai cách.
1. Sự sáng tạo (xem Thi-thiên 19; Rô-ma 1-2)
 2. Kinh thánh (xem Thi-thiên 19, 119; Phúc âm)
- C. Những chứng cứ từ Cựu Ước
1. Các phần thưởng
 - a. Sáng-thế Ký 15:1 (thường được kết hợp với phần thưởng trong thế gian như đất đai, dòng dõi)
 - b. Phục-truyền Luật-lệ Ký 27-28 (sự vâng phục theo giao ước đem đến phước hạnh)
 2. Sự sửa phạt, Phục-truyền Luật-lệ Ký 27-28 (sự bất vâng phục theo giao ước đem đến sự rủa sả)
 3. Bởi vì tội lỗi của con người mà việc ban thưởng theo cách Cựu Ước (dành cho sự công bình của cá nhân giữ giao ước) bị thay đổi. Sự thay đổi này bày tỏ trong Gióp và Thi-thiên 73. Tân Ước thay đổi sự tập trung vào đời này chuyển thành hướng đến đời sau (xem Bài Giảng Trên Núi, Ma-thi-ơ 5-7).
- D. Những chứng cứ từ Tân Ước
1. Các phần thưởng (sau sự cứu rỗi)
 - a. Mác 9:41
 - b. Ma-thi-ơ 5:12,46; 6:1-4,5-6,6-18; 10:41-42; 16:27; 25:14-23
 - c. Lu-ca 6:23,35; 19:11-19,25-26
 2. Sự sửa phạt
 - a. Mác 12:38-40
 - b. Lu-ca 10:12; 12:47-48; 19:20-24; 20:47
 - c. Ma-thi-ơ 5:22,29,30; 7:19; 10:15,28; 11:22-24; 13:49-50; 18:6; 25:14-30
 - d. Gia-cơ 3:1
- E. Đối với tôi chỉ có một sự so sánh tương tự làm rõ nghĩa, đó là từ các nhạc kịch (opera). Tôi không dự các buổi trình diễn nhạc kịch do đó tôi không hiểu chúng. Nếu tôi biết nhiều hơn về sự phức tạp, khó diễn của cảnh tuồng, nhạc và múa chắc hẳn tôi sẽ thưởng thức màn trình diễn nhiều hơn. Tôi tin rằng thiên đàng sẽ làm cho chúng ta đầy tràn niềm vui, nhưng tôi nghĩ công tác hay sự phục vụ trên trần gian của chúng ta quyết định mức độ của các niềm vui đó. Do đó, sự hiểu biết và cách đáp ứng với sự hiểu biết đó dẫn đến những kết quả là các phần thưởng hay là phạt (xem Ma-thi-ơ 16:7; I Cô-rinh-tô 3:8,14; 9:17,18; Ga-la-ti 6:7; II Ti-mô-thê 4:14). Có một nguyên tắc thuộc linh đó là: chúng ta gặt điều chúng ta gieo! Một số người gieo nhiều hơn những người khác nên cũng gặt nhiều hơn (xem Ma-thi-ơ 13:8,23).
- F. “Mão triều thiên của sự công chính” dành cho chúng ta là những công tác Đức Chúa Giê-xu Christ đã hoàn thành (xem II Ti-mô-thê 4:8), nhưng lưu ý, “mão triều thiên sự sống” thì được liên kết với sự bền đỗ trong thử thách (xem Gia-cơ 1:12; Khải-huyền 2:10; 3:10-11). “Mão triều thiên vinh hiển” cho những Cơ-Độc Nhân lãnh đạo thì gắn liền với cách sống của họ (xem I Phi-e-rơ 5:1-4). Phao-lô biết ông có mão triều thiên không hư nát, nhưng ông vẫn giữ sự tiết độ (xem I Cô-rinh-tô 9:24-27). Sự huyền nhiệm trong đời sống Cơ-Độc Nhân đó là Phúc âm thì được ban cho hoàn toàn miễn phí bởi công tác Đấng Christ đã hoàn tất. Nhưng chúng ta cần phải tiếp nhận sự ban cho của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Chúng ta cũng cần phải đáp ứng với sự thêm sức sống của Đức Chúa Trời cho Cơ-Độc Nhân. Đời sống của Cơ-Độc Nhân siêu nhiên giống như sự cứu rỗi, nhưng chúng ta phải tiếp nhận nó và gìn giữ. Nghịch lý “được nhận miễn phí và phải trả giá bằng mọi sự” này là sự huyền nhiệm của các phần thưởng và nguyên tắc gieo-gặt. Chúng ta không được cứu bởi công đức nhưng được cứu để làm việc lành (xem Ê-phê-sô 2:8-10). Việc lành là những bằng chứng rằng chúng ta đã thực sự gặp Chúa (xem Ma-thi-ơ 7). Trong lãnh vực cứu rỗi, công đức con người chỉ dẫn đến sự hủy diệt, nhưng đời sống tin kính kết quả từ sự cứu rỗi thì lại được ban thưởng.

3:2

NASB “chúng ta đều vấp ngã trong nhiều cách”

NKJV “chúng ta đều vấp ngã trong nhiều điều”

NRSV “tất cả chúng ta đều phạm nhiều lỗi”

TEV “tất cả chúng ta thường phạm nhiều lỗi”

NJB “chúng ta đều vấp phạm trong nhiều cách”

Đây là CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INDICATIVE) ngụ ý một hành động tiếp diễn theo thói quen. “Vấp phạm” được dùng theo nghĩa “tội lỗi”. Kinh thánh dạy rằng mọi người đều là tội nhân (xem Sáng-thế Ký 6:5,11-12,13; 8:21; I Các Vua 8:46; Thi-thiên 14:1-3; 53:1-4; 130:3; 143:2; Châm-ngôn 20:9; Truyền-đạo 7:20; Rô-ma 3:10-18,19,20,23; Ga-la-ti 3:22; I Giăng 1:8-10). Điều này có thể phản ánh từ một quyển sách ngụ kinh thuộc thể loại văn chương khôn ngoan của người Do thái, quyển Sự khôn ngoan của người truyền đạo (xem 5:13-14; 14:1; 19:16; 22:27; 28:13-26). Trong thư Gia-cơ có một số chỗ ám chỉ đến quyển sách khôn ngoan này được viết vào khoảng năm 180 trước Chúa, thuộc thời kỳ giữa hai giao ước (sau Cựu Ước nhưng trước Tân Ước).

▣ **“Nếu”** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE); cả nhân loại đều vấp ngã.

▣ **“trong lời nói mình”** Gia-cơ 2:14-26 chú tâm đến đề tài đức tin không việc làm. Phân đoạn này cho thấy theo nghĩa đặc biệt thì lời nói của một người phơi bày tính cách thuộc linh thật của họ. Kinh thánh nhấn mạnh đến sự quan trọng trong lời nói của chúng ta (xem Châm-ngôn 13:3; 18:21; 21:23; Thi-thiên 39:1; Ma-thi-ơ 12:36-37; 15:11, 18-19). Chúng ta được khen ngợi cũng như bị phán xét do lời nói của chính mình bởi vì lời nói bày tỏ ra tính cách của chúng ta.

▣ **“ấy là người trọn vẹn”** “Trọn vẹn” có nghĩa là “được trang bị đầy đủ,” “trưởng thành,” “hoàn tất” chứ không phải là vô tội. Gia-cơ thường hay sử dụng từ này (xem 1:4,17,25; 2:22; 3:2) bởi vì ông nhấn mạnh đến lối sống Cơ Đốc năng động, hiệu quả.

▣ **“hay hăm cầm cả mình”** Kiểm soát được cái lưỡi là một dấu hiệu của sự tiết độ và trưởng thành trở nên giống như Đấng Christ (xem 1:26; Ga-la-ti 5:22-23).

3:3 “nếu” Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE); loài ngựa đã bị con người thuần hóa.

3:3-5 Đây là những ví dụ làm thế nào mà vật nhỏ có thể ảnh hưởng đến những thứ lớn hơn: hàm thiếc-ngựa, bánh lái-tàu, đóm lửa-ngọn lửa. Trong các bản giấy cói Ai-cập thường có hình những con ngựa, những chiếc tàu để làm ẩn dụ về sự kiểm soát.

3:4 “tàu. . .lớn” Thế giới Hy Lạp-La mã có nhiều tàu lớn. Phao-lô đã đi trên một chiếc tàu chở ngũ cốc hàng hóa và 276 hành khách. Josephus ghi lại có lần ông đi trên chiếc tàu chở 600 hành khách. Ông mô tả kích thước của chiếc tàu: dài 60 mét, ngang 15 mét, cao 20 mét.

3:5 “khoe được những việc lớn” Tại đây có thể Gia-cơ đang ám chỉ đến sức mạnh trong lời nói con người hoặc là ý tưởng “tự cao”.

BẢN NASB 3:5b -12

Thử xem cái rừng lớn chừng nào mà một chút lửa có thể đốt cháy lên! ⁶ Cái lưỡi cũng như lửa; ấy là nơi đô hội của tội ác ở giữa các quan thể chúng ta, làm ô uế cả mình, đốt cháy cả đời người, chính mình nó đã bị lửa địa ngục đốt cháy. ⁷ hết thấy loài muông thú, chim chóc, sâu bọ,

loài dưới biển đều trị phục được và đã bị loài người trị phục rồi; ⁸ nhưng cái lưới, không ai trị phục được nó; ấy là một vật dữ người ta không thể hãm dẹp được: đầy đầy những chất độc giết chết. ⁹ Bởi cái lưới chúng ta khen ngợi Chúa, Cha chúng ta, và cũng bởi nó chúng ta rửa sả loài người, là loài tạo theo hình ảnh Đức Chúa Trời. ¹⁰ Đồng một lỗ miệng mà ra cả sự khen ngợi và rửa sả! Hỡi anh em, không nên như vậy. ¹¹ Có lẽ nào một cái suối kia, đồng một mạch mà ra cả nước ngọt và nước đắng sao? ¹² Hỡi anh em, cây vả có ra trái ô-li-ve được, cây nho có ra trái vả được chăng? Mạch nước mặn cũng không có thể chảy ra nước ngọt được nữa.

3:5b “cái rùng lớn” Cụm từ này có thể dịch là (1) cánh rùng hay là (2) “đồng củi.” Trong tư tưởng của Gia-cơ, cái lưới được ví sánh ẩn dụ như tia lửa nhỏ bày tỏ bản chất hủy diệt, không thể kiểm soát của nó (xem câu 6-8).

3:6

NASB “thế giới tội lỗi”
NKJV, NRSV “thế giới bất công”
TEV “thế giới lầm lạc”
NJB “thế giới trái đạo lý”

Điểm này dường như có nghĩa lời nói của con người biểu hiện sự bất chính; nó thường phơi bày điều gian ác được che giấu trong con người. Cái lưới làm ô uế mọi sự. Trong 1:27 và 4:4, Gia-cơ sử dụng chữ “thế giới” theo nghĩa tiêu cực.

▣

NASB “đốt cháy cả đời người”
NKJV “đốt cháy theo lẽ thường”
NRSV “đốt cháy theo lệ thường”
TEV “đốt cháy cả sự hiện diện của chúng ta”
NJB “đốt cháy cả vòng quay của sự sáng tạo”

Nghĩa đen của cụm từ này là “vòng quay của sự sinh nở.” Để tham khảo sự phân tích rõ ràng về cụm từ hiếm thấy này xem quyển *Word Studies in the New Testament*, vol. 1, của M. R. Vincent, trang 356-357. Cụm từ dường như ám chỉ đến đời sống của một người từ khi sinh ra đến khi chết, thậm chí có thể ảnh hưởng đến những thế hệ tương lai. Cụm từ này xuất hiện trong câu 6 bày tỏ cường độ và tầm mức tàn phá trong lời nói của con người.

▣ **“bị đốt cháy bởi lửa địa ngục”** Cụm từ này có nghĩa đen là “bị thiêu cháy bởi Gehenna,” ám chỉ đến thung lũng các con trai Hi-nôm, nằm ở phía nam của Giê-ru-sa-lem. Đây là ẩn dụ mà Đức Chúa Giê-xu dùng để mô tả sự hình phạt và nơi dành cho những kẻ chối bỏ đức tin nơi Đức Chúa Trời. Thung lũng này bị biến thành bãi rác của Giê-ru-sa-lem bởi vì trong thời Cựu Ước tại địa điểm này các em bé bị hiến tế để thờ thần lửa Mô-lôch (xem II Các Vua 16:3; 17:17; 21:6; 23:10; II Sứ ký 28:3; 33:6; Lê-vi Ký 18:21). Đây là chỗ duy nhất nhắc đến “Gehenna” ngoài những lời phán của Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 5:22,29,30; 10:28; 18:9; 23:15,33; Mác 9:43,47; Lu-ca 12:5). Ẩn dụ này ám chỉ đến những việc gian ác trên đời sống của chúng ta mỗi ngày. Gia-cơ chắc phải đã trải nghiệm hay là chứng kiến những hậu quả tiêu cực của lời nói con người!

3:7 Câu này thể hiện thứ tự bốn phần trong sự sáng tạo các loài sinh vật theo Sáng-thể Ký 1:26 và 9:2.

▣ **“trị phục”** Loài người được ban cho quyền cai trị (xem Sáng-thể Ký 1:26,28; sách ngụ ngôn Lời của người truyền đạo 17:4). Loài người có thể thuần hóa và cai trị mọi loài vật ngoại trừ chính mình.

3:8

NASB, NRSV “một vật dữ không thể cầm giữ và đầy chất độc chết người”

NKJV “một vật dữ không quản trị được, đầy chất độc”
TEV “tội ác và không thể kiểm soát, đầy chất độc”
NJB “một dịch bệnh không thể kiềm chế, đầy chất độc”

Tại đây sử dụng hình ảnh của lưỡi rắn luôn luôn di động (xem Sáng-thể Ký 3:1,4-5; Thi-thiên 140:3) và có thể ám chỉ đến những “giáo sư” bị ma quỷ xúi giục.

3:9 “chúng ta khen ngợi Chúa, Cha chúng ta” Cấu trúc ngữ pháp này chỉ với một MẠO TỪ (ARTICLE) nhưng có tới hai DANH TỪ (NOUNS) làm tối nghĩa câu văn. Nó có thể ám chỉ đến Đức Chúa Giê-xu và Đức Chúa Cha (xem 1:27) hay có thể chỉ Đức Giê-hô-va mà thôi. Hầu hết các bản dịch chọn dịch theo ý thứ hai bởi vì văn mạch đề cập đến ý con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Vào thời đó trong các nhà hội của Do-thái giáo thì các phước lành từ Đức Chúa Trời gắn liền với (1) việc cầu nguyện xin phước lành theo nghi lễ và (2) những lời cầu nguyện cá nhân. Chắc chắn sự nhóm họp Cơ Đốc Giáo ban đầu bắt chước theo hình thức này. Về điểm “Đức Chúa Cha”, xem chủ đề đặc biệt trong 1:27.

▣ **“rũa sả loài người”** Đây là CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH (biến thể) THÌ HIỆN TẠI [PRESENT MIDDLE (deponent) INDICATIVE]. Rũa sả có nghĩa cầu cho những khó khăn và ác hại đổ xuống trên người khác bằng quyền năng trong danh Đức Chúa Trời (xem Lu-ca 6:28; Rô-ma 12:14). Theo văn mạch ở đây, nó có thể ám chỉ đến những giáo sư đối địch nhau (xem câu 14).

▣ **“là loài tạo theo hình ảnh Đức Chúa Trời”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE PARTICIPLE). Loài người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (xem Sáng-thể Ký 1:26,27; 5:1, 9:6; I Cô-rinh-tô 11:7), và họ vẫn có hình ảnh đó dù rằng sa ngã (xem Sáng-thể Ký 9:6; I Cô-rinh-tô 11:7). Câu này thể hiện giá trị và phẩm cách của con người dù rằng nghèo hay giàu, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà, người Do thái hay là người ngoại bang (xem I Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11). Nói xấu người khác là phê phán Đức Chúa Trời, Đấng sáng tạo họ (xem Thi-thiên 139). Chữ “giống như” (hình ảnh) không được định nghĩa trong Sáng-thể Ký. Có một vài học thuyết về các yếu tố trong “hình ảnh”: (1) sống có ý thức (tâm lý); (2) khả năng hiểu biết (lý trí); (3) ý thức đạo đức (lương tâm); và (4) ý chí chọn lựa.

3:10-12 Điều này phản ánh lẽ thật trong Ma-thi-ơ 7:15ff. Lời nói con người có năng lực tuyệt vời cho điều tốt, nhưng cũng có những năng lực khủng khiếp cho tội lỗi.

▣ **“anh em”** Xem chú thích trong 1:2 và 1:9.

3:11-12 Cả hai câu hỏi trong câu 11 và 12 ngụ ý trả lời phủ định.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao đề tài của sự dạy dỗ cần phải được chuẩn bị cách đặc biệt?
2. Có những mức độ trong sự sửa phạt không?
3. Tại sao lời nói của Cơ-Đốc Nhân thì vô cùng quan trọng?
4. Định nghĩa chữ “Gehenna” trong câu 6.

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH GIA-CƠ 3:13-18

- Mạch văn theo chủ đề liên hệ đến các giáo sư được tiếp tục từ 3:1-12. Có một vài cảnh cáo được nêu ra.
 - Sự phán xét nghiêm khắc hơn nữa là việc có thật (xem 3:1)
 - Có hiểm họa trong lời nói con người (xem 3:2)
 - Đời sống cần phải bày tỏ những sự dạy dỗ (xem 3:13)
 - Phải có một thái độ phải lễ (xem 3:15)
 - Có sự giả mạo từ ma quỷ (xem 3:15).Các điểm này dường như xác nhận có các “giáo sư” không đủ phẩm hạnh trong Hội thánh ban đầu, họ tự xưng là thiêng liêng và nhận được những sự khai thị đặc biệt từ Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, chúng ta cần phải nhớ rằng mặc dù văn mạch đề cập đặc biệt đến các giáo sư nhưng lời văn cũng nói cho tất cả Cơ-Độc Nhân. Mọi Cơ-Độc Nhân đều có thể cầu xin sự khôn ngoan (xem 1:5). Mọi Cơ-Độc Nhân cần phải sống và phát biểu trong sự khôn ngoan.
- Phân đoạn này trình bày thử nghiệm đối với “các giáo sư”.
 - Khôn ngoan từ Đức Chúa Trời
 - Được kiểm chứng bằng cách sống
 - Dựa trên thái độ đứng đắn.Tôi thêm vào đây: phải có sự xưng nhận thích hợp về thân vị và công tác của Đấng Christ dựa theo I Giăng 4:1-6 .
- Cần nhớ rằng thư Gia-cơ tương tự như thể loại Văn chương Khôn Ngoan của Cựu Ước. Sự khôn ngoan trong Cựu Ước có khuynh hướng cho đời sống tôn giáo và những áp dụng cho đời sống thực tế hằng ngày.
- Phao-lô sử dụng “những trái của Đức Thánh Linh,” trong Ga-la-ti 5:22-23, để mô tả đời sống Cơ-Độc Nhân xứng hợp, còn Gia-cơ lại sử dụng phạm trù khôn ngoan của Cựu Ước (xem Châm-ngôn 1-3; 8:22ff; Truyền-đạo 1:1). Sự khôn ngoan chú trọng đến dần thân nhiều hơn là sự xưng nhận hay quan điểm đúng (chính thống). Nó gắn kết chặt chẽ cách sống và động cơ đứng đắn (xem Ma-thi-ơ 11:19).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÓI XẤU VÀ NÉT TỐT TRONG TÂN ƯỚC

Bảng liệt kê những thói xấu và nét tốt thường thấy trong Tân ước. Những điều này thường phản ánh các thói nét của văn hóa (Hy Lạp) và Do thái. Danh sách những thói nét tương phản này được liệt kê sau đây:

	<u>Những thói xấu</u>	<u>Những nét tốt</u>
1. Phao lô	Rô-ma 1:28-32	---
	Rô-ma 13:13	Rô-ma 2:9-21
	I Cô-rinh-tô 5:9-11	---
	6:10	I Cô-rinh-tô 6:6-9
	II Cô-rinh-tô 12:20	II Cô-rinh-tô 6:4-10
	Ga-la-ti 5:19-21	Ga-la-ti 5:22-23
	Ê-phê-sô 4:25-32	---
	5:3-5	---
	---	Phi-líp 4:8-9
	Cô-lô-se 3:5,8	Cô-lô-se 3:12-14
	ITi-mô-thê 1:9-10	---

	6:4-5	---
	II Ti-mô-thê 2:22a, 23	II Ti-mô-thê 2:22b,24
	Tít 1:7, 3:3	Tít 1:8-9; 3:1-2
2. Gia-cơ	Gia-cơ 3:15-16	Gia-cơ 3:17-18
3. Phi-e-rơ	I Phi-e-rơ 4:3	I Phi-e-rơ 4:7-11
	II Phi-e-rơ 1:9	II Phi-e-rơ 1:5-8
4. Giăng	Khải huyền 21:8; 22:15	---

5. Có bốn chữ đặc biệt trong cả Tân Ước chỉ xuất hiện trong đoạn này: “sự hiểu biết” (*epistēmōn*, câu 13), “quỷ ám” (*daimoniōdēs*, câu 15), “hợp lý” (*eupelthēs*, câu 17), và “vững vàng” (*adiakritos*, câu 17). Vì chỉ xuất hiện duy nhất một lần tại đây nên chúng ta không biết rõ ý nghĩa chính xác, nghĩa gần giống cũng như những thành ngữ.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 3:13-18

¹³ Trong anh em có người nào khôn ngoan thông sáng chẳng: Hãy lấy cách ăn ở tốt của mình mà bày tỏ việc mình làm bởi khôn ngoan nhu mì mà ra. ¹⁴ Nhưng nếu anh em có sự ghen tương cay đắng và sự tranh cạnh trong lòng mình, thì chớ khoe mình và nói dối nghịch cùng lẽ thật. ¹⁵ Sự khôn ngoan đó không phải từ trên mà xuống đâu; trái lại, nó thuộc về đất, về xác thịt và về ma quỷ. ¹⁶ Vì ở đâu có những điều ghen tương tranh cạnh ấy, thì ở đó có sự lộn lạo và đủ mọi thứ ác. ¹⁷ Nhưng sự khôn ngoan từ trên mà xuống thì trước hết là thanh sạch, sau lại hòa thuận, tiết độ, nhu mì, đầy đầy lòng thương xót và bông trái lành, không có sự hai lòng và giả hình. ¹⁸ Và bông trái của điều công bình thì gieo trong sự hòa bình, cho những kẻ nào làm sự hòa bình vậy.

3:13 “người nào” Điều này dường như ám chỉ rằng Gia-cơ đang tiếp tục sự phê bình mạnh mẽ đã có từ chương 1.

▣ **“khôn ngoan thông sáng”** Trong Cựu Ước, điều này đề cập đến người giáo sư có thể áp dụng lẽ thật của Đức Chúa Trời vào trong đời sống hằng ngày. Nó có thể đề cập đến giáo sư hay là người chép kinh. “Khôn ngoan” và “hiểu biết” (1) có thể là từ đồng nghĩa (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 1:13,15; 4:6 của bản LXX) hay (2) có thể cho thấy sự phân biệt giữa sự khôn ngoan thực tiễn và kiến thức hiểu biết trong tiếng Hê-bơ-rơ. Cần nhớ rằng các tín hữu được khuyến khích cầu xin Đức Chúa Trời ban cho sự khôn ngoan (xem 1:5). Ân tứ “giáo sư” bao gồm sự ban cho, cách sống và thái độ thích hợp.

▣ **“Hãy lấy...mà bày tỏ”** Đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE); nó là chủ đề của phân đoạn 2:14-26.

▣ **“cách ăn ở tốt của mình”** bản Kinh Thánh King James dịch là “sự giao tiếp tốt đẹp,” mà trong khoảng năm 1611 sau Chúa có nghĩa là “cách sống.” Đây là một ví dụ điển hình cho lý do tại sao các bản dịch Kinh Thánh Anh ngữ cần phải được liên tục cập nhật: bởi vì sự thay đổi ý nghĩa và nghĩa tương tự của các chữ. Bản NKJV dịch là “hạnh kiểm tốt.”

▣ **“nhu mì”** Chi tiết này có nghĩa là sức mạnh của gia súc được chế ngự. Đây là một đức tính tốt của riêng Cơ-Độc Nhân. Kiểu mẫu của đức tính này là đời sống của Đấng Christ (xem Ma-thi-ơ 11:29; II Cô-rinh-tô 10:1; Phi-líp 2:8). Nó được khuyến khích phải có trong đời sống của mọi tín hữu (xem Ma-thi-ơ

5:5; Ga-la-ti 5:23; Ê-phê-sô 4:2). Dịu dàng hay nhu mì là một phẩm chất minh định sự khôn sáng đến từ Đức Chúa Trời.

▣ **“khôn ngoan”** Nghĩa đen đầy đủ của cụm từ này là “nhu mì trong sự khôn ngoan.” Đây là nghịch lý kỳ lạ đối với nhân loại sa ngã! Người dạy dỗ phải sống và dạy cách khiêm nhường.

3:14 “nếu” Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) giả định là đúng. Các câu 14-16 mô tả sự khôn ngoan sai lạc. Câu này thừa nhận sự hiện hữu của các giáo sư không đủ phẩm cách. Tà giáo thường là do các tín hữu thật tạo nên khi (1) nhấn mạnh một lẽ thật mà loại bỏ các chân lý Kinh Thánh khác (2) tự xưng có sự hiểu biết đặc biệt hay là có quyền năng thiêng liêng.

▣
NASB “ghen tương cay đắng”
NKJV, NRSV “ghen tỵ cay độc”
TEV “ghen tỵ, cay đắng”
NJB “sự cay đắng của lòng ghen tỵ”

Điều này cũng được kể vào số các tội trong II Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:20; và Ê-phê-sô 4:31. Cái “tôi” ích kỷ phải bị loại ra khỏi con dân của Đức Chúa Trời, đặc biệt là với các giáo sư.

▣ **“tranh cạnh”** trong nguyên thủy chữ này có nghĩa là “dệt thuê cho người khác, thêu dệt ra câu chuyện” nhưng sau đó nó được dùng theo ý ẩn dụ để chỉ những tham vọng chính trị, gây hấn (xem Phi-líp 1:17). Chữ này đề cập đến tham vọng tự cao ích kỷ theo kiểu “phải theo ý tôi hoặc là không làm gì cả” của những người lãnh đạo.

▣ **“trong lòng mình”** Đây là địa vị của nhân cách hoặc là tri thức. Xem chủ đề đặc biệt trong 1:26.

▣ **“thì chớ khoe mình và nói đối nghịch cùng lẽ thật”** Đây là hai MỆNH LỆNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) IMPERATIVE) với ĐỘNG TÍNH TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE), có nghĩa là dừng lại một hành động đang tiến hành. Việc làm của những giáo sư và người lãnh đạo gây tác động lớn hơn là lời họ nói (xem Ma-thi-ơ 7:1-23. Gia-cơ đoạn 2 tập trung vào Ma-thi-ơ 7:24-27).

3:15 “từ trên” Cách nói quanh co này là phương cách của các học giả Do Thái Giáo đề cập đến Đức Giê-hô-va. Những giáo sư này đã từng một mực khẳng khẳng xưng nhận có kiến thức và sự hiểu biết linh thiêng. Xem chú thích đầy đủ trong 1:17b.

▣ **“thuộc về đất”** Đây là sự đối lập với “trời, từ trời”.

▣
NASB “thuộc tự nhiên”
NKJV “thuộc nhục dục”
NRSV, TEV “không thiêng liêng”
NJB “từ con người”

Chữ này xuất phát từ gốc Hy Lạp *psuche* (thể hiện chữ *nephesh* trong tiếng Do thái), chỉ phần mà con người có chung với các sinh vật khác. Điều này có ý nếu tự nhiên trái ngược với sự siêu nhiên như thế nào thì những thứ thuộc về đời này khác với những điều đến từ trời như vậy. Ý này có lẽ ám chỉ đến (1) ý hướng tội lỗi (*yetzer hara*) trong bản chất con người hay là (2) người nhận xét cuộc đời chỉ theo năm giác quan. Do đó nó ngược lại với tâm linh.

▣ **“về ma quỷ”** Điểm này liên hệ đến khái niệm siêu nhiên nhưng không phải từ Đức Chúa Trời (xem I Ti-mô-thê 4:1; Ê-phê-sô 6:12; Cô-lô-se 1:16). Sự khôn sáng đến từ tà linh sẽ chỉ dẫn đến sự lộn xộn và

hành động gian ác (câu 16). Tuy nhiên, văn mạch có thể ám chỉ rằng các giáo sư này không chỉ lệch lạc về giáo lý nhưng còn sai bậy về đạo đức và động cơ hành động. Những ma quỷ được đề cập trong 2:14 có nhận thức đúng về giáo lý, nhưng điều đó không có thay đổi gì đến việc làm của chúng. Tà giáo không chỉ phá hoại giáo lý chính thống, nhưng luôn cả những hành động đúng đắn, phải lẽ. Xem chủ đề đặc biệt trong 2:19.

3:17 “thanh sạch” Chữ *hagnos* trong tiếng Hy Lạp có chung gốc với chữ “thánh khiết” (*hagios*). Chữ này ám chỉ rằng ý nghĩa hoàn toàn thoát khỏi sự ô uế về đạo đức (xem 4:8). Các câu 17-18 là danh sách những đặc tính của sự khôn ngoan tin kính trong khi đó các câu 14-16 mô tả sự khôn ngoan không tin kính. Sự khôn ngoan thật được biết qua những việc làm của nó. Phao-lô định nghĩa về sự khôn ngoan thật và sự khôn ngoan giả trong I Cô-rinh-tô 1:18-3:23.

▣ **“hòa thuận”** Đây là dịch từ chữ Hy Lạp *eirēnē*. Chữ này được dùng trong bản Septuagint để chuyển ngữ chữ *shalom* trong tiếng Do Thái. Trong Cựu Ước, “bình an” thường liên hệ với (1) sự đình chiến chấm dứt thù địch cùng với thúc đẩy sự hòa hợp (2). Có được mạnh khỏe, thịnh vượng và trọn lành theo ý nghĩa sự cai trị của Đấng Mết-si-a và sự cứu rỗi trong kỳ tận thế (xem Rô-ma 15:13). Dạng của chữ được dùng tại đây cũng xuất hiện trong Hê-bơ-rơ 12:11.

▣ **“nhu mì”** Chữ *epiekēs* có nghĩa là “sự thích ứng dễ chịu” hay là “kiên nhẫn chịu đựng.” Chữ này thể hiện ý không áp đặt những quyền hạn hay là ý muốn cá nhân mà lại không lắng nghe hay là tôn trọng người khác trước (xem Phi-líp 4:5; I Ti-mô-thê 3:3; Tít 3:2; I Phi-e-rơ 2:18).

▣ **“tiết độ”** Từ này có thể đi đôi với chữ “nhu mì.” Nó bày tỏ sự sẵn sàng lắng nghe và đáp ứng cách thích hợp, không ích kỷ hay chú trọng cái “tôi”.

▣ **“đầy đầy lòng thương xót”** Điều này không chỉ đề cập đến cảm xúc mà thôi nhưng còn nhắc đến hành động. Tình thương và sự thương xót theo Kinh Thánh dẫn đến hành động yêu thương và phục vụ, chứ không phải loại cảm xúc thông thường. Chữ này liên kết với chữ tiếp theo và cả hai nói đến sự chăm sóc cho người nghèo, người túng thiếu và bị xa lánh trong 2:15-16. Sự khôn ngoan mà không có việc làm thì chết!

▣ **“bông trái lành”** Chữ này liên kết với chữ “đầy đầy lòng thương xót.” Đây là quan tâm và chăm sóc những ai đang thiếu thốn. Trong Phi-líp 1:9-11, chữ này liên kết với tình thương, sự hiểu biết và nhận thức sáng suốt.

▣
NASB “không có sự hai lòng và giả hình”
NKJV “không thiên vị”
NRSV, NJB “không chút thiên vị”
TEV “tránh khỏi định kiến”

Cụm từ này ám chỉ rằng không còn định kiến hay là thái độ “nước đôi”, ý này có thể liên hệ với 2:4 hay ngay cả 1:6. Đây là một thuật ngữ từ sân khấu để chỉ người không bao giờ đóng vai tuồng vì tư lợi. Nó nói lên sự chân thành minh bạch (xem Rô-ma 12:9; II Cô-rinh-tô 6:6; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 1:5; I Phi-e-rơ 1:22). Hai chữ cuối trong danh sách liệt kê này hợp lại thành một đôi giống như hai chữ trước đó.

3:18 “bông trái của điều công bình” Lưu ý đây không phải là kết quả của sự khôn ngoan; khôn ngoan mà không kèm theo công chính thì không còn là khôn ngoan. Sự công chính của Đức Chúa Trời dẫn đến kết quả là sự công chính trong con cái Ngài. Trọn cả con người đều bị ảnh hưởng và đổi hướng: trí óc với giáo lý, trái tim với ý chí và đôi tay với cách sống mới.

▣ **“thì gieo”** Đây là CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE INDICATIVE). Điểm nhấn mạnh là sự ban cho, chứ không phải sự thu góp. Mọi người trong chúng ta đều đang gieo giống, nhưng câu hỏi đặt ra là chúng ta đang gieo thứ gì?

▣ **“trong sự hòa bình, cho những kẻ nào làm sự hòa bình”** Phân đoạn này có thể nhắc đến Ê-sai 32:17. Rõ ràng là ý văn câu 18 đối lập với câu 16.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Làm thế nào để chúng ta thật sự biết ai là người thật sự đại diện cho Chúa để phán dạy?
2. Mô tả sự khôn ngoan thật. Mô tả sự khôn ngoan giả dối.
3. Ga-la-ti 5 và Gia-cơ 3:13-18 liên hệ với nhau như thế nào?
4. Chương 3 liên hệ với chương 2 như thế nào?

GIA-CƠ ĐOẠN 4

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Làm bạn với thế gian	Sự kiêu ngạo gây ra xung đột	Giống Chúa và giống thế gian đối nghịch nhau (4:1-5:6)	Làm bạn với thế gian	Sự chia rẽ giữa các Cơ Đốc Nhân
4:1-10	4:1-6 Khiêm nhường chữa khỏi tinh thần thế gian 4:7-10	4:1-10	4:1-6 4:7-10	4:1-3 4:4-10
Đoán xét anh em	Chớ đoán xét anh em		Cảnh cáo về việc đoán xét lẫn nhau	
4:11-12	4:11-12	4:11-12	4:11-12	4:11 4:12
Cảnh cáo về sự khoe khoang	Chớ khoe khoang về ngày mai		Cảnh cáo về sự khoe khoang	Lời cảnh tỉnh cho kẻ giàu và người tự tin vào chính mình (4:13-5:6)
4:13-17	4:13-17	4:13-5:6	4:13-16 4:17	4:13-5:6

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

13. Phân đoạn 1

14. Phân đoạn 2

15. Phân đoạn 3

16. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH GIA-CƠ 4:1-10

- A. Thể loại chỉ trích (một thủ thuật văn chương sử dụng người chống đối giả định để trình bày ý của tác giả) từ những phân đoạn trước đây lại tiếp tục trong Gia-cơ 4:1-10 mở đầu với hai câu hỏi loại hùng biện trong câu 1.
- B. Chương này đề cập đến những tranh chiến của các Cơ-Đốc Nhân với bản tánh sa ngã của họ, những tranh chiến tâm linh này càng “ác liệt” hơn do ảnh hưởng của sự khôn ngoan đời này trong Hội thánh. Điểm này có thể liên hệ đến sự đối đầu giữa những lãnh đạo (giáo sư) trong Hội thánh được đề cập trong chương 3 và những việc làm của họ ảnh hưởng đến mọi thành viên Hội Thánh.
- C. Phân đoạn này phản ánh sự tranh chiến liên tục của các Cơ-Đốc Nhân với bản tánh sa ngã của họ. Các Cơ-Đốc Nhân được nhắc đến với những tên như “kẻ ngoại tình,” “những tội nhân,” và “hai lòng.” Có ba kẻ thù của nhân loại được kể ra trong phân đoạn này:
1. Bản tánh sa ngã (câu 1,2, và có lẽ cả câu 5)
 2. Lề lối trần gian (câu 4)
 3. Ma quỷ (câu 7)
- Ba kẻ thù này cũng xuất hiện trong Ê-phê-sô 2:2-3 (xem quyển *Christian Doctrine*, của W. T. Conner, trang 248-249).
- D. Tài liệu Giải nghĩa Kinh Thánh của Jerome lập dàn ý các câu này như sau: (1) nguồn gốc gây ra tranh cạnh (câu 1-6) và (2) các phương pháp giải quyết (câu 7-10) (trang 374). Đây là một cách lập dàn ý hợp lý cho phân đoạn này. Nó liên hệ với ý sử dụng cái lưới (lời nói) trái lẽ trong chương 3.
- E. Câu 5 rất tối nghĩa bởi vì:
1. Lời văn nguyên ngữ không rõ nghĩa
 - a. Dạng NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của chữ *katōkisev*, có nghĩa là Đức Chúa Trời đã khiến Thánh Linh của Ngài ở trong các tín hữu (theo bản chép tay MSS P⁷⁴, α, A, B).
 - b. Dạng TỰ ĐỘNG TỬ (INTRANSITIVE) thì chữ *katōkēsev*, có nghĩa là Đức Thánh Linh ngự trong các tín hữu (theo bản chép tay MSS K, L, P).
 2. Dấu câu không rõ ràng
 - a. Nếu chỉ có một câu hỏi thì câu hỏi đó dẫn đến một trích dẫn không rõ nguồn gốc (có thể là từ một tác phẩm thuộc thể loại văn chương tận thế của Do Thái Giáo); các bản Kinh Thánh NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB, NAB trình bày theo hình thức này.
 - b. Nếu là hai câu hỏi thì đưa đến trích dẫn trong Cựu Ước (Châm-ngôn 3:34 trong bản Septuagint) được chuyển ngữ trong câu 6 theo như các bản dịch ASV, Moffatt và Phillips.
 3. Không rõ ý nghĩa của cụm từ “tham muốn ghen tương”
 - a. Nếu hiểu theo nghĩa Đức Chúa Trời mong mỏi cho Thánh Linh của Ngài hướng dẫn đời sống của các tín hữu (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:24; 6:14-15), thì cụm từ này có ẩn ý tích cực và các chữ trong nguyên bản phải là “ghen tương” cùng với chữ “Linh” viết hoa chỉ Đức Thánh Linh.
 - b. Nếu hiểu theo nghĩa bản tánh sa ngã của con người thêm muốn nhục dục trần gian (xem Rô-ma 8:1-8), thì cụm từ này có ẩn ý tiêu cực và các chữ trong nguyên bản phải là “ghen tỵ” cùng với chữ “linh” viết thường.
 4. Câu này có thể diễn ý
 - a. Tình thương của Đức Chúa Trời mong muốn các tín hữu hoàn toàn trung thành với Ngài.
 - b. Con người hoàn toàn bại hoại (câu 5), nhưng ân điển của Đức Chúa Trời vượt trội hơn (câu 6) (xem bản dịch TEV).

- F. Trong các câu 7-10, có một loạt mười MỆNH LỆNH THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST IMPERATIVE) cho thấy đây là những mạng lệnh khẩn cấp. Cấu trúc gọi nhắc đến các giáo sư thuộc nhóm khôn ngoan trong Cựu Ước cùng với cách nói hùng biện của những tiên tri Cựu Ước.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 4:1-10

¹ Những điều chiến đấu tranh cạnh trong anh em bởi đâu mà đến? Há chẳng phải từ tình dục anh em vẫn hay tranh chiến trong quan thể mình sao? ² Anh em tham muốn mà chẳng được chi; anh em giết người và ghen ghét mà chẳng được việc gì hết; anh em có sự tranh cạnh và chiến đấu; anh em chẳng được chi, vì không cầu xin. ³ Anh em cầu xin mà không nhận lãnh được, vì cầu xin trái lẽ, để dùng trong tư dục mình. ⁴ Hỡi bọn tà dâm kia, anh em há chẳng biết làm bạn với thế gian tức là thù nghịch với Đức Chúa Trời sao? Cho nên, ai muốn làm bạn với thế gian, thì người ấy trở nên kẻ nghịch thù cùng Đức Chúa Trời vậy. ⁵ Hay là anh em tưởng Kinh Thánh nói vô ích sao? Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời khiến ở trong lòng chúng ta, ham mến chúng ta đến nỗi ghen tương, ⁶ nhưng Ngài lại ban cho ta ơn lớn hơn nữa. Vì vậy, Thánh Kinh chép rằng: Đức Chúa Trời chống cự kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho kẻ khiêm nhường. ⁷ Vậy hãy phục Đức Chúa Trời; hãy chống trả ma quỷ, thì nó sẽ lánh xa anh em. ⁸ Hãy đến gần Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ đến gần anh em. Hỡi kẻ có tội, hãy lau tay mình, có ai hai lòng, hãy làm sạch lòng đi; ⁹ hãy cảm biết sự khốn nạn mình, hãy đau thương khóc lóc; hãy đổi cười ra khóc, đổi vui ra buồn. ¹⁰ Hãy hạ mình xuống trước mặt Chúa, thì Ngài sẽ nhắc anh em lên.

4:1 “chiến đấu tranh cạnh” Đây là những thuật ngữ quân sự với ẩn ý hơi chút khác biệt. Chữ thứ nhất (*polemos*) chỉ đến cả một chiến dịch quân sự, trong khi chữ thứ hai (*maxē*) ám chỉ một trận chiến riêng lẻ. Bản dịch NJB cố gắng kết hợp cả hai cách sử dụng này: “Những cuộc chiến và những trận đánh giữa vòng anh em bắt đầu từ đâu? Nói chính xác, không phải là những tham dục tranh cạnh trong chính anh em sao?” Cả hai chữ này được dùng tại đây và trong câu 2 theo ý ẩn dụ để chỉ những xung đột giữa vòng các Cơ-Đốc Nhân (xem II Cô-rinh-tô 7:5); trong khi trong II Ti-mô-thê 2:23 và Tít 3:9 hai chữ này ám chỉ chống đối lại với hội thánh.

▣ **“tình dục”** Cùng chữ này được lặp lại trong câu 3. Từ chữ Hy Lạp này, chúng ta có chữ “hedonism” trong Anh ngữ có nghĩa là chủ nghĩa khoái lạc, chỉ đam mê thỏa mãn cá nhân, nhục dục, đạt được địa vị bằng mọi giá! Chữ này chỉ được dùng thêm ba lần trong Tân Ước ở Lu-ca 8:14; Tít 3:3; và II Phi-e-rơ 2:13. Nó luôn luôn bị sử dụng theo ý tiêu cực.



NASB	“tranh chiến”
NKJV, NRSV	“chiến tranh”
TEV	“liên tục chiến đấu”
NJB	“chiến đấu”

Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE PARTICIPLE) nhấn mạnh đến sự tranh chiến trong cảm xúc của những tín hữu (xem Rô-ma 7). Theo nghĩa đen, chữ này có nghĩa là “quân dịch”. Từ chữ Hy Lạp này chúng ta có chữ “strategy” trong Anh ngữ (xem I Phi-e-rơ 2:11).

▣ **“trong quan thể mình sao”** Thân thể xác thịt của chúng ta không phải là tội lỗi, hay là nguồn gốc của tội lỗi nhưng chúng là chiến trường của tội lỗi (xem Rô-ma 6:12-12). Đây là điểm khác biệt chính về bản

thể học giữa triết học Hy Lạp và Cơ Đốc Giáo. Chữ “chi thể” có thể liên quan đến thân thể của Đấng Christ, Hội thánh. Sự cảnh cáo này không rõ là (1) ở bên trong (bản tánh sa ngã); (2) bên ngoài (nan đề trong Hội thánh); hay là (3) cả hai.

4:2 Không thể biết chắc chắn về dấu chấm câu trong câu này nên không rõ có hai thể song đối được định sẵn hay là có đến ba thể song đối. Ý chính của câu là chúng ta tham muốn điều chúng ta không thể giành được vì vậy chúng ta dùng bạo lực để giành cho được, thay vì cầu hỏi Đức Chúa Trời và tin cậy nơi sự ban cho của Ngài. Tân Ước hé mở cho những độc giả hiện đại thấy được sự chia rẽ và nhiều phương diện trong Hội thánh đầu tiên. Sách Rô-ma cho thấy sự căng thẳng giữa những tín hữu Do thái và những tín hữu ngoại bang lãnh đạo Hội Thánh Rô-ma. Sách I Cô-rinh-tô trình bày tình thần bè phái trong Hội Thánh Cô-rinh-tô. Tại đây, Gia-cơ phơi bày sự tranh chiến của dục vọng bên trong và sự tranh đấu bên ngoài của chủ nghĩa phê bình và xét đoán giữa vòng những Hội thánh người Do thái trong xã hội Hy Lạp-La mã.

▣ **“tham muốn”** Chữ này có nghĩa là “tham muốn” hay là “đặt, hướng lòng mình vào một việc gì đó”. “Điều gì đó” có thể là tốt hoặc xấu. Thông thường trong Tân Ước, chữ này có ý tiêu cực. Theo văn mạch này có thể là điều tham muốn tự nó không xấu xa nhưng nó trở thành điều ác trong ý muốn của con người muốn đạt được bằng mọi cách, với mọi giá bất chấp ý muốn của Đức Chúa Trời.

▣ **“giết người”** Trong bản Tân Ước bằng tiếng Hy Lạp tái bản lần thứ hai (năm 1519 sau Chúa), Erasmus thay thế chữ Hy Lạp trong nguyên bản thành “ghen tỵ”. Hai chữ này tương tự, những danh từ có chung gốc xuất phát từ động từ “giết người” và “ghen tỵ” khiến nhầm lẫn và tạo nên những dị biệt trong I Phi-e-rơ 2:1 của các bản chép tay tiếng Hy Lạp. Giải pháp chọn chữ “giết người” cho câu 2 đã được Luther, các bản dịch hiện đại của Moffatt và Phillips cũng như bộ giải kinh New International Commentary chấp nhận. Nhưng không hề có bản chép tay thư Gia-cơ trong tiếng Hy Lạp nào để minh chứng cho cách sửa lỗi này. Chữ này có thể được dùng theo ý giống như chữ “ghét” trong Ma-thi-ơ 5:21-26 đã dùng phương pháp so sánh. Gia-cơ thường ám chỉ đến sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu trong phần Bài Giảng Trên Núi ở sách Ma-thi-ơ (xem Ma-thi-ơ 5-7).

▣ **“thèm muốn”** Chữ Hy Lạp này giống như chữ “tham muốn” là chữ trung tính về ý nghĩa (không tốt, không xấu) và có thể dùng theo nghĩa “phát cuồng” hay là “ham muốn dữ dội”.

4:2-3 “cầu xin” Từ những động cơ không giống như Đấng Christ và thiếu sự cầu nguyện thường là hai lý do khiến đời sống các Cơ-Đốc Nhân không kết quả. Thường thì chúng ta sử dụng lời cầu nguyện như là một cố gắng để đạt được ý muốn của chúng ta chứ không phải ý muốn của Đức Chúa Trời. Trong trường hợp này nếu Đức Chúa Trời nhậm những lời cầu nguyện “lấy cái tôi làm trung tâm” của chúng ta thì chúng ta chỉ chuốc lấy điều tệ hại nhất. Lời cầu nguyện là vũ khí năng quyền cho các Cơ-Đốc Nhân chiến đấu với ma quỷ (xem Ê-phê-sô 6:18-19). Tôi tin rằng Đức Chúa Trời uy quyền tuyệt đối tự hạ mình xuống để nhậm những lời cầu nguyện phải lẽ của con cái Ngài. Hãy tin, lời cầu nguyện giống như Đấng Christ lay động Đức Chúa Trời, tác động đến chúng ta và hoàn cảnh xung quanh. Cơ Đốc Nhân mà không cầu nguyện thật là bi thảm! Nhưng tách những lời hứa của Đức Chúa Trời ra khỏi văn mạch trong Kinh Thánh thì cũng trở nên bi thảm như vậy (xem Ma-thi-ơ 7:7-11).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI CẦU NGUYỆN KHÔNG GIỚI HẠN NHƯNG VẪN GIỚI HẠN

A. Các sách Phúc Âm Cộng Quan

1. Những tín hữu được khuyến khích bền đỗ trong sự cầu nguyện và Đức Chúa Trời sẽ ban “những điều tốt lành” (Ma-thi-ơ 7:7-11) hay ban cho “Đức Thánh Linh” (Lu-ca 11:5-13)
2. Theo điều lệ của giáo hội, các tín hữu được khuyến phải hiệp một trong lời cầu nguyện (Ma-

thi-ơ 18:19)

3. Theo nhận xét của Do Thái Giáo, những người tin đạo phải cầu xin trong đức tin không nghi ngờ (Ma-thi-ơ 21:22; Mác 11:23-24)
4. Theo câu chuyện quan án không công bình trong Lu-ca 18:1-8 và câu chuyện về người Pha-ri-si và người có tội trong Lu-ca 18:9-14, những tín hữu được khuyến khích hành động khác hơn với vị quan không có Chúa và người Pha-ri-si tự xưng công bình. Đức Chúa Trời lắng nghe người khiêm nhường và ăn năn.

B. Những tác phẩm của Giảng

1. Trong câu chuyện người mù từ khi sinh ra được Đức Chúa Giê-xu chữa lành, sự mù lòa thật sự của những người Pha-ri-si bị phơi bày. Những lời cầu nguyện của Đức Chúa Giê-xu (cũng như mọi người) được trả lời bởi vì Ngài biết Đức Chúa Trời và sống theo ý muốn của Ngài (Giăng 9:31).
2. Sự giảng dạy trên Phòng Cao trong Phúc âm Giảng (Giăng 13-17)
 - a. 14:12-14 – lời cầu nguyện với niềm tin có đặc điểm
 - 1) Từ những tín hữu
 - 2) Cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu
 - 3) Với mong ước tôn vinh Đức Chúa Cha
 - 4) Giữ theo những mạng lệnh (câu 15)
 - b. 15:7-10 – lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Cứ ở trong Đức Chúa Giê-xu
 - 2) Lời của Ngài ở trong họ
 - 3) Mong muốn Đức Chúa Cha được tôn cao
 - 4) Sinh kết quả
 - 5) Vâng giữ theo mạng lệnh (câu 10)
 - c. 15:15-17 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Được tuyển chọn
 - 2) Sinh kết quả
 - 3) Cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu
 - 4) Giữ mạng lệnh yêu người khác
 - d. 16:23-24 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu
 - 2) Mong ước sự vui mừng được trọn vẹn
3. Lá thư đầu tiên của Giảng (I Giăng)
 - a. 3:22-24 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Giữ mạng lệnh của Ngài (câu 22,24)
 - 2) Sống xứng đáng
 - 3) Tin Đức Chúa Giê-xu
 - 4) Yêu thương người khác
 - 5) Ở trong Ngài và Ngài ở trong chúng ta
 - 6) Nhận lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh
 - b. 5:14-16 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Tin cậy nơi Đức Chúa Trời
 - 2) Theo ý muốn của Ngài
 - 3) Những tín hữu cầu thay lẫn nhau

C. Gia-cơ

1. 1:5-7 – Những tín hữu đối diện với những thử thách khác nhau được khuyến mời cầu xin sự khôn ngoan không nghi ngờ
2. 4:2-3 – Những tín hữu cần phải cầu xin với những động cơ phải lẽ

3. 5:13-18 – Những tín hữu gặp những nan đề về sức khỏe được khuyên
 - a. Nhờ trưởng lão cầu thay
 - b. Cầu xin trong đức tin sẽ được cứu
 - c. Cầu xin tội lỗi được tha thứ
 - d. Xưng tội với nhau và cầu nguyện cho nhau (tương tự như I Giăng 5:16)

Điểm chính yếu của lời cầu nguyện linh nghiệm là giống như Đấng Christ. Đây chính là ý nghĩa cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu. Nếu Đức Chúa Trời nhậm những lời cầu xin ích kỷ của Cơ Đốc Nhân tức là Ngài đưa đến điều tệ hại nhất cho họ! Trong một ý nghĩa nào đó, mọi lời cầu nguyện đều được nhậm. Khía cạnh quan trọng nhất của sự cầu nguyện là người tín hữu hết lòng tin cậy vào Đức Chúa Trời và dành nhiều thời giờ ở riêng với Ngài.

4:4 “bọn tà dâm” Chữ này ở giống cái. Nó có thể ám chỉ đến (1) tội ngoại tình theo nghĩa đen, (2) nhưng nó cũng có thể là ẩn dụ Cự Uớc chỉ sự ngoại tình tâm linh (xem ví dụ trong Ê-sai 54:5; Giê-rê-mi 3:20; Ô-sê 9:1; Ma-thi-ơ 12:39; 16:4). Bản KJV thêm cụm từ “và những kẻ ngoại tình (giống đực)” bởi vì các người dịch hiểu chữ này theo nghĩa đen, sự bổ sung này không có trong trong các bản chép tay viết chữ hoa cổ xưa nhất như (Ⲱ, A, B), bản Vulgate (tiếng Latin), bản Peshitta (tiếng Sy-ri), hay bản Coptic (tiếng Ai-cập); nhưng nó xuất hiện trong bản đã chỉnh sửa của Sinaiticus (Ⲱ^c) và trong nhiều bản chép tay tiếng Hy Lạp sau đó (đa số loại viết chữ thường).

▣ **“làm bạn với thế gian”** Chữ “thế gian” thường được dùng theo ý ẩn dụ chỉ “tổ chức, điều hành của xã hội con người tách biệt khỏi Đức Chúa Trời” (xem 1:27; 3:6; Ma-thi-ơ 6:24; Giăng 15:19; I Giăng 2:15-17). Ngay cả lời cầu nguyện của các Cơ-Đốc Nhân cũng có thể bày tỏ những thái độ và đặc điểm thuộc “trần gian”.

4:5 Câu 5 rất tối nghĩa bởi vì:

1. Lời văn nguyên ngữ không rõ nghĩa
 - a. Dạng NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của chữ *katōkisev*, có nghĩa là Đức Chúa Trời đã khiến Thánh Linh của Ngài ở trong các tín hữu (theo bản chép tay MSS P⁷⁴, Ⲱ, A, B).
 - b. Dạng TỰ ĐỘNG TỪ (INTRANSITIVE) thì chữ *katōkēsev*, có nghĩa là Đức Thánh Linh ngự trong các tín hữu (theo bản chép tay MSS K, L, P).
2. Dấu câu không rõ ràng
 - a. Nếu chỉ có một câu hỏi thì câu hỏi đó dẫn đến một trích dẫn không rõ nguồn gốc (có thể là từ một tác phẩm thuộc thể loại văn chương tận thế của Do Thái Giáo); các bản Kinh Thánh NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB, NAB trình bày theo hình thức này.
 - b. Nếu là hai câu hỏi thì đưa đến trích dẫn trong Cự Uớc (Châm-ngôn 3:34 trong bản Septuagint) được chuyển ngữ trong câu 6 theo như các bản dịch ASV, Moffatt và Phillips.
3. Không rõ ý nghĩa của cụm từ “tham muốn ghen tương”
 - a. Nếu hiểu theo nghĩa Đức Chúa Trời mong mỏi cho Thánh Linh của Ngài hướng dẫn đời sống của các tín hữu (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:24; 6:14-15), thì cụm từ này có ẩn ý tích cực và các chữ trong nguyên bản phải là “ghen tương” cùng với chữ “Linh” viết hoa chỉ Đức Thánh Linh.
 - b. Nếu hiểu theo nghĩa bản tánh sa ngã của con người thêm muốn nhục dục trần gian (xem Rô-ma 8:1-8), thì cụm từ này có ẩn ý tiêu cực và các chữ trong nguyên bản phải là “ghen tỵ” cùng với chữ “linh” viết thường.
4. Câu này có thể diễn ý
 - a. Tình thương của Đức Chúa Trời mong muốn các tín hữu hoàn toàn trung thành với Ngài.
 - b. Con người hoàn toàn bại hoại (câu 5), nhưng ân điển của Đức Chúa Trời vượt trội hơn (câu 6) (xem bản dịch TEV).

4:6 “nhưng Ngài lại ban cho ta ơn lớn hơn nữa” Nan đề tội lỗi của con người dường như bị giảng giải theo nghĩa tiêu cực trong câu 5, thì Đức Chúa Trời càng ban thêm ân điển (xem Rô-ma 5:20-21).

▣ **“Đức Chúa Trời chống cự kẻ kiêu ngạo”** Đây là trích dẫn từ Châm-ngôn 3:34 trong bản Septuagint (xem I Phi-e-rơ 5:5-6). Giới tuyến của chiến trường thuộc linh đã được xác định. Chữ “kiêu ngạo” đến từ hai chữ Hy Lạp: “tự phô bày mình ra” và “từ trên cao”. Điều này đề cập đến những giáo sư “kiêu căng, ngạo mạn” trong 3:14-16.

▣ **“nhưng ban ơn cho kẻ khiêm nhường”** Cụm từ này ám chỉ những giáo sư có sự khôn ngoan tin kính trong 3:17-18. Nó cũng là một nguyên tắc đạo đức căn bản.

4:7 “Vâng hãy phục Đức Chúa Trời” Đây là MỆNH LỆNH THU ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE IMPERATIVE). Đây là một thuật ngữ quân sự có nghĩa “đặt mình dưới thẩm quyền” (xem Ê-phê-sô 5:21; I Phi-e-rơ 2:13). Lưu ý cặp đôi: vâng phục với Đức Chúa Trời và chống cự với ma quỷ. Dạng động từ đầu tiên, MỆNH LỆNH THU ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE IMPERATIVE) ám chỉ rằng những tín hữu cần phải chấp nhận để Đức Chúa Trời khiến họ có thể thuận phục theo ý Ngài một cách hoàn toàn. {Chỗ này tôi (tác giả) thấy cần phải nhắc lại: Trong tiếng Hy Lạp Koine, dạng THU ĐỘNG (PASSIVE VOICE) thay thế cho dạng TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE). Văn mạch tại đây cũng như tại 4:10 và 5:19 có thể giải thích bởi sự chuyển đổi ngữ pháp này}. Dạng động từ thứ hai (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) ám chỉ rằng người tín hữu cần phải kết hợp việc Đức Chúa Trời thực hiện với thái độ tích cực hưởng ứng: đó là cách chống cự ma quỷ toàn diện!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẦU PHỤC (HYPOTASSO)

Bản LXX dùng chữ này để dịch 10 chữ Hê-bơ-rơ khác nhau. Nghĩa căn bản trong Cựu ước là “ra lệnh” hay là “quyền ra lệnh.” Điều này được thấy trong bản LXX.

1. Đức Chúa Trời ra lệnh (Lê-vi-ký 10:1; Giô-na 2:1; 4:6-8)
2. Môi-se ra lệnh (Xuất Ê-díp-tô ký 36:6; Phục truyền 27:1)
3. Các vua ra lệnh (II Sử ký 31:13)

Trong Tân ước ý nghĩa này cũng được duy trì trong Công-vụ 10:48, nói đến các sứ đồ truyền lệnh. Tuy nhiên, một số ý nghĩa mới cũng được phát triển trong Tân ước.

1. Khía cạnh tình nguyện được phát triển (thường ở thể TRUNG CÁCH)
2. Hành động tự giới hạn mình được thấy trong Chúa Giê-xu khi Ngài đầu phục Đức Chúa Cha (Lu-ca 2:51)
3. Người tin Chúa thuận theo những khía cạnh văn hóa để Phúc âm khỏi bị phản tác dụng
 - a. Toàn thể người tin Chúa (Ê-phê-sô 5:21)
 - b. Những người vợ tin Chúa (Cô-lô-se 3:18; Ê-phê-sô 5:22-24; Tít 2:5; I Phi-e-rơ 3:1)
 - c. Người tin Chúa đối với chính quyền người ngoại (Rô-ma 13:1-7; I Phi-e-rơ 2:13)

Người tin Chúa hành động bởi động cơ yêu thương, đối với Đức Chúa Trời, với Đấng Christ, vì nước Đức Chúa Trời, vì sự tốt lành của người khác.

Giống như chữ *agapao* Hội thánh làm cho từ ngữ này mang một ý nghĩa mới dựa vào nhu cầu của vương quốc Đức Chúa Trời và nhu cầu của người khác. Chữ này khoác lên một vẻ cao trọng mới của sự không ích kỷ, không dựa vào mạng lệnh, nhưng dựa vào một mối liên hệ mới với một Đức Chúa Trời đã ban cho chính Ngài và Đấng Mết-si-a. Người tin Chúa vâng lời và đầu phục vì lợi ích của toàn thể và vì ơn phước cho cả gia đình Đức Chúa Trời.

▣ **“chống trả ma quỷ”** Đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE). Cụm từ này có nghĩa đen là “nổi lên chống lại” (xem Ê-phê-sô 6:13; I Phi-e-rơ 5:9).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC

Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

1. Kinh thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tở của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.
2. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.
3. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khai thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiện cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiện cáo là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi-thiên 109:6)
2. Những kẻ kiện cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)
3. Những kẻ kiện cáo là ma quỷ (I Sứ ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Sa-tan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (*Sot* 9b và *Sanh.* 29a). Các “con trai của Đức Chúa Trời” trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-mốt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẩn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh

giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lờ mờ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763]) và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Mô-i-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thể (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đẩy xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20). Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự cám dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ!

▣ **“nó sẽ lánh xa anh em”** Sa-tan sẽ bỏ chạy trước sự hỗ trợ của Đức Chúa Trời (xem Ê-phê-sô 6:11-18) và đức tin của chúng ta nơi Ngài, nhưng nó sẽ chỉ bỏ chạy trong một thời gian (xem Lu-ca 4:13).

4:8 “Hãy đến gần Đức Chúa Trời” Đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE). Câu này thể hiện những điều luật Cựu Ước chỉ dành cho những thầy tế lễ, nhưng hiện nay áp dụng cho tất cả mọi người (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:22). Danh hiệu chung cho các thầy tế lễ Lê-vi trong Cựu Ước giờ đây được chuyển sang cho mọi thánh đồ trong thời Tân Ước (xem I Phi-e-rơ 2:5,9; Khải-huyền 1:6). Phải lưu ý điều kiện hỗ tương trong giao ước—những tín hữu đến gần với Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời đến gần họ (xem II Sử ký 15:2; Xa-cha-ri 1:3; Ma-la-chi 3:7).

▣ **“thì Ngài sẽ đến gần anh em”** Đây không phải là nhấn mạnh về sự công chính bởi việc làm, nhưng là lời hứa rằng Đức Chúa Trời đáp ứng lại đức tin (xem Thi-thiên 145:18).

▣ **“Hỡi kẻ có tội, hãy lau tay mình”** Đây lại là một THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) nữa (xem Thi-thiên 24:3-6; Ê-sai 1:16). Lưu ý rằng Gia-cơ gọi những tín hữu là “những tội nhân”! Điều này còn liên hệ đến nghi thức thanh tẩy trong sự thờ phượng của những thầy tế lễ trong Cựu Ước (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:17-21; Ê-xê-chi-ên 44:15). Cụm từ này trở thành một thành ngữ Cựu Ước chỉ sự xoay khỏi và từ bỏ tội lỗi (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 21:1-9; Thi-thiên 24:4; 26:6). “Bàn tay” trở thành sự bày tỏ của “tâm lòng”. Chúng ta trở nên theo như điều chúng ta suy nghĩ, hay điều chúng ta cư xử trong tâm trí. Những tín hữu cần phải có những tâm lòng, những đôi tay thanh sạch, cũng như một cam kết dứt khoát với Đức Chúa Trời (đây là sự đối nghịch hoàn toàn với người lưỡng lự, hai lòng, xem 1:8; 4:5). Có bài viết hay về đề tài “Rửa tay” trong *Dictionary of Biblical Imagery*, trang 362-3.

▣ **“hãy làm sạch lòng”** Đây lại là một THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) khác. Đây không chỉ là nghi lễ tẩy rửa bên ngoài nhưng còn là sự thanh tẩy tâm linh bên trong (xem Giê-rê-mi 4:14; I Phi-e-rơ 1:22; I Giăng 3:3). Giao ước thì có điều kiện. Xem chủ đề đặc biệt: Tầm lòng trong 1:26.

▣ **“ai hai lòng”** Đây cũng là chữ dành để mô tả những tín hữu có lời cầu nguyện không được nhậm trong 1:5-8. Tại đây, một lần nữa nó dùng để chỉ những tín hữu. Gia-cơ rõ ràng quả quyết những động cơ và cách sống của những tín hữu này tạo nên sự khác biệt hoàn toàn với cách của một người trải nghiệm nếp sống Cơ-Đốc. Bình an, yên ổn, vui mừng và kết quả không phải tự động đến.

4:9 “hãy cảm biết sự khốn nạn mình, hãy đau thương khóc lóc; hãy đổi cười ra khóc, đổi vui ra buồn” Đây là một chuỗi bốn MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST IMPERATIVE) ba mệnh lệnh đầu có dạng CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE) và mệnh lệnh thứ tư có dạng THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE). Những mệnh lệnh này đều cùng ám chỉ đến nhu cầu cần phải than khóc về tội lỗi giống như trong Ma-thi-ơ 5:3-9. Đây là cách thức trong tiếng Do thái đề cập đến cách sống và thái độ ăn năn. Sự đau buồn này cần phải được quân bình với niềm vui trong 1:2 và 5:13. Trong Cơ Đốc Giáo có cả hai điều này!

4:10 “Hãy hạ mình xuống” Đây là dạng MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE IMPERATIVE) nhưng được dùng theo ý của dạng TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE) (chú ý đặc điểm này trong các bản dịch Anh ngữ xem Gia cơ 4:6; I Phi-e-rơ 5:6). Điểm này có thể phản ánh sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 23:12; Lu-ca 14:11; 18:14) hoặc có thể ám chỉ đến Ê-sai 57:15. Sự hạ mình và ăn năn của các tín hữu dẫn đến sự đáp lời của Đức Giê-hô-va theo như lời hứa trong giao ước của Ngài.



NASB **“trong sự hiện diện của Chúa”**
NKJV **“trong cái nhìn của Chúa”**
NRSV, TEV,
NJB **“trước Chúa”**

Đây là thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ chỉ (1) lễ thờ phượng (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:10); hay là (2) sự toàn tri của Chúa (xem Sáng-thế Ký 19:13; Các Quan Xét 18:6). Vì bối cảnh tại đây không phải là lễ thờ phượng nhưng là nhấn mạnh đến thái độ ăn năn nên nghĩa thứ 2 thích hợp hơn.

▣ **“Ngài sẽ nhắc anh em lên”** Đây lại là một thành ngữ khác có nghĩa (1) Đức Chúa Trời sẽ nâng đỡ tinh thần và ban cho anh em niềm vui; (2) Đức Chúa Trời sẽ nâng cao anh em giữa vòng những người ngang hàng với anh em (xem câu 11-12; Ma-thi-ơ 23:12); hay là (3) sự an toàn thuộc thể (xem Gióp 5:11; 22:29). Lưu ý, sự đặc thắng đến bởi sự ăn năn và khiêm nhường!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chương này trình bày thái độ và hành động của những tín hữu hay là của những người Do thái không tin đạo?
2. Liệt kê ba kẻ thù của nhân loại. Định nghĩa chúng (xem Ê-phê-sô 2:2-3)

- a.
- b.
- c.
3. Giải thích bằng lời của bạn về những cách hiểu khác nhau về câu 2. Đối chiếu với một vài bản dịch Anh ngữ khác nhau.
4. Đọc câu 5 trong vài bản dịch Anh ngữ khác nhau và ghi chú những điểm khác biệt.
5. Theo các câu 7-10, Gia-cơ muốn điều gì từ chúng ta?

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH GIA-CƠ 4:11-17

- A. Gia-cơ 4:11-12 dường như tạo nên kết luận về việc sử dụng cái lưỡi cách trái lẽ. Chủ đề này được giới thiệu từ 1:19, nhưng được phát triển từ 3:1ff.
- B. Gia-cơ 4:17 cũng là một dạng lời kết nhưng không rõ điểm liên quan cụ thể với văn mạch. A. T. Robertson nói rằng, câu này là câu kết luận của cả bức thư.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 4:11-12

¹¹ Hỡi anh em, chớ nói hành nhau. Ai nói hành anh em mình hoặc xét đoán anh em mình, tức là nói xấu luật pháp, và xét đoán luật pháp. Vả, nếu người xét đoán luật pháp, thì người chẳng phải là kẻ vâng giữ luật pháp, bèn là người xét đoán luật pháp vậy. ¹² Chỉ có một Đấng lập ra luật pháp và một Đấng xét đoán, tức là Đấng cứu được và diệt được. Nhưng người là ai, mà dám xét đoán kẻ lân cận mình?

4:11 “chớ nói hành nhau” Đây là MỆNH LỆNH HIỆN TẠI (PRESENT IMPERATIVE) với ĐỘNG TÍNH TỪ THU ĐỘNG (NEGATIVE PARTICLE), thường có nghĩa là dừng lại một hành động đang tiến hành. Bản dịch Tyndale chuyển ngữ là “nói lên, nói xấu sau lưng người khác” có thể do trong Thi-thiên 50:20 của bản LXX cũng dùng chữ này theo nghĩa trên. Hội thánh đã và đang vi phạm điều này (xem 5:9; II Cô-rinh-tô 12:20; I Phi-e-rơ 2:1).

▣ “anh em ... anh em ... anh em” xem ghi chú trong 1:2 và 1:9.

▣ “xét đoán anh em mình, tức là nói xấu luật pháp, và xét đoán luật pháp” Thái độ xét đoán trong vòng các Cơ-Độc Nhân là nan đề tâm linh nghiêm trọng (xem Lê-vi Ký 19:16,17-18; Ma-thi-ơ 7:1ff; Lu-ca 6:36-38; Rô-ma 14:1-12). Chữ “luật pháp” tại đây dường như ám chỉ đến “luật yêu thương” được đề cập trong 1:25; 2:8,12.

▣ “người chẳng phải là kẻ vâng giữ luật pháp, bèn là người xét đoán luật pháp” Trong Gia-cơ 1:12, chúng ta được dạy làm người thi hành chứ không chỉ là những người nghe mà thôi. Nơi đây chúng ta được dạy làm người thi hành, chứ không phải là những người đoán xét.

4:12 “Chỉ có một Đấng lập ra luật pháp và một Đấng xét đoán” Chữ “một” được đặt trước nhất trong nguyên ngữ tiếng Hy Lạp để nhấn mạnh. Đây cũng là một dẫn chứng nữa về thuyết độc thần, giống như trong 2:19.

▣ **“Đáng cứu được và diệt được”** Cụm từ này thường được dùng để chỉ Đức Chúa Cha (xem Lu-ca 12:4-5; Ma-thi-ơ 10:28). Trong Cựu Ước, nguyên nhân của mọi sự đều được qui về cho Đức Giê-hô-va. Đây là cách thức thần học để xác nhận thuyết độc thần (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:39; I Sa-mu-ên 2:6-7; II Các Vua 5:7).

▣ **“người là ai, mà dám xét đoán kẻ lân cận mình?”** Đây là một câu nhân mạnh (xem Rô-ma 14:3-4,10,13). Phán xét, chỉ trích hay so bì khiến tôn cao một người lên đồng thời hạ thấp người khác xuống. Đây là cách dùng cái lưỡi không thích hợp. Trong câu 11, Gia-cơ gọi những độc giả của ông là “các anh em” và ông cũng gọi đối tượng bị họ chỉ trích là “các anh em”. Chi tiết này rõ ràng ám chỉ đến bối cảnh Cơ Đốc Giáo, nhưng với việc sử dụng chữ “kẻ lân cận” trong câu 12, Gia-cơ khai triển sự cảnh cáo này thành một mạng lệnh chung.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC CƠ ĐỐC NHÂN CÓ NÊN ĐOÁN XÉT LÂN NHAU?

Chủ đề này cần phải được giải quyết theo hai cách: (1) Những tín hữu được can gián không đoán xét lẫn nhau (xem Ma-thi-ơ 7:1-5; Lu-ca 6:37,42; Rô-ma 2:1-11; Gia-cơ 4:11-12), và (2) những tín hữu cũng được khuyên là phải đánh giá (nhận xét) những người lãnh đạo của họ (xem Ma-thi-ơ 7:6,15-16; I Cô-rinh-tô 14:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:21; I Ti-mô-thê 3:1-13; and I Giăng 4:1-6).

Một vài tiêu chuẩn đánh giá thích hợp, có ích lợi

1. Đánh giá cho mục đích công nhận (xem I Giăng 4:1 - “trắc nghiệm” hướng đến sự chấp thuận)
2. Sự đánh giá cần phải thực hiện trong tinh thần khiêm nhường và hòa nhã (xem Ga-la-ti 6:1)
3. Sự đánh giá không được tập trung vào những vấn đề sở thích cá nhân (xem Rô-ma 14:1-23; I Cô-rinh-tô 8:1-13; 10:23-33)
4. Sự đánh giá dùng để chọn ra những người lãnh đạo “không thể chê trách” trong vòng Hội thánh hay là cộng đồng (xem I Ti-mô-thê 3).

BẢN NASB 4:13-17

¹³ Hỡi anh em, là kẻ nói rằng: Hôm nay hoặc ngày mai, ta sẽ đi đến thành kia, ở đó một năm, buôn bán và phát tài, ¹⁴ song ngày mai sẽ ra thế nao, anh em chẳng biết! Vì sự sống của anh em là chi? Chẳng qua như hơi nước, hiện ra một lát rồi lại tan ngay. ¹⁵ Anh em phải nói trái lại: Ví bằng Chúa muốn, và ta còn sống, thì ta sẽ làm việc nọ việc kia. ¹⁶ Kìa anh em lấy những lời kiêu ngạo mà khoe mình! Phàm khoe khoang như vậy là xấu. ¹⁷ Cho nên, kẻ biết làm điều lành mà chẳng làm, thì phạm tội.

4:13 “Hỡi anh em, là kẻ nói rằng” Tại đây không biết chắc là đang đề cập đến nhóm đối tượng nhận thư nào: (1) những người Do thái không tin đạo; (2) những tín hữu người Do thái; hay là (3) tiếp tục với kiểu chỉ trích bằng cách sử dụng người đối kháng, chống đối giả định.

▣ **“Hôm nay hoặc ngày mai, ta sẽ đi đến thành kia, ở đó một năm, buôn bán và phát tài”** Câu này ám chỉ đến những kẻ khách cụ thể của những thương gia Do thái không nhìn biết Đức Chúa Trời. Đây là một ví dụ điển hình của chủ nghĩa vô thần trong hành động.

4:14 Điểm này dường như liên hệ đến Châm-ngôn 27:1. Lễ thật này còn được trình bày trong ẩn dụ của Đức Chúa Giê-xu kể về “người giàu ngu dại” trong Lu-ca 12:16-21.



NASB, NKJV “hơi nước”

NRSV, NJB “sương”
TEV “như một làn khói”

Chúng ta có chữ “atmosphere” trong Anh ngữ từ chữ Hy Lạp này (*atmis*). Sự mong manh và phù du của đời người thường được Kinh thánh ám chỉ như

1. Cái bóng (xem Gióp 8:9; 14:2; Thi-thiên 102:11; 109:23)
2. Hơi thở (xem Gióp 7:7.16)
3. Đám mây (xem Gióp 7:9; 30:15)
4. Bông hoa dại (xem Thi-thiên 103:15; Ê-sai 40:6-8; I Phi-e-rơ 1:24)
5. Hư không hay là hơi nước (xem Truyền-đạo 1:2,14; 2:1,11,15,17,19,21,23,26; 3:19; 4:4,7,8,16; 5:7,10; 6:2,4,9,22; 7:6,15; 8:10,14; 9:9; 11:8,10; 12:8).

▣ **“hiện ra một lát rồi lại tan ngay”** Có hai ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI (PRESENT PARTICIPLE) phát âm giống nhau: “hiện ra” (*phainomenē*) và “tan biến đi” (*aphanizomenē*). Công trình của con người có đó rồi lại sụp đổ; chỉ có chương trình của Đức Chúa Trời là còn lại.

4:15 “nếu” Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL) diễn tả ý tiềm ẩn hành động xảy ra với sự bất ngờ.

▣ **“Chúa muốn”** Loại cụm từ này thường được các tác giả Tân Ước sử dụng (xem Công-vụ 18:21; Rô-ma 1:10; 15:32; I Cô-rinh-tô 4:19; 16:7; Ê-phê-sô 6:3; I Phi-e-rơ 3:17). Thế giới quan theo Kinh Thánh qui cho tất cả sự hiểu biết và điều hành thuộc về Đức Chúa Trời. Đây là một thành ngữ Tân Ước xác nhận thuyết độc thần nhưng không nên xem nó là thuyết thần học định mệnh. Những tín hữu nhận biết và xưng nhận rằng Đức Chúa Trời can thiệp vào đời sống của họ, nhưng điều đó không liên kết Ngài với điều ác, thảm họa và thiên tai xảy ra ngẫu nhiên. Chúng ta sống trong thế giới bị rửa sạch và sa đọa về tâm linh. Thế giới này không phải là thế giới theo đúng ý định của Đức Chúa Trời (dành cho nó). Ngài vẫn đang hành động trong các tạo vật của Ngài, nhưng vẫn có sự bí ẩn thể nào và tại sao trong từng hành động và đời sống của mỗi cá nhân.

4:16

NASB, NKJV,

NRSV “anh em khoe khoang trong sự kiêu ngạo”

TEV “anh em kiêu ngạo và khoe khoang”

NJB “anh em thật kiêu ngạo và lắm lời”

Những kế hoạch tách khỏi Đức Chúa Trời thì trống tuếch và vô ích giống như sự tự hào và khoe khoang của loài người (xem Giăng 15:5; Rô-ma 14:8).

▣ **“khoe khoang như vậy là xấu”** Phao-lô trình bày lẽ thật này trong I Cô-rinh-tô 5:2 và 6. Nan đề từ lúc ban đầu của loài người là ước muốn được độc lập tách ra khỏi Đức Chúa Trời. Đời sống tách khỏi Đức Chúa Trời là tội lỗi và nổi loạn.

4:17 Câu này dường như là câu kết luận tương đối tách biệt và không liên quan đến văn mạch trực tiếp. Điều này ám chỉ đến tội không hoàn thành bổn phận (xem Ma-thi-ơ 25:31ff). Chi tiết này có thể phản ánh lời phán còn chưa được hiểu thấu đáo của Đức Chúa Giê-xu về mối liên hệ giữa sự hiểu biết và tội lỗi (xem Ma-thi-ơ 23:23; Lu-ca 12:47; Giăng 9:41; 15:22,24). Trong nhiều phương diện, ý này tương tự như Rô-ma 14:23.

Robert B. Girdlestone trong quyển sách của ông *Synonyms of the Old Testament* có một nhận định thú vị về câu này: “Thánh Gia-cơ đưa ra một định nghĩa quan trọng về tội lỗi: ‘kẻ biết làm điều lành mà chẳng làm, thì phạm tội.’ (4:17). Điều này dường như ám chỉ rằng nơi nào không có sự hiểu biết đúng sai, nơi đó không có tội lỗi; như vậy phù hợp với những lời của Chúa chúng ta nói với những người Pha-ri-si: ‘Nếu các ngươi là kẻ mù, thì không có tội lỗi chi hết; nhưng vì các ngươi nói rằng: Chúng ta thấy, nên tội lỗi các ngươi vẫn còn lại’ (Giăng 9:41). Sự xưng nhận hiểu biết dẫn đến buộc phải có trách nhiệm, điều

này khiến những người Pha-ri-si tự lên án là những tội nhân bằng chính lời nói của họ. Hoàn toàn không biết thì vẫn có thể tha thứ được, dù rằng làm không đúng, nhưng biết mà bỏ qua không làm thì không được tha thứ (xem Hê-bơ-rơ 2:3)” (trang 85).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao sự phán xét giữa vòng các Cơ-Đốc Nhân là một tội lỗi nghiêm trọng?
2. Tại sao sự mong manh của cuộc đời con người là một chủ đề Kinh Thánh được lặp đi lặp lại?

GIA-CƠ ĐOẠN 5

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Cảnh cáo kẻ giàu	Kẻ giàu áp bức sẽ bị phán xét	Giống Chúa và giống thể gian dối nghịch nhau 4:1-5:6	Cảnh cáo kẻ giàu	Cảnh cáo kẻ giàu và người tự tin chính mình 4:13-5:6
5:1-6	5:1-6		5:1-6	
Kiên trì và Cầu nguyện	Nhẫn nại và Bền đỗ	Kết luận khích lệ	Kiên trì và Cầu nguyện	Sự trở lại của Chúa
5:7-11	5:7-12	5:7-11	5:7-8 5:9-11	5:7-11
5:12	Đáp ứng những nhu cầu cụ thể	5:12	5:12	5:12
5:13-18	5:13-18 Đưa người sai lạc trở về	5:13-18	5:13-18	5:13-18
5:19-20	5:19-20	5:19-20	5:19-20	5:19-20

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

17. Phân đoạn 1

18. Phân đoạn 2

19. Phân đoạn 3

20. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH GIA-CƠ 5:1-6

- A. Gia-cơ bàn luận việc chú trọng không thích hợp vào của cải, bắt đầu từ 4:13 đến 5:6.
- B. Chủ đề về sự giàu có xuất phát từ sự so sánh của Gia-cơ giữa lòng tham muốn vật chất (*yetzers*) của con người cũng như chính mình thay cho (lòng khao khát) Đức Chúa Trời (xem 4:1-5:6).

- C. Phân đoạn này có nhiều từ và cấu trúc chữ chỉ có trong văn mạch này. Đặc điểm này tạo nên thắc mắc liệu đây có phải là một đoạn trích dẫn hay là bài giáo lý có thể lấy từ những tài liệu vô danh của Do Thái Giáo trong khoảng thời gian giữa hai giao ước. Mạch văn rất giống với sách A-mốt, hình ảnh diễn tả rõ ràng theo cách Cựu Ước.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 5:1-6

¹ Hỡi anh em là kẻ giàu có! Hãy khóc lóc, kêu la, vì có hoạn nạn sẽ đổ trên anh em. ² Cửa cải anh em bị mục nát, áo xống bị mối mọt ăn rồi. ³ Vàng bạc anh em bị ten rét, ten rét đó sẽ làm chứng nghịch cùng anh em, nó cũng như lửa vậy, sẽ ăn thịt anh em. Anh em đã tiêu trừ tiền của trong những ngày sau rốt! ⁴ Kìa, tiền công con gặt gặt ruộng anh em, mà anh em đã ăn gian, nó kêu oan, và tiếng kêu của con gặt đã thấu đến tai Chúa các cơ binh. ⁵ Anh em đã sống trên thế gian ăn uống vui sướng và xa xỉ, anh em đã làm cho lòng mình no nê trong ngày chém giết; ⁶ anh em đã luận tội và đã giết người công bình, mà người chẳng cự lại.

5:1 “Hỡi anh em” Chi tiết này tương tự như 4:13. Đây là thủ thuật văn chương dùng để phê bình, chỉ trích. Gia-cơ giới thiệu lễ thật bằng cách lập nên một mệnh đề và sau đó trình bày những cách mà người ta sẽ lạm dụng lễ thật (mệnh đề) đã được nêu ra.

▣ **“kẻ giàu có”** Cụm từ này ám chỉ đến (1) những tín hữu giàu có như trong 1:10 hay là (2) những người ngoại đạo bóc lột (xem 2:1-13). Sự giàu sang có những cám dỗ và nan đề riêng của nó (xem Ma-thi-ơ 6; Lu-ca 6:24; I Ti-mô-thê 6:9-10,17).

▣ **“khóc lóc”** Đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) nói đến sự khẩn cấp. Nó ám chỉ đến sự phán xét tận thế. Trong 4:9-10, những mệnh lệnh này liên kết với lời kêu gọi ăn năn và khiêm nhường giống như Ma-thi-ơ 5:3-9. Phân đoạn này (5:1-12) có liên hệ với chủ đề Sự Đến Lần Thứ Hai và Ngày Phán Xét.

▣ **“kêu la”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLE) được sử dụng theo MỆNH LỆNH CÁCH (IMPERATIVIAL). Chữ này được dùng trong Cựu Ước để mô tả nỗi đau của sự phán xét (xem Ê-sai 13:6; 14:31; 15:2,3; 16:7; 23:1,14; 65:14).

▣ **“hoạn nạn”** Đây là một chữ với hàm ý rất mạnh (xem Rô-ma 7:24; Khải-huyền 3:17).

▣ **“sẽ đổ trên anh em”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE PARTICIPLE). Điều này cho thấy Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ đòi con người đến mà tường trình những dự định cũng như việc làm của họ. Sự phán xét này không chỉ cho tương lai (tận thế) nhưng còn trong thực tại (tạm thời). Chúng ta gặt lấy điều chúng ta gieo (xem Ga-la-ti 6:7-8). Để hiểu đúng ý nghĩa của mạch văn tại đây thì phải hiểu đúng hai khía cạnh của sự giàu có: (1) người Do thái xem sự giàu có như là bằng chứng cho việc được Đức Chúa Trời chấp nhận và chúc phước (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:1-13), nhưng họ bỏ qua phần trách nhiệm và những cảnh cáo của giao ước (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 27:28:15-68), (2) những người Do thái giàu có thường chính là người bắt bớ những Cơ-Độc Nhân đầu tiên. Lời văn tại đây không cho biết rõ đang đề cập đến những người Do thái giàu có hay là những tín hữu còn tinh thần thế gian. Họ trông đợi ơn phước từ Đức Chúa Trời, nhưng chỉ thấy sự phán xét (xem Ê-sai 13:6). Họ tự khiến cho mình bị phán xét (xem câu 5; Giê-rê-mi 12:3; 25:34).

5:2-3 “Vàng bạc” Trong thế giới cổ đại, có ba thứ bày tỏ sự giàu có: (1) lương thực dự trữ trong kho; (2) quần áo; và (3) những kim loại quý (vàng, bạc). Cả ba thứ của cải này được miêu tả bằng dạng động từ

của THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE) để chỉ việc bị tiêu hủy hoàn toàn hoặc dần dần: “thối rữa,” “mỗi một,” và “mục nát” (xem Ma-thi-ơ 6:19-20).

▣ **“như lửa vậy, sẽ ăn thịt anh em.”** Lửa thường được dùng như biểu tượng cho sự phán xét của Đức Chúa Trời. Tại đây nó liên hệ với những hình thức hủy diệt có thể xảy đến do gom góp đồ giàu có ở đời này. Loài người nghĩ rằng của cải sẽ bảo vệ và giúp đỡ họ, nhưng có thể nó thật sự dẫn đến sự hủy diệt (xem Lu-ca 12:15-21; 16:19-31).

▣ **“những ngày sau rốt”** Điểm này đề cập đến khái niệm trong Do Thái Giáo về hai thời kỳ, một thời kỳ tội ác và một thời kỳ công chính. Đối với các Cơ-Đốc Nhân, nó liên hệ với giai đoạn từ sự giáng sinh của Đức Chúa Giê-xu cho tới khi Ngài trở lại lần thứ hai. Trong chương trình của Đức Chúa Trời, Đấng Mết-si-a đến hai lần, lần trước là Đấng Giải Cứu và lần sau là Đấng Phán Xét (xem Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29). Những ngày cuối cùng là sự ám chỉ đến khoảng thời gian giữa sự nhập thể (Đức Chúa Trời trở thành con người) và sự tái lâm của Đức Chúa Giê-xu (sự đến lần thứ hai).

▣ **“Anh em đã thấu hiểu trước tiên của”** Chi tiết này phản ánh Bài Giảng Trên Núi của Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 6). Gia-cơ thường nhắc đến những lời trong bài giảng này của Đức Chúa Giê-xu. Có người thắc mắc có phải Gia-cơ trực tiếp nghe Đức Chúa Giê-xu giảng bài giảng này hay là trong Hội thánh ban đầu sử dụng Phúc âm Ma-thi-ơ như sách giáo lý để dạy cho những tín hữu mới.

5:4 “tiền công con gặt gặt ruộng anh em, mà anh em đã ăn gian” Người nghèo cần nhận tiền công mỗi ngày để nuôi gia đình, nhưng người giàu thì giữ tiền công lại để đảm bảo rằng họ sẽ tiếp tục đi làm ngày hôm sau (xem Lê-vi Ký 19:13; Phục-truyền Luật-lệ Ký 24:14-15). Có một điểm khác biệt trong câu này giữa các bản chép tay, đây chỉ là một điểm khác biệt thông thường trong số nhiều điểm khác biệt thường gặp theo truyền thống của các nhà chép kinh. Chữ “*aphustereō*” dùng trong bản MSS κ và B*, có nghĩa là “không trả lương” trong khi chữ “*apostereō*” dùng trong bản MSS A, B² cùng với những bản chép tay sau đó thì lại có nghĩa là “trước đoạt của ai điều gì đó”. Đối với việc giải kinh và tìm hiểu ý nghĩa của tác giả nguyên thủy thì hai chữ này không tạo nhiều khác biệt.

▣ **“kêu oan”** Trong nghĩa đen là “tiếng la hét”. Tiếng kêu gào của những tín hữu bị bóc lột vang đến Đức Chúa Trời!

▣ **“đã thấu đến tai”** Kinh thánh thường mô tả Đức Chúa Trời theo những từ ngữ dùng cho con người: (1) những bộ phận thân thể con người; (2) những cảm xúc của con người; hay (3) những mối liên hệ của con người. Loài người không có một ngôn ngữ nào khác hơn những phạm trù trong ngôn ngữ của họ để dùng mô tả thần linh. Điều này được gọi là “thuyết nhân hình” (“anthropomorphism” từ hai chữ Hy Lạp *anthrōpos* nghĩa là con người, và *morphē*, nghĩa là hình dạng). Hình thức ngôn ngữ này giúp chúng ta giải bày thể giới quan của Kinh Thánh:

1. Đức Chúa Trời là một thân vị và loài người được dựng nên theo hình ảnh của Ngài nên thể hiện những thuộc tính và đặc tính của nhân cách theo thân vị đó. Đây là lý do tại sao Đức Chúa Trời và con người có thể thông hiểu và liên hệ với nhau.
2. Loài người không thể hiểu Đức Chúa Trời cách tường tận. Ngài vĩ đại hơn, cao trọng hơn mọi phạm trù (ý niệm diễn tả) tạm thời của trần gian. Đức Chúa Trời tự mặc khải chân thực chính mình và chúng ta có thể tin cậy vào sự mặc khải của Ngài. Dầu vậy Đức Chúa Trời không hề giải bày đầy đủ hoàn toàn về Ngài bởi vì khả năng giới hạn (hiểu biết giới hạn) và tình trạng tội lỗi của con người.

▣ **“Chúa các cơ binh”** Đây là danh hiệu chỉ thần linh (*Đức Giê-hô-va Sabaoth*) được dùng trong Cựu Ước (ngoại trừ Ngũ Kinh: Sáng-thể Ký đến Phục-truyền Luật-lệ Ký) hơn 250 lần. Trong Cựu Ước, nó được dùng theo nhiều nghĩa khác nhau:

1. Nói đến mọi vật được sáng tạo (xem Sáng-thể Ký 2:1; Nê-hê-mi 9:6; Ê-sai 45:12).

2. Mô tả Đức Chúa Trời theo như khuôn mẫu vương triều cổ đại với
 - a. Những lính gác hoàng gia
 - b. Đoàn tùy tùng hoàng gia
 - c. Y-sơ-ra-ên như là một tuyển dân đặc biệt của Đức Chúa Trời (xem II Sa-mu-ên 7:26-29; Thi-thiên 46:7; 48:8)
3. Mô tả Đức Chúa Trời theo khía cạnh quân sự
 - a. Lãnh đạo của quân đội dân Y-sơ-ra-ên (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:41; I Sa-mu-ên 17:45; 60:12; Thi-thiên 24:8-10; Ê-sai 31:4).
 - b. Lãnh đạo của các đạo thiên binh, thiên sứ trên thiên đàng (xem Giô-suê 5:14-15; Thi-thiên 147:4; Ê-sai 40:26)
4. Trình bày và bác bỏ niềm tin của những người Ca-na-an và Mê-sô-bô-ta-mi cổ đại vì họ tin những nguồn sáng trên trời đại diện cho những quyền năng linh thiêng cần phải thờ lạy và phục tùng (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:19; 17:3; Ê-sai 24:21-23; 40:26; Giê-rê-mi 8:2). Thật vậy, các thiên sứ được mô tả như những vì sao (xem Gióp 38:7; Các Quan Xét 5:20 và trong thể loại văn chương của Do Thái Giáo sau đó), nhưng các thiên sứ là những tôi tớ của Đức Giê-hô-va chứ không phải là những thần linh có quyền năng độc lập.

5:5 “sống trên thế gian ăn uống vui sướng và xa xỉ” Chi tiết này tương tự như câu chuyện của Đức Chúa Giê-xu trong Lu-ca 16:19-31. Cụm từ này còn được dùng trong I Ti-mô-thê 5:6.

▣ **“đã làm cho lòng mình no nê trong ngày chém giết”** Những người được đề cập tại đây hành động như những súc vật được vỗ béo để bán ngoài chợ. Điểm này gợi nhớ đến sự rao giảng của A-mốt.

5:6 “anh em đã luận tội” Chi tiết này đề cập đến sự bất công, bóc lột về tài chính đối với bà góa, trẻ mồ côi, khách lạ, người nghèo, những người cô thế và bị xã hội ruồng bỏ. Đức Chúa Trời ở về phía những người thiếu thôn và bị bỏ bê (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:18; 24:17-21; 26:12; 27:19).

▣ **“đã giết”** Điểm này có thể giống như 3:2 theo ý ám chỉ những hành động tàn ác hay là thái độ thù địch (xem Ma-thi-ơ 5:21-26).

▣ **“người công bình”** Có một số người cho rằng chi tiết này chỉ về Đức Chúa Giê-xu (bởi vì đây là cụm từ cuối trong câu văn và dựa theo Ê-sai 53:7), nhưng theo văn mạch tại đây thì nó liên hệ với những con cái Chúa đang chịu khổ, những thánh đồ.

▣ **“mà người chẳng cự lại”** Có thể đây là một câu hỏi ước mong câu trả lời xác nhận [tham khảo các bản dịch hiện đại (1) *The Twentieth Century New Testament*; (2) Edgar J. Goodspeed; và (3) J. B. Rotherham]. Nếu đúng vậy thì điều này liên hệ với Ma-thi-ơ 5:39. Trong thời kỳ này, con dân của Đức Chúa Trời không nên chống đối lại và trả thù, nhưng họ sẽ làm chứng trong Ngày Phán Xét!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Sự giàu sang có phải là tội lỗi không?
2. Kể ra ba tội của những người giàu có được đề cập trong phân đoạn Kinh Thánh trên.

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH GIA-CƠ 5:7-12

A. Chúa đến lần thứ hai chắc chắn sắp xảy ra (Gia-cơ 5:1-11)

1. Gia-cơ và các tác giả Tân Ước khác dường như thừa nhận rằng việc Chúa trở lại rất gần.
2. Trong những lời của Đức Chúa Giê-xu nói về sự trở lại của Ngài có hai ý trái ngược nhau. Đa số các tín hữu đã được dạy rằng Đức Chúa Giê-xu sẽ sớm trở lại thành linh và không ngờ (xem Ma-thi-ơ 10:23; 24:27,34,44; Mác 9:1; 13:30). Nhưng từ trước đến nay mọi thế hệ tín hữu đều sai. Đặc điểm sắp đến (ngay lập tức) trong sự đến lần thứ hai của Đức Chúa Giê-xu là niềm hy vọng mãnh liệt cho mọi thế hệ tín hữu, và trở nên hiện thực đối với tín hữu bị bắt bớ. Những tín hữu cần phải sống như là Ngài sẽ đến vào ngày mai, nhưng lập kế hoạch và thực hiện Đại Mạng Lệnh (xem Ma-thi-ơ 28:19-20) như là Chúa đến chậm trễ. Một số những phân đoạn trong các sách Phúc âm (xem Mác 13:10; Lu-ca 17:2; 18:8) và Tê-sa-lô-ni-ca I và II đề cập đến ý sự đến lần thứ hai bị trì hoãn (*Parousia*). Phải có những sự kiện lịch sử xảy ra trước:
 - a. Truyền giảng Phúc Âm khắp cả thế giới (xem Ma-thi-ơ 24:15; Mác 13:10)
 - b. Sự xuất hiện “Người của tội lỗi” (xem Ma-thi-ơ 24:15; II Tê-sa-lô-ni-ca 2)
 - c. Sự bắt bớ lớn (xem Ma-thi-ơ 24:21,24;)Có sự mơ hồ cho mục đích (Ma-thi-ơ 24:42-51 và Mác 13:32-36). Sống mỗi ngày giống như là ngày cuối cùng, nhưng lập kế hoạch và huấn luyện mục vụ cho tương lai (vẫn còn xa).
3. Sự đáp ứng thích hợp của những tín hữu đối với sự trì hoãn việc Chúa đến lần thứ hai là kiên nhẫn. Có một vài ví dụ:
 - a. Người nông dân (xem câu 7)
 - b. Các tiên tri (xem câu 10)
 - c. Gióp (xem câu 11)
4. Việc tin chắc và chờ đợi sự trở lại của Chúa là niềm hy vọng tồn tại trong mọi thế hệ Cơ Đốc Nhân. H. E. Dana’s trong quyển *Jewish Christianity* có một nhận định hữu ích:

“Gia-cơ tin việc Đấng Christ sẽ trở lại lần thứ hai sắp xảy ra. Không thể dùng điều này để cáo buộc Tân Ước có sự “sai lầm” ở chỗ này. Gia-cơ đang trung thành ghi lại cảm nhận trong nhận thức tôn giáo của riêng ông và dù rằng thời điểm vượt xa hơn mọi điều ông mơ tưởng, ông đã làm điều đúng: trông chờ Chúa trở lại. Sự linh cảm cần phải tuân theo lời phán quyết của Đức Chúa Giê-xu: ‘Kỳ hạn và ngày giờ mà Cha đã tự quyền định lấy, ấy là việc các ngươi chẳng nên biết’ (Công vụ 1:7). Gia-cơ không thể biết sự kiện Chúa đến lần thứ hai gần xa bao lâu, ông chỉ có thể giải bày tính chất “sắp đến” theo nhận thức của ông và trong ý định đó Gia-cơ không sai lầm” (trang 124-125).

B. Vẫn còn tiếp tục quan tâm đến cái lưới bị dùng theo cách tiêu cực trong Gia-cơ 5:9,12 (còn trong 5:13-20 thì nói đến ý tích cực).

NGHIÊN CỨU TỪ NGŨ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 5:7-11

⁷ Hỡi anh em, vậy hãy nhịn nhục cho tới kỳ Chúa đến. Hãy xem kẻ làm ruộng: họ bèn lòng chờ đợi sản vật quý báu dưới đất cho đến chừng nào đã được mưa đầu mùa và cuối mùa. ⁸ Anh em cũng vậy, hãy nhịn nhục và bèn lòng; vì kỳ Chúa đến gần rồi. ⁹ Hỡi anh em, chớ oán trách nhau, hầu cho khỏi bị xét đoán; kìa, Đấng xét đoán đứng trước cửa. ¹⁰ Hỡi anh em, hãy lấy các đấng tiên tri đã nhơn danh Chúa mà nói, làm mẫu mực về sự chịu khổ và nhịn nhục cho mình. ¹¹ Anh em biết rằng những kẻ nhịn nhục chịu khổ thì chúng ta xưng là có phúc. Anh em đã nghe nói về sự nhịn nhục của Gióp, và thấy cái kết cuộc mà Chúa ban cho người; vì Chúa đầy lòng thương xót và nhơn từ.

5:7 “Hỡi anh em” Chữ này trình bày mối liên hệ của phân đoạn này với phân đoạn trước đó. Ý nhấn mạnh về sự đến lần thứ hai của Chúa trong câu 1-6 được tiếp tục.

▣ **“hãy nhịn nhục”** Đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE). Nó là chủ đề và điểm quan trọng trong văn mạch (xem 1:4). Chữ này được dùng 4 lần: câu 7 (hai lần), câu 8 và câu 10. Ý nghĩa căn bản của chữ này là “sự chịu đựng kéo dài (kiên nhẫn chịu đựng).” Chữ này được dùng để chỉ sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời với con người (xem Rô-ma 2:4; I Phi-e-rơ 3:20), và cũng là một phẩm chất của trái Thánh Linh (xem Ga-la-ti 5:22-23).

▣ **“anh em”** xem ghi chú trong 1:2 và 1:9.

▣ **“cho tới kỳ Chúa đến”** Theo nghĩa đen đây là chữ “*Parousia*,” có nghĩa là “sự hiện diện” và được dùng cho sự thăm viếng của Vua. Những chữ khác trong Tân Ước cũng dùng cho Sự đến lần thứ hai là (1) *epiphaneia*, “hiện ra trước mắt (mặt đối mặt);” (2) *apokalupis*, “mở màn”; và (3) “ngày của Chúa” cùng với những “biến thể” của cụm từ này. Chữ đứng trước chữ “Chúa” trong hai câu 10 và 11 của phân đoạn này là Đức Giê-hô-va, còn với các câu 7, 8, và 14 là Đức Chúa Giê-xu. Các tác giả Tân Ước thường sử dụng tính chất đa nghĩa theo ngữ pháp để xưng nhận thần tính của Đức Chúa Giê-xu.

Cả Tân Ước được viết theo thể giới quan của Cựu Ước đã xác nhận:

1. Thời kỳ hiện tại độc ác, nổi loạn
2. Có một thời kỳ công chính sắp đến
3. Nhờ Thánh Linh hành động qua công tác của Đấng Mết-si-a (Đấng Được Xức Dầu) mà thời kỳ này hiện đến.

Các tác giả Tân Ước có điều chỉnh lại một ít về sự trông đợi của Y-sơ-ra-ên, nên thần học chấp nhận mặc khải tiệm tiến là cần thiết. Có hai lần hiện đến thay thế cho sự hiện đến của Đấng Mết-si-a chỉ chú trọng đến quân sự và dân tộc (Do thái). Lần đến thứ nhất là Thần linh nhập thể trong sự giáng sinh của Giê-xu người Na-xa-rét. Ngài đã đến không phải là một vị tướng, một quan án nhưng lại là một “đầy tớ khốn khổ” theo như Ê-sai 53, là một kỵ sĩ hiền lành cỡi lừa con (không phải là một ngựa chiến hay là một con la dành cho vua), giống như trong Xa-cha-ri 9:9. Sự đến thứ nhất mở đầu cho một kỷ nguyên mới của Đấng Mết-si-a. Trong một phương diện thì Nước Trời đã đến, nhưng khác thì nó vẫn còn ở xa chưa trọn vẹn. “Khoảng cách” giữa hai sự hiện đến của Đấng Mết-si-a này chính là sự chồng lên nhau của hai thời đại trong Cựu Ước mà Do-Thái-Giáo không thấy hay ít nhất là không rõ. Hai lần hiện đến này nhấn mạnh đến cam kết cứu chuộc cả nhân loại của Đức Giê-hô-va (xem Sáng-thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5; sự giảng dạy của các tiên tri, đặc biệt là Ê-sai và Giô-na).

Hội thánh không chờ đợi sự làm trọn của lời tiên tri trong Cựu Ước bởi vì đa số các lời tiên tri đề cập sự đến lần thứ nhất (xem *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 165-166). Các tín hữu trông chờ sự trở lại vinh hiển của Vua của các Vua, Chúa của các Chúa, sự hoàn tất lịch sử được trông đợi cho thời đại mới của sự công chính dưới đất cũng như trên trời (xem Ma-thi-ơ 6:10). Những sự trình bày của Cựu Ước không phải là không chính xác, nhưng không đầy đủ. Đúng như các tiên tri đã nói trước, Ngài sẽ đến một lần nữa trong quyền năng và uy quyền phán xét của Đức Giê-hô-va.

Sự đến lần thứ hai không chỉ là một thuật ngữ Kinh thánh, nhưng khái niệm là thể giới quan và nồng cốt cho cả Tân Ước. Đức Chúa Trời sẽ chỉnh sửa lại cho đúng mọi sự. Sự tương giao giữa Đức Chúa Trời và nhân loại được dựng theo hình ảnh của Ngài được phục hồi. Tội ác sẽ bị xét xử và xóa bỏ. Ý chỉ của Đức Chúa Trời sẽ không thể thất bại.

▣ **“kể làm ruộng”** Đây là ví dụ đầu tiên trong ba ví dụ về sự kiên nhẫn: (1) người nông dân (câu 7); (2) các tiên tri Cựu Ước (câu 10); và (3) Gióp (câu 11). Người nông dân hoàn toàn phụ thuộc vào thời tiết, là điều họ không thể kiểm soát, nhưng cấy và gieo giống trong niềm tin và hy vọng.

▣ **“mưa đầu mùa và cuối mùa”** Mưa đầu mùa ở xứ Pa-léc-tin là vào tháng Mười và Mười Một cần thiết cho hạt giống nảy mầm. Mưa cuối mùa vào tháng Tư và tháng Năm cần thiết cho mùa lúa chín. Chi tiết

này có thể ám chỉ rằng những người nhận thư Gia-cơ là ở trong hay gần xứ Pa-léc-tin hoặc là họ biết về thời tiết của vùng đất này.

5:8 “anh em cũng vậy, hãy nhịn nhục” Đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) lặp lại từ câu 7.

▣ **“bền lòng”** Đây lại là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13). Tin cậy và chờ đợi nơi lời hứa của Đức Chúa Trời. Xem chủ đề đặc biệt: Tâm lòng trong 1:26.

▣ **“vì kỳ Chúa đến gần rồi”** Đây là CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INDICATIVE) ám chỉ rằng Chúa đã đến một lần, những ảnh hưởng từ việc Chúa đến vẫn còn tiếp tục và Ngài sẽ trở lại một lần nữa (xem I Phi-e-rơ 4:7). Các tác giả Tân Ước (và có thể là cả chính Đức Chúa Giê-xu nữa, xin so sánh Ma-thi-ơ 16:28 với 24:36) trông đợi việc Chúa trở lại lần thứ hai sẽ nhanh chóng xảy ra. Việc Chúa đến lần thứ hai sắp xảy ra có ý nghĩa rất khích lệ cho mọi thể hệ tín hữu ở giữa thế gian áp bức. Không biết rõ thời điểm của sự kiện này, nhưng nó là chắc chắn! Những tín hữu mỗi ngày sống trong sự trông đợi Chúa sẽ trở lại cách vinh hiển. Phần lớn lời của Tân Ước dành cho mọi tín hữu là “sẵn sàng và hành động (tích cực)”.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẾN LẦN THỨ HAI

Theo nghĩa đen đây là chữ “*Parousia*,” có nghĩa là “sự hiện diện” và được dùng cho sự viếng thăm của Vua. Những chữ khác trong Tân Ước cũng dùng cho Sự đến lần thứ hai là (1) *epiphaneia*, “hiện ra đối diện”; (2) *apokalypis*, “mở màn”; và (3) “ngày của Chúa” cùng với những “biên thể” của cụm từ này.

Cả Tân Ước được viết theo thể giới quan của Cựu Ước khẳng định rằng:

1. Thời kỳ hiện tại độc ác, nổi loạn
2. Có một thời kỳ công chính sắp đến
3. Nhờ Đức Thánh Linh hành động qua công tác của Đấng Mết-si-a (Đấng Được Xức Dầu) mà thời kỳ này hiện đến.

Các tác giả Tân Ước có điều chỉnh lại một ít về sự trông đợi của Y-sơ-ra-ên, nên thần học chấp nhận mặc khải tiệm tiến là cần thiết. Có hai lần hiện đến thay thế cho sự hiện đến của Đấng Mết-si-a chỉ chú trọng vào quân sự và dân tộc (Do thái). Sự đến thứ nhất là Thần linh nhập thể trong sự giáng sinh của Giê-xu người Na-xa-rét. Ngài đã đến không phải là một vị tướng hay là một quan án nhưng lại là một “đầy tớ khốn khổ” theo như Ê-sai 53, là một kỳ sĩ hiền lành cỡi lừa con (không phải là một ngựa chiến hay là một con la dành cho vua), giống như trong Xa-cha-ri 9:9. Sự đến thứ nhất mở đầu cho một kỷ nguyên mới của Đấng Mết-si-a. Trong một phương diện thì Nước Trời đã đến, nhưng mặt khác thì nó vẫn còn ở xa chưa trọn vẹn. “Khoảng cách” giữa hai sự hiện đến của Đấng Mết-si-a là sự chồng lên nhau của hai thời đại trong Cựu Ước mà Do-Thái-Giáo không thấy hay ít nhất là không rõ. Hai lần hiện đến này đều nhấn mạnh cam kết cứu chuộc cả nhân loại của Đức Giê-hô-va (xem Sáng-thể Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5; sự giảng dạy của các tiên tri, đặc biệt là Ê-sai và Giô-na).

Hội thánh không chờ đợi sự làm trọn của lời tiên tri trong Cựu Ước bởi vì đa số các lời tiên tri đề cập sự đến lần thứ nhất (xem *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 165-166). Các tín hữu trông chờ sự trở lại vinh hiển của Vua của các Vua, Chúa của các Chúa, sự hoàn tất lịch sử được trông đợi cho thời đại mới của sự công chính dưới đất cũng như trên trời (xem Ma-thi-ơ 6:10). Những sự trình bày của Cựu Ước không phải là không chính xác, nhưng không đầy đủ. Đúng như các tiên tri đã nói trước, Ngài sẽ đến một lần nữa trong quyền năng và uy quyền phán xét của Đức Giê-hô-va.

Sự đến lần thứ hai không phải là một thuật ngữ Kinh thánh, nhưng khái niệm này định hình thể giới quan và khuôn khổ cho cả Tân Ước. Đức Chúa Trời sẽ chỉnh sửa lại mọi sự cho đúng. Sự tương giao giữa Đức Chúa Trời và nhân loại được dựng theo hình ảnh của Ngài được phục hồi. Tội ác sẽ bị xét xử và xóa bỏ. Ý chỉ của Đức Chúa Trời sẽ không thể thất bại.

5:9

NASB, TEV “**đừng than phiền**”

NKJV, NRSV “**đừng cần nhằn**”

NJB “**đừng than phiền**”

Đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) với ĐỘNG TÍNH TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) thường có nghĩa là dừng lại một hành động đang tiến hành (xem Mác 7:34; 8:12; Rô-ma 8:23). Điểm này có thể liên quan đến (1) hoàn cảnh không tương đồng giữa các tín hữu: có một số người khốn khổ, một số thì không; (2) những tín hữu trung tín bị bắt bớ; hay là (3) sự ghen tị giữa những người lãnh đạo hay (hoặc là giữa các giáo sư) trong Hội thánh.

▣ **“hầu cho khỏi bị xét đoán”** Những lời cảnh cáo trong các câu sau gây “sốc” (xem Ma-thi-ơ 6:14-15; 7:1ff; 18:35; Lu-ca 6:38; Gia-cơ 2:13). Những tín hữu không được tha tội bởi chỉ vì họ tha thứ cho người khác, nhưng sự tha thứ của chúng ta phải bày tỏ tấm lòng được đổi mới của chúng ta. Chúng ta có muốn Đức Chúa Trời đối xử với chúng ta theo như cách chúng ta đối xử người khác không?

▣ **“Đáng xét đoán đứng trước cửa”** Chỗ này nhấn mạnh đến việc Chúa trở lại lần thứ hai rất gần cùng với sự phán xét (xem Ma-thi-ơ 24:33; Mác 13:29).

5:10 “các tiên tri” Đời sống của họ không hề dễ dàng và an toàn (xem Ma-thi-ơ 5:10-12).

5:11 “những kẻ nhịn nhục chịu khổ” Chữ này khác với chữ được dùng trong các câu 7-10, dù rằng có tiếp tục và thể hiện cùng một điểm nhấn mạnh. Chữ này có nghĩa “tình nguyện, kiên nhẫn chịu đựng” với sự nhấn mạnh theo ý “tiếp tục ở dưới gánh nặng (mang gánh nặng).” Gióp được mọi người biết đến bởi sự nhẫn nhục chịu đựng. Những tín hữu trong Cựu Ước và Tân Ước đều có nhận sự khai thị từ Đức Chúa Trời. Chúng ta hiểu biết nhiều điều về thực thể thiêng liêng, nhưng chính trong những trải nghiệm cá nhân của chúng ta vẫn còn nhiều điều huyền nhiệm mà chúng ta không hiểu.

▣ **“Chúa đầy lòng thương xót và nhân từ”** Đây là hai dạng hiếm gặp của chữ Hy Lạp “đáng thương” và “nhân từ”. Đây cũng chính là danh xưng mô tả Đức Chúa Trời (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 34:6; Nê-hê-mi 9:17; Thi-thiên 103:8; Giô-ên 2:13). Nếu đây là cách Đức Chúa Trời đối đãi với chúng ta thì chúng ta cũng phải đối đãi với người khác giống như vậy (xem câu 9).

BẢN NASB 5:12

¹² **Hỡi anh em, trước hết chớ có thề, chớ chỉ trời, chỉ đất, cũng chớ chỉ vật khác mà thề; nhưng phải thì nói phải, không thì nói không, hầu cho khỏi bị xét đoán.**

5:12 “trước hết” Đây là cụm từ kết nối lập luận trong câu trước với một chủ đề mới nhưng có liên quan. Thật ngạc nhiên là Gia-cơ xem chân lý trong câu 12 như là “trên hết mọi sự.” Điểm này có thể liên hệ việc sử dụng cái lưỡi cách sai bậy khi xưng đến danh thánh của Đức Chúa Trời (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7; Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:11).

▣ **“anh em”** Xem ghi chú trong 1:2 và 1:9.

▣ **“chớ có thề”** Có nhiều bản dịch hiện đại xem câu 12 là một đơn vị ngữ văn độc lập (NASB, NRSV, NJB, NIV). Nó là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI với ĐỘNG TÍNH TỪ PHỦ ĐỊNH (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE with a NEGATIVE PARTICLE) có nghĩa là dừng lại một hành động đang diễn ra. Chi tiết này không ám chỉ đến sự phạm thượng nhưng là chỉ đến cách thề nguyện của các tu sĩ Do Thái Giáo quả quyết sự chân thật trong lời nói của họ bằng cách dùng danh của Đức Chúa Trời một cách khiếm nhã (xem Ma-thi-ơ 5:34-37). Họ đã phát triển một hệ thống phức tạp về những lời

thề hay sự hứa nguyện bị ràng buộc phải thực hiện và những lời thề hay sự hứa nguyện không bị ràng buộc phải thực hiện. Đây là cách sử dụng cái lưỡi tiêu cực.

▣ **“hầu cho khỏi bị xét đoán”** Tại đây, điểm sai phạm chính là đã lấy danh Chúa mà làm chơi (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7). Những lời nói của chúng ta có ý nghĩa (xem Ma-thi-ơ 12:34-37), và chúng ta sẽ phải chịu trách nhiệm về những lời nói của mình (xem sách Lời của người Truyền Đạo 23:9-10). Những tín hữu cũng sẽ phải ứng hầu trước Đức Chúa Giê-xu giải trình về những việc làm, động cơ và lời nói của họ (xem II Cô-rinh-tô 5:10). Sự chết của Đấng Christ đã giải quyết nan đề tội lỗi. Thánh Linh của Ngài làm cho các tín hữu mạnh mẽ và ban cho họ những ân tứ để phục vụ, nhưng mỗi chúng ta phải chịu trách nhiệm về việc chúng ta đã sử dụng những ân tứ và cơ hội cho chức vụ như thế nào.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Gia-cơ nhấn mạnh đến sự phán xét tạm thời hay là sự phán xét cuối cùng (khi tận thế)?
2. Giải thích ý nghĩa danh hiệu “Đức Giê-hô-va Sabaoth”.
3. Thư Gia-cơ giống với sách A-mốt như thế nào?
4. Tại sao (hay là làm thế nào) mà Gia-cơ 5:1-12 lại liên hệ với sự đến lần thứ hai?
5. Tại sao câu 12 được xem như một ý tưởng riêng biệt?

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH GIA-CƠ 5:13-20

- A. Vai trò của Hội thánh trong việc chữa lành thuộc thể (Gia-cơ 5:13-18)
1. Sự chữa lành thuộc thể là một thực tế trong Tân Ước, chắc chắn như là sự chữa lành tâm linh. Sự xác thực của nó là dấu hiệu của sự cứu rỗi và Thời đại Mới.
 2. Sự chữa lành thuộc thể là dấu hiệu bày tỏ tình thương và sự chăm sóc liên tục của Đức Chúa Trời cho những tín hữu. Tuy nhiên, không phải mọi người trong Tân Ước đều được chữa lành:
 - a. Phao-lô (II Cô-rinh-tô 12:7-9)
 - b. Trô-phim (II Ti-mô-thê 4:20)
 - c. Êp-ba-phô-đích (Phi-líp 2:27)
 3. Những câu hỏi thực sự liên quan đến sự chữa lành thuộc thể không phải là tính xác thực hay là nguồn gốc của nó nhưng là:
 - a. Ai là người nhận sự chữa lành?
 - b. Ai được Chúa dùng làm phương tiện chữa lành?
 - c. Liên hệ đến những hình thức, công thức hay là những chỉ dẫn nào?
 - d. Sự chữa lành thực hiện khi nào? Ở đâu? Và tại sao?
 4. Có yếu tố tâm lý liên hệ trong sự chữa lành, có thể thấy tại đây và trong Mác 8:22-26. Rõ ràng có những biểu tượng và những hành vi văn hóa được dùng để khuyến khích sự tin cậy.
 - a. Xức dầu
 - b. Nhỏ nước bọt và làm bùn
 - c. Đặt tay cầu nguyện
- B. Hội thánh có vai trò chủ động với chủ đích gây dựng lại những tín hữu sa ngã (Gia-cơ 5:19-20)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

BẢN NASB 5:13-18

¹³ Trong anh em có ai chịu khổ chẳng? Người ấy hãy cầu nguyện. Có ai vui mừng chẳng? Hãy hát ngợi khen. ¹⁴ Trong anh em có ai đau ốm chẳng? Hãy mời các trưởng lão hội thánh đến, sau khi nhơn danh Chúa xức dầu cho người bệnh đoạn, thì các trưởng lão hãy cầu nguyện cho người. ¹⁵ Sự cầu nguyện bởi đức tin sẽ cứu kẻ bệnh, Chúa sẽ đỡ kẻ ấy dậy; nếu kẻ bệnh có phạm tội, cũng sẽ được tha. ¹⁶ Vậy, hãy xưng tội cùng nhau, và cầu nguyện cho nhau, hầu cho anh em được lành bệnh: người công bình lấy lòng sốt sắng cầu nguyện, thật có linh nghiệm nhiều. ¹⁷ Ê-li vốn là người yếu đuối như chúng ta. Người cầu nguyện, cố xin cho đừng mưa, thì không mưa xuống đất trong ba năm rưỡi. ¹⁸ Đoạn, người cầu nguyện lại, trời bèn mưa, và đất sanh sản hoa màu.

5:13-17 Trọn cả phân đoạn này trình bày tầm quan trọng và sức mạnh của lời cầu nguyện (như là một cách dùng cái lưỡi tích cực) trong mọi hoàn cảnh, chứ không phải chỉ cho sự chữa lành. Nó đối lập với câu 12 bằng cách chứng tỏ việc xưng đến danh của Đức Chúa Trời cách thích hợp. Trong văn mạch có ba câu hỏi liên quan đến sự khốn khổ, niềm vui và sự bệnh hoạn nhưng chỉ có câu hỏi cuối được khai triển và bàn luận. Ba câu hỏi này cung cấp những hướng dẫn cho các tín hữu giải quyết những nan đề trong cuộc sống: (1) cầu nguyện; (2) ca ngợi; và (3) nhờ đến sự trợ giúp từ những Cơ-Độc Nhân trưởng thành.

▣ **“hãy cầu nguyện. . . hãy hát ngợi khen”** Những động từ này có dạng là MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE) và MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Chúng ta có được chữ “psalm” trong Anh ngữ từ chữ “ca ngợi” trong tiếng Hy Lạp (xem Rô-ma 15:9; I Cô-rinh-tô 14:15; Ê-phê-sô 5:19; Cô-lô-se 3:16). Câu 13 có thể có ý nói rằng lời cầu nguyện và những sự ca ngợi phải dâng lên cho Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 12:12; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:16-17) trong mọi hoàn cảnh của chúng ta (khốn khổ hay là vui mừng).

5:14 “Trong anh em có ai đau ốm chẳng?” Cụm từ này có nghĩa đen là “không có sức lực.” Chữ *astheneia* trong nguyên ngữ tiếng Hy Lạp được dùng cho cả hai ý: không có sức mạnh thân thể (xem II Cô-rinh-tô 11:30; 12:5; I Ti-mô-thê 5:23) và thiếu sức lực tâm linh (xem I Cô-rinh-tô 8:9; II Cô-rinh-tô 11:29) hay là thiếu sự tinh sạch (xem Rô-ma 6:19; Hê-bơ-rơ 4:15). Tính chất đa nghĩa này có thể là chủ ý của văn mạch liên kết tội lỗi với bệnh tật. Về phương diện ngữ pháp, không rõ câu này là một câu hỏi theo như cách dịch của các bản NASB, NKJV, NRSV, TEV hay là một lời tuyên bố như trong các bản dịch NJB và New Century Version. Câu hỏi về phương diện thần học đặt ra tại đây là (1) sự khốn khổ trong câu 13 thì tương đương với sự bệnh hoạn trong câu 14 hay là (2) chúng là hai trải nghiệm tách biệt với nhau của những tín hữu trong thế giới sa ngã. Gia-cơ đã bàn luận “sự đau khổ và chịu đựng”; bây giờ ông diễn giải “cầu nguyện và bệnh hoạn.”

▣ **“mời các trưởng lão”** Đây là MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH (biến cách) THÌ BẤT ĐỊNH [AORIST MIDDLE (deponent) IMPERATIVE]. Lưu ý rằng đó là trách nhiệm của người bệnh mời “các trưởng lão” đến thăm viếng. Những tiến trình này được thi hành tại nhà của người bệnh, không nhất thiết phải tại nơi nhóm họp, đặc biệt khi “sự xức dầu” là sự xoa bóp có tính cách trị liệu. Ngoài ra trong tình huống này bày tỏ nhu cầu cần có những chấp sự hay trưởng lão phụ nữ trong mục vụ cho quý bà. Lưu ý rằng chữ “trưởng lão” là số nhiều giống như nhiều chỗ khác trong Tân Ước. Bối cảnh của sách Gia-cơ là nhóm tín hữu người Do Thái; do đó chữ “các trưởng lão” có lẽ không được dùng theo nghĩa là “các mục sư” như trong Tân Ước (xem Công-vụ 20:17,28; Tít 1:5,7), nhưng theo nghĩa là “các trưởng lão” của nhà hội như trong Cựu Ước. Các tu sĩ Do Thái Giáo cũng như những vị lãnh đạo nhà hội được bổ nhiệm thường hay thăm viếng và xức dầu cho người bệnh.

▣ **“Hội thánh”** Đây là chữ Hy Lạp *ekklesia*, có nghĩa đen là “những người được gọi ra khỏi.” Chữ này được dùng trong bản dịch Septuagint để chuyển ngữ chữ Hê-bơ-rơ *qahal* chỉ “hội chúng” Y-sơ-ra-ên. Trong tiếng Hy Lạp thông thường, nghĩa nguyên thủy của chữ này là một cuộc hội họp địa phương (xem Công-vụ 19:32,39,41). Tại đây, có điểm lý thú trong phương diện thần học là sự nhấn mạnh trên những người lãnh đạo tại địa phương chứ không phải là những người có ơn chữa bệnh lưu động. Sự chữa lành là một ân tứ thiêng liêng được đề cập trong I Cô-rinh-tô 12:9, 28 và được áp dụng rộng rãi trong Tân Ước và Hội thánh ban đầu. Lưu ý rằng những trưởng lão đi đến người bệnh khi được yêu cầu, chứ không phải người bệnh đến nơi nhóm họp của Hội thánh. Đây là một nghi thức thiêng liêng được thi hành cách cá nhân.

▣ **“các trưởng lão hãy cầu nguyện cho người”** Động từ chính trong văn mạch có dạng MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE IMPERATIVE). Sự cầu nguyện là chủ đề chính trong cả văn mạch:

- “Người ấy hãy cầu nguyện” (câu 13)
- “Hãy cầu nguyện” (câu 14)
- “Sự cầu nguyện” (câu 15)
- “Cầu nguyện cho nhau” (câu 16)
- “Cầu nguyện linh nghiệm” (câu 16)
- “Người cầu nguyện cố xin” (câu 17)
- “Người cầu nguyện” (câu 18)

▣ **“xức dầu”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE PARTICIPLE). Chữ Hy Lạp được dùng tại đây *aleiphō* không phải là chữ thông thường dùng cho sự xức dầu trong những nghi lễ tôn giáo (*chriō* hay là *chrisma*), nhưng là chữ thường dùng cho việc xoa bóp bằng thuốc. Sự đụng chạm đến thân thể luôn luôn quan trọng về mặt tâm lý đối với người bệnh. Về phương diện văn hóa, có thể người bệnh trông đợi việc làm này giống như trong Mác 6:13; 7:33; 8:23; Giăng 9:6,11. Có một vài chữ Hy Lạp dùng cho sự xức dầu.

- A. *murizō*, trong Mác 14:8 chỉ việc xức xác bằng hương liệu để chôn. Đây là từ nguyên tiếng Do thái, từ chữ này chúng ta có tên gọi Đấng Mết-si-a (Đấng được xức dầu).
- B. *aleiphō*, cũng dùng để chỉ việc xức xác bằng hương liệu để chôn (xem Mác 16:1; Giăng 12:3,7). Ngoài ra nó còn dùng cho
 - 1. Xức dầu cho người bệnh (xem Mác 6:13; Lu-ca 10:34; Gia-cơ 5:14)
 - 2. Tự xức dầu hằng ngày để chuẩn bị cho những công việc giữa đám đông (xem Ma-thi-ơ 6:17)
 - 3. Sự xức dầu đặc biệt cho Đức Chúa Giê-xu bởi người đàn bà tội lỗi (xem Lu-ca 7:38,46)
- C. *chriō* (*chrisma*), chữ thường được dùng theo nghĩa tôn giáo liên hệ với Đức Thánh Linh
 - 1. Sự xức dầu cho Đức Chúa Giê-xu (xem Lu-ca 4:18; Công-vụ 4:27; 10:38; Hê-bơ-rơ 1:9)
 - 2. Sự xức dầu của những tín hữu (xem II Cô-rinh-tô 1:21; I Giăng 2:20,27)
- D. *egchriō* và *epichriō*, chỉ dùng riêng cho việc xức thuốc cho người nô lệ (xem Khải-huyền 3:18)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XỨC DẦU TRONG KINH THÁNH.

- A. Dùng để trang điểm (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:40; Ru-tơ 3:3; II Sa-mu-ên 12:20; 14:2; II Sứ-ký 28:1-5; Đa-ni-ên 10:3; A-mốt 6:6; Mi-chê 6:15)
- B. Dùng cho khách (xem Thi-thiên 23:5; Lu-ca 7:38,46; Giăng 11:2)
- C. Dùng chữa bệnh (xem Ê-sai 6:1; Giê-rê-mi 51:8; Mác 6:13; Lu-ca 10:34; Gia-cơ 5:14) [sử dụng trong ý tiết trùng trong Ê-xê-chi-ên 16:9]
- D. Dùng trong việc chuẩn bị an táng (xem Sáng-thế Ký 50:2; II Sứ-ký 16:14; Mác 16:1; Giăng 12:3,7; 19:39-40)
- E. Dùng trong mục đích tôn giáo (như là một đồ vật, xem Sáng-thế Ký 28:18,20; 31:13 [trụ

đá]; Xuất Ê-díp-tô Ký 29:36 [bàn thờ]; Xuất Ê-díp-tô Ký 30:36; 40:9-16; Lê-vi Ký 8:10-13; Dân-số Ký 7:1 [đền tạm])

F. Dùng trong việc bổ nhiệm những lãnh đạo

1. Các thầy tế lễ
 - a. A-rôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 28:41; 29:7; 30:30)
 - b. Các con trai của A-rôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 40:15; Lê-vi Ký 7:36)
 - c. Cụm từ hay là danh hiệu tiêu chuẩn (xem Dân-số Ký 3:3; Lê-vi Ký 16:32)
2. Các vua
 - a. Bồi Đức Chúa Trời (xem I Sa-mu-ên 2:10; II Sa-mu-ên 12:7; II Các Vua 9:3,6,12; Thi-thiên 45:7; 89:20)
 - b. Bồi các tiên tri (xem I Sa-mu-ên 9:16; 10:1; 15:1,17; 16:3,12-13; I Các Vua 1:45; 19:15-16)
 - c. Bồi các thầy tế lễ (xem I Các Vua 1:34,39; II Các Vua 11:12)
 - d. Bồi các trưởng lão (xem Các Quan Xét 9:8,15; II Sa-mu-ên 2:7; 5:3; II Các Vua 23:30)
 - e. Đức Chúa Giê-xu như là vị vua Mết-si-a (xem Thi-thiên 2:2; Lu-ca 4:18 [Ê-sai 61:1]; Công-vụ 4:27; 10:38; Hê-bơ-rơ 1:9 [Thi-thiên 45:7])
 - f. Những người tin theo Đức Chúa Giê-xu (xem II Cô-rinh-tô 1:21; I Giăng 2:20,27 [*chrisma*])
3. Có thể cho các thầy tiên tri (xem Ê-sai 61:1)
4. Các công cụ “không tin” được dùng cho sự giải cứu thiên thượng
 - a. Vua Si-ru (xem Ê-sai 45:1)
 - b. Vua Ty-rơ (xem Ê-xê-chi-ên 28:14)
5. Chữ hay là danh hiệu “Mết-si-a” có nghĩa là “Đấng Được Xức Dầu”

▣ “**dầu**” Ở xứ Do thái trong thể kỷ thứ nhất, dầu được dùng theo nhiều cách:

1. Như là thuốc (xem Ê-sai 1:6; Lu-ca 10:34)
2. Như là dấu hiệu cho sự ban ơn và ban sức của Đức Chúa Trời trên các tiên tri, thầy tế lễ và vua trong Cựu Ước.
3. Như là biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong nghi lễ (xem Mác 8:22-26)
4. Liên hệ đến việc đuổi quỷ (xem Mác 6:13)
5. Như là sự chuẩn bị cho các việc làm thường ngày nơi công cộng hoặc trong lúc có sự vui mừng đặc biệt (xức dầu lên mặt).

▣ “**nhơn danh Chúa**” Chi tiết này bày tỏ việc sử dụng danh Chúa cách đúng đắn. Đây là một cụm từ thông dụng trong Tân ước để chỉ sự hiện diện cá nhân và quyền năng hành động của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong Hội thánh. Nó không phải là một câu thần chú, nhưng là một lời cầu khẩn đến bản tính của Đức Chúa Trời.

Thông thường, cụm từ này chỉ Chúa Jêsus là Chúa (Phi-líp 2:11)

1. Khi xưng nhận đức tin nơi Chúa Jêsus tại lễ báp-têm (Rô-ma 10:9-13; Công-vụ 2:38; 8:12,16; 10:48; 19:5; 22:16; I Cô-rinh-tô 1:13, 15; Gia-cơ 2:7)
2. Khi đuổi quỷ (Ma-thi-ơ 7:22; Mác 9:38; Lu-ca 9:49; 10:17; Công-vụ 19:13)
3. Khi chữa bệnh (Công-vụ 3:6, 16; 4:10; 9:34; Gia-cơ 5:14)
4. Khi làm mục vụ (Ma-thi-ơ 10:42; 18:5; Lu-ca 9:48)
5. Khi khiển trách trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 18:15-20)
6. Khi giảng cho người ngoại (Lu-ca 24:47; Công-vụ 9:15; 15:17; Rô-ma 1:5)
7. Khi cầu nguyện (Giăng 14:13-14; 15:2, 16; 16:23; I Cô-rinh-tô 1:2)
8. Một cách để chỉ Cơ đốc giáo (Công-vụ 16:9; I Cô-rinh-tô 1:10; II Ti-mô-thê 2:19; Gia-cơ 2:7; I Phi-e-rơ 4:14)

Khi chúng ta làm trong bất cứ cương vị nào như là người rao truyền, mục vụ, người giúp đỡ, chữa lành, đuổi quỷ, vân vân...chúng ta làm trong bản tính của Ngài, quyền năng, và sự cung ứng của Ngài - trong danh Ngài. Sau đây xem như là phần phụ chú: Tôi cho rằng chữa lành là một ân tứ Đức Thánh Linh ban cho một số thành viên trong thân thể của Đấng Christ vì lợi ích chung (xem I Cô-rinh-tô 12:7,9,11,28 và 30). Nhưng trong văn mạch tại đây thì không ám chỉ đến những tín hữu được ban ơn đặc biệt, nhưng lại là những lãnh đạo tại các Hội thánh địa phương. Sự xúc dầu là một nghi thức cho những lãnh đạo Hội thánh địa phương, không phải là một ân tứ đặc biệt được ban cho bởi Đức Thánh Linh.

5:15 “Sự cầu nguyện bởi đức tin” Chi tiết này liên hệ đến lời cầu nguyện của “các trưởng lão” chứ không phải là của người tín hữu bị bệnh. Sự chữa lành không phải luôn luôn liên kết với đức tin của người nhận được sự chữa lành (xem Mác 2:5; 5:35-43; Giăng 5:5-9). Chữ Hy Lạp được dịch là “sự cầu nguyện” (*euchē*) cũng có thể có nghĩa là “lời thề” (xem Công-vụ 18:18; 21:23) ý này có thể liên quan đến sự tuyên xưng đức tin công khai thay cho người bệnh, nó cũng có thể ám chỉ sự hứa nguyện sẵn sàng phục vụ Chúa.

▣ **“sẽ cứu”** Chữ Hy Lạp *sozō* thường được dùng trong Tân Ước để chỉ sự cứu rỗi tâm linh (xem 1:21; 2:14; 4:12), nhưng tại đây nó được dùng theo ý nghĩa của Cựu Ước chỉ sự giải cứu thuộc thể (xem 5:20; Ma-thi-ơ 9:22; Mác 6:56). Chữ này có nghĩa đen là “làm cho đầy trọn” (thuộc thể, thuộc linh).

▣ **“nếu kẻ bệnh có phạm tội”** Chữ “nếu” là kết hợp của chữ “và” (*kai*) với ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL) (*ean*) cùng với THỂ CẦU KHẨN (SUBJUNCTIVE) của động từ “thì, là.” Đây là DẠNG NÓI TRÁNH CỦA ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC PERFECT ACTIVE PARTICIPLE), có hàm ý cho rằng tội lỗi không phải là căn nguyên của bệnh hoạn. Vào thế kỷ thứ nhất niềm tin của Do Thái Giáo theo phương diện thần học cho rằng tội lỗi và bệnh tật liên kết với nhau (xem I Cô-rinh-tô 11:30; Mác 2:5-11; Giăng 5:14). Nhưng trong lời phán của Đức Chúa Giê-xu ở Giăng 9:3 cho biết điều này không phải luôn luôn đúng. Trong cả văn mạch (5:13-18) đề cập đến sự hồi phục thể xác của các tín hữu, có nhắc đến một vài hành động với ý khuyến khích những tín hữu trong thế kỷ thứ nhất: (1) các trưởng lão của Hội thánh đến; (2) họ cầu thay cho người bệnh; (3) trong danh quyền năng của Đức Chúa Giê-xu; (4) họ xúc dầu, xoa bóp; và (5) họ nghe lời xưng tội và công bố sự tha thứ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời dùng nhiều phương cách đa dạng khác nhau cho sự hồi phục thể xác con người—phép lạ, đuổi quỷ, những lời cầu nguyện của bạn hữu, ngăn chặn bệnh lại, thái độ, tinh thần lạc quan, xưng tội, thuốc, những phương pháp trị liệu y học và cắt đi gánh nặng của tội lỗi.

5:16 “hãy xưng tội” Đây là MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE). Chữ “do đó” bày tỏ sự liên kết của câu 16 với lý luận trước đó. Sự xưng tội đã và đang là một phần quan trọng trong sự chữa lành (xem Lê-vi Ký 5:5; Dân-số Ký 5:7; Thi-thiên 51). Nó như là “thuốc giải độc” hiệu nghiệm đối với tội lỗi, sự kiêu ngạo và tự tôn chính mình. Câu hỏi quan trọng cho việc giải nghĩa ở đây: Có phải Gia-cơ đã chuyển việc bàn luận về lời cầu nguyện cho người bệnh thuộc thể sang lời cầu nguyện cho người bệnh thuộc linh không? Hay là ông vẫn tiếp tục theo văn mạch chỉ nói bệnh thuộc thể và sự chữa lành thuộc thể? Nghi vấn này chỉ phối định nghĩa của khái niệm “cứu rỗi.” Vậy nó ám chỉ đến ý nghĩa Cựu Ước về sự giải cứu thuộc thể như trong câu 15, hay là nó hướng đến ý nghĩa về sự cứu rỗi tâm linh? Bằng chứng từ bản văn chỉ sự cứu rỗi tâm linh (ý nghĩa theo Tân Ước) là: (1) cách diễn tả chung chung bằng cách chuyển từ “các trưởng lão” thành “lẫn nhau” (câu 16) và (2) kết luận theo kiểu tổng quát trong các câu 19-20. Về ý ngược lại, thì văn mạch dường như tiếp tục sự nhấn mạnh đến những bệnh tật thuộc thể (chỉ sự giải cứu thuộc thể theo ý Cựu Ước): (1) bệnh tật thuộc thể được chữa lành bởi sự xưng tội và lời cầu nguyện; (2) Ê-li là một bằng chứng về lời cầu nguyện được nhậm (câu 17-18).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XUNG TỘI

- A. Có hai dạng cùng một gốc từ tiếng Hy Lạp dùng cho ý nghĩa xưng tội hay tuyên xưng, *homologeō* và *exomologeō*. Từ ghép lấy từ gốc từ *homo*, nghĩa là giống nhau; *lego*, nghĩa là nói; và *ex*, có nghĩa là ra từ. Ý nghĩa căn bản là nói cùng một sự việc, hay là đồng ý. Chữ *ex* diễn tả thêm ý nghĩa về sự tuyên xưng công khai
- B. Những chữ tiếng Anh dịch từ nhóm chữ này gồm có:
1. Ngợi khen (praise)
 2. Đồng ý
 3. Tuyên bố (declare)
 4. Tuyên xưng (profess)
 5. Xưng tội
- C. Nhóm từ này có hai cách sử dụng dường như trái hẳn nhau:
1. Ngợi khen (Đức Chúa Trời)
 2. Nhận tội
Điều này có thể phát triển từ sự nhìn nhận của con người về bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời và tình trạng tội lỗi của họ. Nhìn nhận một sự thật tức là nhìn nhận cả hai điểm trên.
- D. Tân ước có các cách dùng liên quan đến nhóm từ này như sau:
1. Hứa (Ma-thi-ơ 14:7; Công-vụ 7:17)
 2. Đồng ý hay đồng thuận về điều gì (Giăng 1:20; Tê-sa-lô-ni-ca 22:6; Công-vụ 24: 14; Hê-bơ-rơ 11:13)
 3. Ngợi khen (Ma-thi-ơ 11:25; Tê-sa-lô-ni-ca 10:21; Rô-ma 14:11; 15:9)
 4. Đồng ý
 - a. Với một người nào (Ma-thi-ơ 10:32; Tê-sa-lô-ni-ca 12:8; Giăng 9:22; 12:42; Rô-ma 10:9; Phi-líp 2:11; Khải huyền 3:5)
 - b. Về một lẽ thật nào (Công-vụ 23:8; II Cô-rinh-tô 11:13; I Giăng 4:2)
 5. Tuyên bố công khai (ý nghĩa về luật pháp phát triển thành một sự xác nhận mang tính tôn giáo, Công-vụ 24:14; I Ti-mô-thê 6:13)
 - a. Không có sự nhận tội (I Ti-mô-thê 6:12; Hê-bơ-rơ 10:23)
 - b. Có sự nhận tội (Ma-thi-ơ 3:6; Công-vụ 19:18; Hê-bơ-rơ 4:14; Gia-cơ 5:16; I Giăng 1:9)

▣ **“cùng nhau”** Lưu ý rằng lời văn nói xưng tội “lẫn nhau” chứ không phải là xưng tội với “các trưởng lão” theo như bối cảnh. Có thể sự xưng tội là với người bị xúc phạm. Thông thường thì Hội thánh ban đầu giải quyết tội lỗi cách công khai và trong tập thể (xem I Ti-mô-thê 5:19-20).

▣ **“cầu nguyện cho nhau”** Đây là MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE). Tóm lại, sự xưng tội trước nhất là với Đức Chúa Trời, nhưng sau đó là với (1) các trưởng lão tại nhà; (2) với người mà mình vấp phạm; và (3) với cả hội chúng tập hợp. Sự xưng tội thanh tẩy tâm lòng và cảnh cáo những tín hữu khác! Trong trận chiến tâm linh cho sự tinh sạch và đầy trọn, sự xưng tội và lời cầu nguyện là những vũ khí chính của các tín hữu cùng với sự hiểu biết Phúc Âm và Lời của Đức Chúa Trời (xem Ê-phê-sô 6:10-20). Khi chúng ta thừa nhận mình sai phạm với Đức Chúa Trời và những người khác, chúng ta tìm được sự bình an và tiếp nhận. Khi chúng ta giúp những người khác tìm được hy vọng và sự trợ giúp, chúng ta tìm được chính mình. Xem chủ đề đặc biệt bên dưới.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦU THAY

I. Giới thiệu

- A. Sự cầu nguyện là quan trọng vì Đức Chúa Giê-su đã làm gương

1. Lời cầu nguyện riêng, Mác 1:35; Lu-ca 3:21; 6:12; 9:29; 22:29-46
 2. Dẹp sạch đền thờ, Ma-thi-ơ 21:13; Mác 11:17; Lu-ca 19:46
 3. Lời cầu nguyện mẫu, Ma-thi-ơ 6:5-13; Lu-ca 11:2-4
- B. Cầu nguyện là thực hiện hành động thấy được về niềm tin chúng ta nơi một Đức Chúa Trời hay chăm sóc, quan tâm đến cá nhân, Đấng đang hiện diện, sẵn sàng và có thể hành động thay cho chúng ta và những người khác
- C. Đức Chúa Trời đích thân tự giới hạn chính Ngài để đáp lại lời cầu nguyện của con cái Ngài trong nhiều lãnh vực (Gia-cơ 4:2)
- D. Mục đích chính yếu của sự cầu nguyện là tương giao và dành thì giờ với Ba Ngôi Đức Chúa Trời.
- E. Tầm bao quát của sự cầu nguyện là bất cứ điều gì, bất cứ ai có liên quan đến người tin Chúa. Chúng ta có thể cầu nguyện một lần, rồi tin, hay là cầu nguyện nhiều lần lặp đi lặp lại khi tư tưởng và sự lo âu lại đến.
- F. Sự cầu nguyện bao gồm một số yếu tố sau:
1. Ngợi khen và chúc tụng Ba Ngôi Đức Chúa Trời
 2. Cảm tạ Chúa về sự hiện diện, mối tương giao và sự chu cấp của Ngài
 3. Xưng tội, trong quá khứ và hiện tại
 4. Cầu xin những nhu cầu hay những mong ước chúng ta cảm biết được
 5. Cầu thay dâng lên những nhu cầu của người khác trước mặt Cha
- G. Sự cầu thay là một huyền nhiệm. Đức Chúa Trời yêu thương người mà chúng ta cầu thay còn hơn cả chúng ta, thế nhưng sự cầu thay của chúng ta lại thường đem đến sự thay đổi, sự đáp ứng, hay nhu cầu không những trong chính chúng ta, mà cũng đem đến trong họ nữa.

II. Các dữ liệu trong Kinh thánh

A. Cựu ước

1. Những ví dụ về sự cầu thay:

a. Áp-ra-ham nài xin cho Sô-đôm, Sáng-thế-ký 18:22 và tiếp sau

b. Môi-se cầu nguyện cho dân Y-sơ-ra-ên

(1) Xuất Ê-díp-tô ký 5:22-23

(2) Xuất Ê-díp-tô ký 32:31 và tiếp sau

(3) Phục truyền 5:5

(4) Phục truyền 9:18, 25 và tiếp sau

c. Sa-mu-ên cầu nguyện cho Y-sơ-ra-ên:

(1) I Sa-mu-ên 7:5-6, 8-9

(2) I Sa-mu-ên 12:16-23

(3) I Sa-mu-ên 15:11

d. Đa-vít cầu nguyện cho con, II Sa-mu-ên 12:16-18

2. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người cầu thay, Ê-sai 59:16

3. Tội lỗi biết được nhưng không xưng ra hay thái độ không ăn năn ảnh hưởng đến sự cầu nguyện

a. Thi thiên 66:1

b. Châm ngôn 28:9

c. Ê-sai 59:1-2; 64:7

B. Tân ước

1. Công tác cầu thay của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh:

a. Đức Chúa Giê-su

(1) Rô-ma 8:34

(2) Hê-bơ-rơ 7:25

- (3) I Giăng 2:1
- b. Đức Thánh Linh, Rô-ma 8:26-27
- 2. Mục vụ cầu thay của Phao-lô
 - a. Cầu thay cho người Do Thái
 - (1) Rô-ma 9:1 và tiếp sau
 - (2) Rô-ma 10:1
 - b. Cầu thay cho các Hội thánh
 - (1) Rô-ma 1:9
 - (2) Ê-phê-sô 1:16
 - (3) Phi-líp 1:3-4, 9
 - (4) Cô-lô-se 1:3, 9
 - (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-3
 - (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11
 - (7) II Ti-mô-thê 1:3
 - (8) Phi-líp 4
 - c. Phao-lô xin các Hội thánh cầu nguyện cho ông
 - (1) Rô-ma 15:30
 - (2) II Cô-rinh-tô 1:11
 - (3) Ê-phê-sô 6:19
 - (4) Cô-lô-se 4:3
 - (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 5:25
 - (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 3:1
- 3. Mục vụ cầu thay của Hội thánh:
 - a. Cầu thay cho nhau:
 - (1) Ê-phê-sô 6:18
 - (2) I Ti-mô-thê 2:1
 - (3) Gia-cơ 5:16
 - b. Cầu nguyện cho các thành phần đặc biệt:
 - (1) Cho kẻ thù, Ma-thi-ơ 5:44
 - (2) Cho những người làm công việc Chúa, Hê-bơ-rơ 13:18
 - (3) Cho nhà cầm quyền, I Ti-mô-thê 2:2
 - (4) Cho người bệnh, Gia-cơ 5:13-16
 - (5) Cho những người sa ngã, I Giăng 5:16
 - c. Cầu nguyện cho mọi người, I Ti-mô-thê 2:1

III. Cản trở những lời cầu nguyện được nhậm:

- A. Mối liên hệ của người tin Chúa với Chúa và với Đức Thánh Linh
 - 1. Ở trong Ngài, Giăng 15:7
 - 2. Trong danh Ngài, Giăng 14:13,14; 15:16; 16:23-24
 - 3. Trong Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:18; Giu-đe 20
 - 4. Theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, Ma-thi-ơ 6:10; I Giăng 3:22; 5:14-15
- B. Động cơ của người cầu nguyện
 - 1. Không giao động, Ma-thi-ơ 21:22; Gia-cơ 1:6-7
 - 2. Khiêm nhường và ăn năn, Lu-ca 18:9-14
 - 3. Cầu xin sai lầm, Gia-cơ 4:3
 - 4. Ích kỷ, Gia-cơ 4:2-3
- C. Các khía cạnh khác trong đời sống người cầu nguyện
 - 1. Trung kiên
 - a. Lu-ca 18:1-8

- b. Cô-lô-se 4:2
- c. Gia-cơ 5:16
- 2. Cúi cầu xin
 - a. Ma-thi-ơ 7:7-8
 - b. Lu-ca 11:5-13
 - c. Gia-cơ 1:5
- 3. Xích mích trong gia đình, I Phi-e-rơ 3:7
- 4. Được giải phóng khỏi tội lỗi biết được
 - a. Thi thiên 66:18
 - b. Châm ngôn 28:9
 - c. Ê-sai 59:1-2
 - d. Ê-sai 64:7

IV. Kết luận thần học:

- A. Quả là một đặc ân! Quả là một cơ hội! Thật là một nhiệm vụ và một trách nhiệm!
- B. Đức Chúa Giê-su là gương mẫu cho chúng ta. Chúa Thánh Linh là người hướng dẫn chúng ta. Đức Chúa Cha đang mong đợi chúng ta.
- C. Nó có thể thay đổi bạn, gia đình bạn, bạn bè của bạn và thế giới.

▣ **“hầu cho anh em được lành bệnh”** Đây là dạng CẦU KHẨN THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE SUBJUNCTIVE) thêm vào ý nghĩa của câu văn yếu tố bất ngờ. Đức Chúa Trời là Đấng thực hiện sự chữa lành. Chữ “bệnh” trong câu 14 có lưỡng nghĩa (2 nghĩa) như thế nào, thì chữ “được chữa lành” cũng như vậy. Nó có thể ám chỉ đến sự chữa lành thuộc thể hay là thuộc linh. (xem Ma-thi-ơ 13:15 trích dẫn từ Ê-sai 6:10; Hê-bơ-rơ 12:11-13; I Phi-e-rơ 2:24 trích dẫn từ Ê-sai 53:5).



NASB “người công bình lấy lòng sốt sắng cầu nguyện, thật có linh nghiệm nhiều.”

NKJV “lời cầu nguyện hữu hiệu, sốt sắng của người công bình thật linh nghiệm nhiều”

NRSV “lời cầu nguyện của người công bình thật quyền năng và hiệu nghiệm”

TEV “lời cầu nguyện của người tốt có tác động mạnh mẽ”

NJB “lời cầu nguyện thành khẩn của người đứng đắn hành động mạnh mẽ”

Chi tiết này dường như ám chỉ hai điều kiện: (1) sự công chính; và (2) sự kiên trì (xem câu 17 và Ma-thi-ơ 7:7-8). Tính hữu hiệu của lời cầu thay liên hệ với đời sống tâm linh của người cầu thay (xem Châm-ngôn 15:29) và phụ thuộc chính yếu vào ý muốn cùng với quyền năng của Đức Chúa Trời. Có nhiều câu hỏi đặt ra liên hệ với lời hứa của lời cầu nguyện hiệu nghiệm

1. Phải hiểu ý nghĩa chữ “công chính” như thế nào?
 - a. Là một tín hữu (bởi địa vị trong Đấng Christ)
 - b. Là một vị lãnh đạo Hội thánh (địa vị trong Hội thánh)
 - c. Là một tín hữu tin kính (vì giống như Đấng Christ)
2. Phải hiểu ý nghĩa chữ “hiệu nghiệm” như thế nào?
 - a. Mọi lời cầu nguyện đều được chấp thuận
 - b. Nếu chúng ta cầu nguyện trong ý muốn của Đức Chúa Trời, mọi lời cầu nguyện đều được nhậm
 - c. Dâng trình những hy vọng, ước mơ, mong ước theo con người của chúng ta và tin cậy Đức Chúa Trời sẽ ban đều tốt nhất trong ý muốn của Ngài cho những tín hữu (cả về thể xác lẫn tâm linh)
3. Thời gian, thời điểm liên hệ với điều này như thế nào?
 - a. Người công chính cầu nguyện kiên trì, nhiều lần trong một khoảng thời gian (kiên trì và lặp lại)
 - b. Thời gian, sự kiên trì và lặp lại không phải là những yếu tố quyết định.
4. Nếu lời cầu nguyện không được nhậm, ai là người có lỗi?

- a. Người được cầu thay (thiếu đức tin hay là phạm tội)
 - b. Người cầu thay (thiếu đức tin hay là phạm tội)
 - c. Ý muốn của Đức Chúa Trời (không đúng thời điểm hay không theo ý muốn của Đức Chúa Trời)
 - d. Sự kết hợp của cả ba điều trên (bí ẩn về lời cầu nguyện của những tín hữu không được trả lời)
5. Có phải đây có thể chỉ là câu châm ngôn chứ không có ý dùng để phân tích chi tiết?
Xem chủ đề đặc biệt ở 1:7.

5:17 “Ê-li” Ông là một vị tiên tri rất quan trọng bởi vì mối liên hệ giữa ông với sự hiện đến của Đấng Mết-si-a theo như trong Ma-la-chi 4:5. Rõ ràng Gia-cơ viết thư này với suy nghĩ trong bối cảnh sự tận thế.



NASB, NKJV “bản chất giống chúng ta”
NRSV “một con người giống như chúng ta”
TEV “cũng là con người như chúng ta”
NJB “con người yếu đuối như chúng ta”

Không có ai là thần thánh toàn vẹn. Tất cả chúng ta đều là con người (xem Công-vụ 14:15). Cần nhớ rằng tiên tri Ê-li cũng không phải là người tin kính trọn vẹn. Xin mời đọc I Các Vua 18-19.

▣ **“cầu nguyện. . .ba năm sáu tháng”** Yếu tố thời gian không có ghi trong I Các Vua 17:1, nhưng là một phần suy đoán của các tu sĩ Do Thái Giáo (xem Lu-ca 4:25).

5:18 Ê-li là một điển hình cho lời cầu nguyện được Đức Chúa Trời nhậm, ông cầu nguyện cho trời không mưa, rồi sau đó ông cầu nguyện cho trời đổ mưa. Đức Chúa Trời dùng Ê-li để hoàn tất ý chỉ và chương trình của Ngài. Tiên tri Ê-li là một công cụ của Đức Chúa Trời. Lời cầu nguyện không khiến Đức Chúa Trời hành động miễn cưỡng (ngược với ý chỉ của Ngài), nhưng lời cầu nguyện truyền dẫn ý muốn và chủ đích của Đức Chúa Trời qua những con cái Ngài.

BẢN NASB 5:19-20

¹⁹ Hỡi anh em, trong vòng anh em nếu có ai lầm lạc cách xa lẽ thật, mà có người khác làm cho nó trở lại, ²⁰ thì phải biết rằng kẻ làm cho người có tội trở lại, bỏ đường lầm lạc, ấy là cứu linh hồn người khỏi sự chết và che đậy vô số tội lỗi.

5:19 “anh em” Xem ghi chú trong 1:2 và 1:9.

▣ **“nếu”** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL) phụ thuộc vào hai việc: (1) có một người tín hữu sai lạc và (2) có một người tín hữu khác sẵn lòng giúp đỡ.

▣ **“lầm lạc cách xa lẽ thật”** Sự sai lạc có cả hai yếu tố về giáo lý và đạo đức (xem Hê-bơ-rơ 5:2). Chữ “sai lạc” có chung từ nguyên trong tiếng Hy Lạp với chữ “planet” trong Anh ngữ. Khi người cổ đại nhìn lên bầu trời đêm và vẽ định vị các vì sao thì họ thấy có một số ngôi sao không theo một quỹ đạo thông thường. Ngày nay, chúng ta biết đó là những ngôi sao trong thái dương hệ của chúng ta. Người cổ đại gọi những vì sao này là “những kẻ lang thang, lầm đường lạc lối.” Dạng ngữ pháp của động từ tại đây là CÂU KHẨN THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE SUBJUNCTIVE). THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST) bày tỏ ý vẫn vơ, lang thang. DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) cho biết chủ ngữ đang bị chi phối. Đa số các bản dịch chuyển ngữ động từ này như dạng TRUNG CẤP (MIDDLE) hay là CHỦ ĐỘNG (ACTIVE) (NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB, và NIV). Bản dịch *The Twentieth Century NT* do Henry Alford chuyển ngữ dùng ý THỤ ĐỘNG (PASSIVE). Trong tiếng Hy Lạp Koine, DẠNG THỤ

ĐỘNG (PASSIVE VOICE) được thay thế bởi DẠNG TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE) xem quyển *Studies in the Epistle of James* của A. T. Robertson trang 196 (phần phụ chú #6). Đặc điểm này có thể giải thích cho 4:7 và 10. Những tín hữu sai lạc là bởi vì (1) chủ ý; (2) các giáo sư giả lừa gạt (xem Ê-phê-sô 4:14); và (3) bị ma thuật chi phối (xem Ê-phê-sô 4:14). Vấn đề chính không phải đâu là nguyên nhân nhưng là nhu cầu cần phải xưng tội, ăn năn, cầu nguyện và nhận được sự trợ giúp từ các tín hữu khác.

▣ **“mà có người khác làm cho nó trở lại”** Các tín hữu có trách nhiệm giúp đỡ lẫn nhau (xem II Cô-rinh-tô 2:7; Ga-la-ti 6:1; Ê-phê-sô 4:32; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:15).

5:20

NASB, NKJV **“thì phải biết rằng”**

NRSV **“anh em cần biết rằng”**

TEV **“ghi nhớ điều này”**

NJB **“anh em có thể chắc chắn”**

Đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Nó là một thành ngữ bày tỏ sự tin cậy cho câu tiếp theo sau.

▣ **“làm cho nó trở lại”** Việc bản Septuagint sử dụng chữ Hy Lạp *epistrephō* để dịch chữ ăn năn trong tiếng Hê-bơ-rơ (*shuv*) rất quan trọng bởi vì: Y-sơ-ra-ên được xem là tuyển dân của Đức Chúa Trời, do đó sự “quay lại” này được xem là “quay trở lại với” Đức Chúa Trời hay là làm mới lại mối liên hệ trước đó. Ý nghĩa này được bày tỏ trong lời văn tại đây của thư Gia-cơ.

▣ **“kể làm cho người có tội trở lại, bỏ đường lầm lạc, ấy là cứu linh hồn người khỏi sự chết”** Theo mạch văn này ám chỉ đến (1) mối liên hệ giả định giữa tội lỗi và bệnh tật trong câu 15 hay (2) sứ điệp của cả sách về những lời cảnh cáo liên hệ đến những trách nhiệm trong giao ước. Quan điểm thần học hệ thống của chúng ta thường giải nghĩa những phân đoạn tương tự với 5:19-20 theo những cách “chấp nhận” được. Hiện nhiên đây vẫn là lời cảnh cáo gây sốc đối với các Cơ-Độc Nhân. Tội lỗi gây ra sự chết: chết thuộc thể, chết thuộc linh và chết đời đời. Tội lỗi không xưng ra trở thành kẻ thù mạnh mẽ và lừa dối. Hãy lánh xa nó, hãy xưng tội.

Có một phụ chú thú vị và sâu sắc từ quyển *Hard Sayings of the Bible* của nhà xuất bản IVP:

“Cả sách Gia-cơ lẫn phần còn lại của Tân Ước đều không quan tâm đến việc trả lời cho câu hỏi thuộc loại suy diễn: ‘Làm thế nào mà một Cơ-Độc Nhân đã nhận được sự sống đời đời lại có thể đánh mất nó?’ Tất cả các câu trả lời thần học đã có đều dựa trên những quan điểm thần học giả định hoặc là chối bỏ ý nghĩa của một số đoạn Kinh Thánh (như ‘Cơ-Độc Nhân không thực sự phải chết mất đời đời, nhưng chỉ đánh mất phần thưởng của họ’) hoặc giải thích những khúc Kinh Thánh đó theo niềm tin thần học của họ (những người theo phái Calvinist sẽ trả lời rằng ‘Bề ngoài họ tỏ ra như là Cơ-Độc Nhân nhưng lại thiếu sự bền đỗ chứng tỏ họ chưa được tái sinh’ hay phái Arminian ‘Đúng, con người có thể đánh mất đức tin và hư mất’). Gia-cơ, giống như tất cả những tác giả Tân Ước khác, không chú tâm đến cái (tử mi) “chặt chẽ” của thần học nhưng quan tâm đến mục vụ. Ông chỉ đơn giản nhìn nhận hoàn cảnh (có một Cơ-Độc Nhân đang theo đường hướng sai lạc), thừa nhận sự hiểm nguy (cái chết) và đi, tiến hành sự giải cứu, thay vì thắc mắc rằng việc làm đó thích hợp như thế nào với quan điểm thần học của ông. Do đó cho dù những câu trả lời về thần học có thích hợp với vị thế của họ, chúng ta không nên trông chờ tác giả Tân Ước chọn và sử dụng chúng” (trang 708).

▣ **“che đậy vô số tội lỗi”** Chi tiết này đề cập đến sự tha thứ tội lỗi của những tín hữu sa ngã. Có thể điểm này liên quan đến Thi-thiên 32:1; 85:2; Châm ngôn 10:12; I Phi-e-rơ 4:8 (điều hiển nhiên trong ngôn ngữ Semitic) hay là I Cô-rinh-tô 13:7 khi tình thương từ chối nhìn xem khiếm khuyết trong những người khác. Các Cơ-Độc Nhân yêu thương những Cơ-Độc Nhân bị tổn thương. Trận chiến thuộc linh gây ra sự phá hại, nhưng cũng có những sự cải tạo. Chúng ta hãy bàn luận việc áp dụng điểm này vào trong hoàn cảnh ngày nay. Có lẽ từ câu 15, Gia-cơ có đề cập đến sự phục hồi thuộc thể. Phải chăng điểm này ám chỉ rằng

tất cả những tín hữu người Do thái lúc ban đầu đều được chữa lành? Nếu đúng, tại sao họ vẫn chết? Các câu 19-20 có thể là sự quả quyết thần học cho rằng ngay cả với những người đã chết thì tội lỗi của họ cũng đã được tha và được nhận sự sống đời đời. Những tín hữu tin Kinh thánh thì cũng là tin nơi sự hiện diện mầu nhiệm, sự chăm sóc, sự tiếp trợ, sự chữa lành của Đức Chúa Trời! Điều bí mật là khi nào, ở đâu, làm sao và những ai có liên quan và tại sao sự chữa lành thuộc thể lại không thường xảy ra. Thế giới quan dựa trên Kinh Thánh của chúng ta xác nhận tình thương, quyền năng và sự tể trị của Đức Chúa Trời ngay cả lúc chúng ta bị đau khổ, bệnh tật, sự bất bở và cái chết. Đức tin sống ngay cả khi thân thể chết. Vậy thì chúng ta hãy tiếp tục cầu nguyện, tin cậy, xưng tội, xúc dầu, khích lệ và yêu thương lẫn nhau.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Các tác giả Tân Ước có trông đợi sự đến lần thứ hai của Chúa trong lúc họ còn sống không? Nếu có thì Kinh Thánh có sai lầm không?
2. Tại sao sự kiên nhẫn là quan trọng trong phẩm tính của những tín hữu?
3. Một người có thể lấy danh Chúa làm chơi như thế nào?
4. Có phải Gia-cơ 5:13-20 đưa ra cho chúng ta một tiến trình cho sự chữa lành để chúng ta làm theo không?
5. Sự xưng tội liên hệ như thế nào với sự chữa lành?
6. Những lãnh đạo trong địa phương liên quan với sự chữa lành như thế nào? Các trưởng lão này là ai?
7. Sự sai lạc khỏi lẽ thật dẫn đến sự chết thuộc thể hay tâm linh?